Wason
AP95
V6 N567+

nghệ thuật

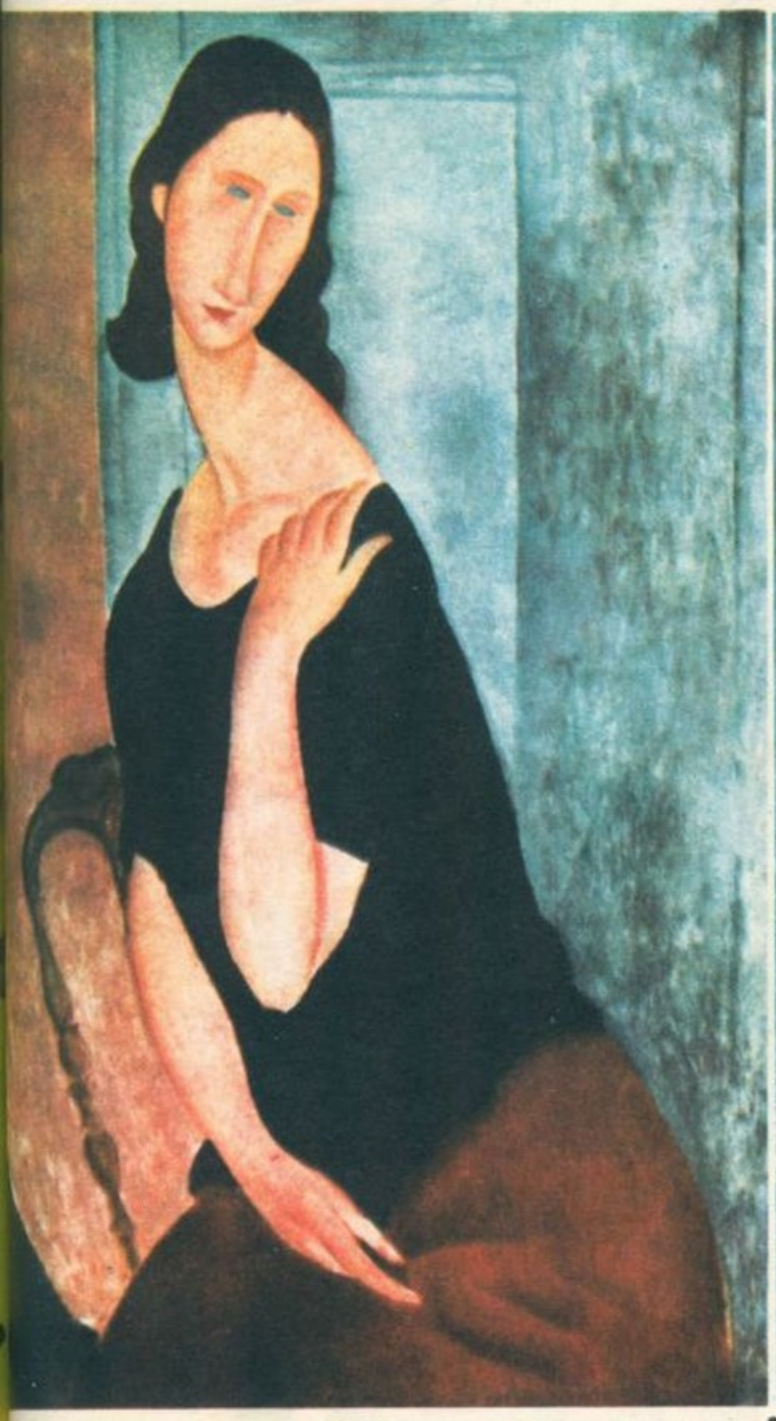

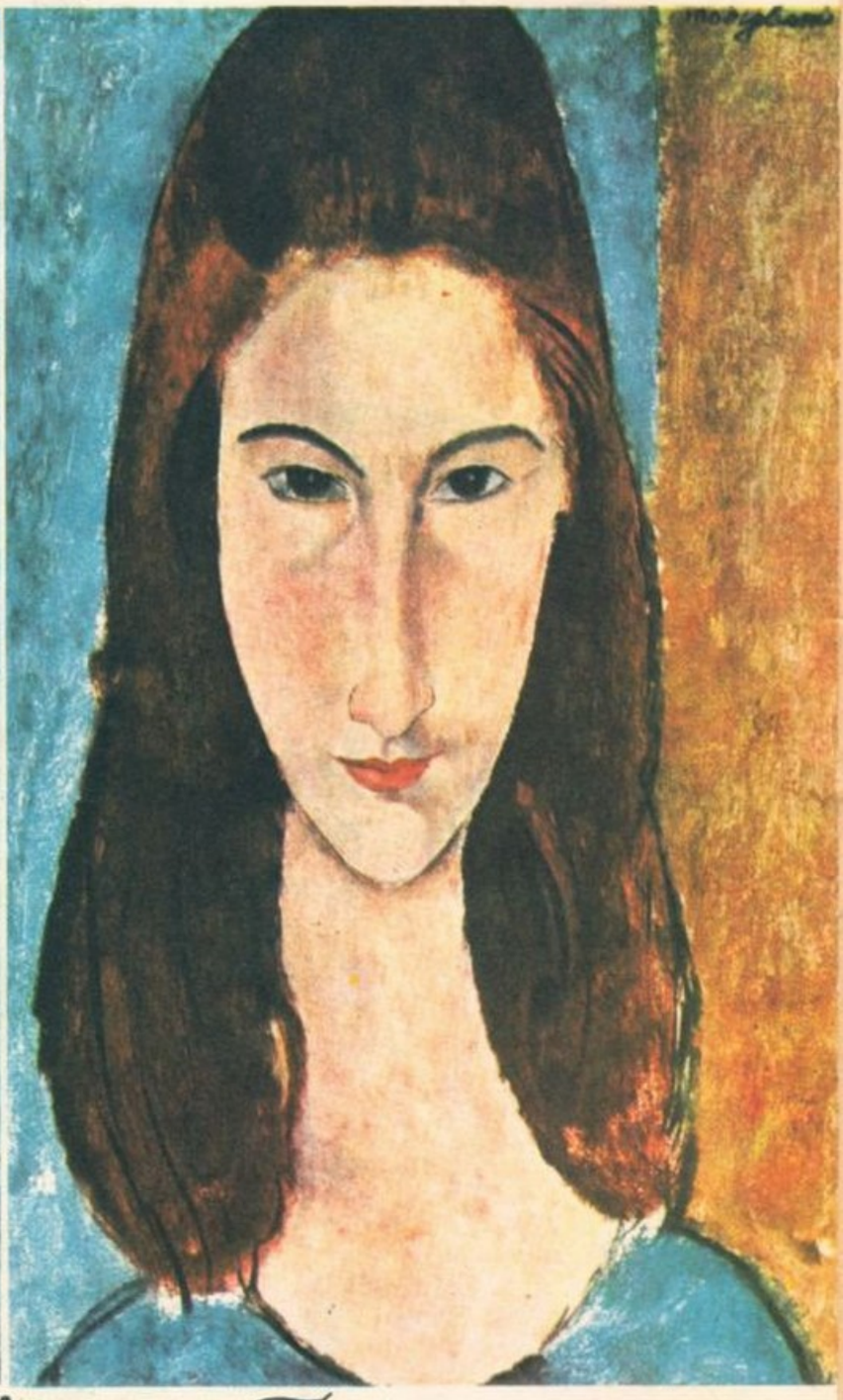

BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT
NGÀY THỨ BẢY

22

NỘI CHUYÊN GIỮA *** NHỮNG NGƯỜI VIẾT ** TIỂU THUYẾT NHẬT BÁO

(Một số tác giả cộng tác với Tia Sáng — Tiền Tuyến — Tiếng Vang — Sống Thời Sự Miền Nam — Dân Chúng — Sống Mới — Xây Dựng — Chánh Đạo

PHONG-PHÚ

Các bà mẹ Việt-nam đều hài lòng khi dùng

Sữa bột ngọt

Babilac

Vì: đầy đủ chất bổ dưỡng — nhiều sinh tố A D C.

BÁN KHẮP MỌI NƠI

GIÁ RẺ - TAN NGAY - DỄ DÙA
KHÔNG BAO GIỜ THIẾU HỤT

nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

lê xuyên □ hoàng hải thủy □ ngọc linh □ hoàng trúc ly □ sĩ trung □ duyên anh □ nói về tiểu thuyết đăng báo

1

VẤN ĐỀ – NHẬN ĐỊNH

THANH TÂM TUYỀN
Đọc Hồ Hữu Tường
Qua Trầm Tư của một
tên tội tử hình
BÙI NGỌC DUNG
Eugene O'Neil
và thảm kịch nhân loại

3

TRUYỆN DÀI

DOÃN QUỐC SỸ
Cui đầu
MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi
MẶC ĐỖ
Những tin ngắn văn học
nghệ thuật
trong và ngoài nước
Đọc tác phẩm
Trong Thành Phố Ngoài

THƠ JACQUES BOREL □ JACQUES PRÉVERT □ NGUYÊN SA □ CAO THOẠI CHÂU □ VIÊN LINH

võ phiến : bể dâu trong tiếng nói

Mặt Trận của
Nguyễn Trung Dũng
Hervé Bazin
nhà văn đứng trước sự thật

2

THƠ – KỊCH – TRUYỆN

HOÀNG HẢI THỦY
chớp biển mưa nguồn
M. Hlasko
HOÀNG NGỌC NGUYÊN
Ngày thứ 8 trong tuần lễ
KIỆT TẤN
NGUYỄN ĐẠT
TẦN VY
Thơ

ALAIN FOURNIER
Anh Meaulnes
SƠN NAM
Vạch một chân trời

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

VŨ KHẮC KHOAN
Văn Nghệ và Cuộc Sống
XÍCH CHƯƠNG
Thời sự nghệ thuật :

NGHỆ THUẬT VÀ BẠN ĐỌC

Thư tòa soạn gửi
bạn đọc – Trả lời
thư tín...

một vở kịch đặc sắc của William Saroyan : trái tim trên cao nguyên

Tranh bìa số này: họa phẩm của MODI G.

Tòa soạn, Trị sự
233, Phạm Ngũ Lão Saigon
Điện thoại : 25.861

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT
MAI THẢO

TỔNG THƯ KÝ TOÀ SOẠN
THANH NAM

năm thứ hai, số
22
tuần lễ từ 12-3 tới 19-3-1966
— GIÁ 8đ. —

TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
TỪ NGỌC TOẢN

GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI
TRẦN VĂN PHỤNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN
VIÊN LINH

Trình bày : ĐẶNG GIAO ● GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 29-7-65 KD. số 520 ngày 11-3-66 ● In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN 233, Phạm ngũ Lão

đối thoại

Bạn đọc thân mến của Nghệ Thuật trên toàn quốc sẽ thấy, bài đầu từ số này, ở đây, trên cột báo và trang báo nay, một bài viết ngắn hàng tuần, bài viết mang tính thần một trình bày sơ lược của Nghệ Thuật gửi thẳng cho những người đọc nó.

Trình bày nhưng nét lớn, những ý chính, về những chặng đường Nghệ Thuật đã đi qua, cũng như về những phác thảo, những dự định mới mà diễn đàn này sửa soạn thực hiện, chủ đích của chúng tôi là nghiêng nặng hơn nữa, hơn trước, trong trao gởi tương lai và vạn mệnh tờ Nghệ Thuật này tới tay bạn đọc, cho diễn đàn nay không chỉ là của riêng một phía, mà đích thực là một công trình nhọc dưỡng và phát huy chung của hai phía chúng ta.

Vung đất hợp mặt của văn học nghệ thuật hiện đại nay mọc ra, và sự thực đó đã được khẳng định từ đầu, đã được ao được chấp nhận như một công trình tập thể. Chúng tôi đánh giá người đọc nghệ thuật rất cao. Bởi vậy, mà nếu Nghệ Thuật là một công trình xây dựng tập thể, công trình đó không thể thiếu vắng ý thức, sự có mặt, sự góp phần, sự gia nhập trực tiếp và thường xuyên của người thưởng ngoạn.

Thoát ly nhưng con đường đã đi, nhưng miền tới đã tới, của văn học nghệ thuật quá khứ, không phải chỉ là một thiểu số những người viết tiền phong đang làm cái công việc phá vỡ mở đường. Mà là một tập thể thuỷ chiến, đang cùng nhau mở chung một lối thoát, đi tới một chân trời, dựng lên một thế giới. Bằng vào một vận động toàn diện làm mới văn học nghệ thuật nay, bạn đọc hãy đến với chúng tôi, nhận lời tham dự trực tiếp và cụ thể hơn nữa, vào làm lớn, làm mạnh, làm bền vững diễn đàn này.

Khe đó biên thùy và khoảng cách chia giữa người sáng tác và người thưởng ngoạn, cho tờ Nghệ Thuật này được là một xây dựng chung của chúng ta, do ta khẳng định mới của chúng tôi. Và bởi vậy mà từ nay giữa chung ta sẽ thường xuyên có trình bày, đối thoại và trao đổi ý kiến.

MAI THẢO

nghệ thuật phê bình

Trong thành phố ngoài mặt trận

truyện của Nguyễn trung Dũng, tác giả xuất bản — dày 150 trang, gồm 4 truyện ngắn.

Ngoài một mặt trận nào đó, một chiếc trực thăng mang vào một thành phố nào đó hai người chết không tên gọi, không mặt mũi gói trong hai chiếc áo đi mưa, những người không chỉ định : viên thượng sĩ, hai người lính đón họ, rồi chiếc trực thăng lại bay đi, người chết nằm im và những lời đối thoại của những người còn lại trong thành phố, lave, gái, chửi tục. *Tao lo rồi mai rồi một gì đó, chết không có đất mà chôn, không có người mà vuốt mắt... chiến tranh thiệt kỳ, không làm ăn được gì hết ráo... nhăng nhít với một con điếm già nuôi em út mưu sinh. Hắn như con rệp an phận chui rúc trong kẹt gỗ. Khoảng trên đầu vẫn vùng bóng tối mầu hắc ín của đêm* (T.T.P.N.M.T.)

Rồi tại một thành phố khác một người đàn bà không thỏa mãn thích được đấm bóp, thích được ngủ với tên tẩm quất ; một người thất bại sống trong ảo tưởng tự nhận là cách mạng, là trí thức, thích sưu tầm các giống thú nhưng cũng không thỏa mãn. Khách sạn, tiếng sóng bể, những tù túng, tiếng ho hen (Con Người Nổi Loạn).

Tại sao chúng tôi đã không ý thức được việc cầm súng bắn đồng loại tôi. Chúng tôi có nên tự hào chúng tôi đã vượt qua sông. Tiếng nói của một người trước đó lựa chọn cho mình là cộng sản, và khi tiếng nói đó bắt đầu là khi hắn không còn là cộng sản, hắn biết hắn đang ở đâu, hắn biết hắn đang được cứu sống trong một bệnh viện, nhưng ở đó vẫn còn tiếng động những chuyến xe lên đường hành quân, tiếng súng và tiếng kêu rên rỉ của một mặt trận đã im. Những tâm sự không muốn hết, những tâm sự làm mệt người nói và nghe, làm mệt đời sống, nhưng chính hắn không thể làm khác hơn, nếu không nói hắn không biết hắn còn sống hay đã chết; không biết hắn còn là người hay không. Trong tiếng nói ấy có tiếng thở dài của cuộc chiến tranh và nỗi vô vọng trong tương lai. (Kẻ Đầu Hàng)

Từ khung cảnh Trong Thành Phố Ngoài Mặt Trận, đến Con Người Nổi Loạn rồi Kẻ Đầu Hàng, cuốn truyện khép lại với Bò Lê Về Phía Mặt Trời chỉ ngần ấy, với ý nghĩa những tên truyện chúng ta đã thấy cả một diễn trình. Rời khỏi hai xác chết, mấy người bạn bên chai la de; rời khỏi tâm sự một người lơ láo trong thành phố với khách sạn đầy không khí ẩm ướt, kẻ bất mãn; rời khỏi tâm sự một người trở về, Bò Lê Về Phía Mặt Trời là tâm sự, cuộc sống của những người trẻ tuổi, những người ta tham dự cuộc chiến, đang sống cho cuộc chiến và chết cho cuộc chiến. Hoặc có thể nói đó là cái nhìn của một người trẻ vào đời sống những người đồng lứa Một cô gái tên Liên, bố chết trong chiến tranh, mẹ chết trong hoàn cảnh bị vây phủ bởi cuộc chiến. Nàng không giữ nổi mình trong cuộc sống, một mối tình ; nàng chạy theo những tráo trở, thay mũ đổi áo để lấy một người Mỹ. Một người thanh niên thất vọng, tật bệnh, chết đi trong không khí một xã hội độc dược. Và quanh đó một xã hội, một cuộc sống không tìm thấy sinh khí. Chỉ có màu xám, màu đen, chỉ có những con quạ bay trên đầu, những con nhặng xanh trước mặt.

Đọc hết cuốn truyện, với bốn truyện ngắn trong 120 trang sách chữ đặc, dù được cắt ra thành từng mẩu nhỏ người ta thấy trong tác phẩm của Nguyễn trung Dũng có một tinh thần toàn thể, một bối cảnh nhất định, một không khí bao trùm. Tinh thần ấy là một tinh thần buồn nản, chán chường bải hoải, bối cảnh ấy là bối cảnh xã hội chúng ta đang sống với súng đạn, máu, nước mắt, cái chết chờ đợi và không khí ấy là không khí dồn nén, tức thở trong một tù túng mà chúng ta phải chịu đựng trong nhiều năm nay vẫn chưa tháo gỡ ra được. Dù vậy tác phẩm của Nguyễn Trung Dũng không khiến, không mang đến cho người đọc tinh thần bi quan,

● xem tiếp trang 33

10-3, khai mạc phòng tranh của hội cựu quân nhân yêu nước

Sáng 10-3, hội cựu quân nhân yêu nước đã khai mạc phòng tranh tại phòng Triển Lãm Đô Thành, đường Tự Do. Buổi lễ khai mạc đặt dưới quyền chủ tọa của Bác Sĩ Trung Tá Đô Trưởng.

Một nhật báo mới : Miền Tây

Nhà văn An Khê cho biết, một tờ nhật báo do ông chủ trương sắp được xuất bản, Nhật báo lấy tên là Miền Tây. Như cái tên, Miền Tây sẽ đặc biệt chú trọng vào thành phần độc giả của Miền Tây.

10 ngày triển lãm: thu 193.000 đồng

Trong tuần lễ đầu tháng 3-66, họa sĩ Nguyễn Bình đã thu được nhiều thành công sau 10 ngày triển lãm tranh tại đường Tự Do. Trưng bày 52 bức, anh đã bán được tới con số 45, với số tiền trị giá 193.000 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Y Uyên

Nhà xuất bản Thời Mới của Võ Phiến sắp cho phát hành cuốn truyện ngắn đầu tay của Y Uyên : Tượng Đá Sườn Non. Y Uyên là tác giả nhiều truyện ngắn rất được để ý hồi gần đây.

Nghệ Thuật Đóng Tập

Thể theo lời bạn đọc, Nghệ Thuật đã cho đóng tập từ số *1 tới số 15*, gáy simili, bìa cứng mạ chữ vàng. Số đóng rất có hạn. Bạn nào muốn có Nghệ Thuật đóng tập hoặc tới tòa soạn, hoặc cho biết địa chỉ chúng tôi sẽ giao tận nhà ; giá như sau :

— 200 đồng mỗi tập cho các bạn ở đô thành.

— 200 thêm 30 đồng cước phí gửi bảo đảm cho các bạn ở các tỉnh.

Tin về hai giải thưởng Nguyễn văn Vĩnh và Gia Định Báo

Hội Đồng Báo Chí tổ chức kỷ niệm 100 năm báo chí Việt Nam đã thành lập một Ban Tuyển Trạch về hai giải thưởng, giải Nguyễn Văn Vĩnh (dành cho những thiên điều tra phóng sự) và giải Gia Định Báo (dành cho những số báo đặc biệt về 100 năm báo chí).

Thành phần ban tuyển trạch như sau :

— Giáo sư Nghiêm Toản, Trưởng Ban Hán Văn Trường Đại Học Văn Khoa Saigon.

— Linh Mục Thanh Lãng, Trưởng Ban Văn Chương Việt Nam Trường Đại Học Văn Khoa Saigon.

— Ông A. M. Crocker, phụ tá báo chí Sở Thông tin Hỗn hợp Hoa Kỳ tại Saigon.

— Ông Sanae Shirata, bí thư Tòa Đại Sứ Nhật tại Saigon.

— Ông Nam Đình, Tổng lý báo «Thần Chung», đại diện Hội Đồng Báo Chí.

— Ông Việt Đình Phương, biên tập viên tuần báo «Nước Nam», đại diện Nghiệp đoàn Ký giả.

— Ông Tam Mộc, chủ nhiệm báo «Buổi Sáng», đại diện Hội Chủ báo.

Một mối tình của Năm Châu : Sân Khấu Về Khuya

Các nghệ sĩ đoàn Thanh Minh Thanh Nga hiện đang tập rượt vở tuồng Sân Khấu Về Khuya (hay Trong Bóng Hậu Trường), soạn phẩm của Năm Châu.

Người ta bàn tán rằng dường như trong vở này, người nghệ sĩ lão thành đã muốn hồi tưởng một mối tình thuở xa xưa với cô Phùng Há, hiện sống ở Pháp. Vở tuồng này 8 năm trước khi còn là một thoại kịch, đã gây nhiều sôi nổi, và soạn giả Năm Châu đã phải tự ý xếp lại.

Nỗi Buồn Con Gái Tuyệt Tình Ca

Diễn lần chót trước ban tuyển chọn G. T. T

Trong hai đêm 17 và 18 - 3, tại Rạp Quốc Thanh, Đoàn Dạ Lý Hương sẽ trình diễn hai vở tuồng của đoàn.

— NỖI BUỒN CON GÁI của Hà Triều Hoa Phượng

— TUYỆT TÌNH CA của Hoa Phượng Ngọc Điệp để ban Tuyển chọn xem lần chót trước khi quyết định chung thẩm giải Thanh Tâm 1965.

HERVÉ BAZIN ĐỨNG TRƯỚC SỰ THẬT

Hervé Bazin là một nhà văn Pháp trẻ tuổi hiện nay. Những tác phẩm của ông đều gây được chấn động lớn, tiếng nói của Hervé Bazin có thẩm quyền, như sự có thẩm quyền về đánh giá một tác phẩm hay cho giải thưởng Goncourt mà Hervé Bazin là nhà văn trẻ nhất trong hội đồng giám khảo. Nói đến Hervé Bazin là nói đến những phê phán nghiêm khắc, một lối phát biểu thẳng băng đến tàn nhẫn, như chúng ta thấy trong bài phỏng vấn Hervé Bazin dưới đây của tuần báo Les Nouvelles Littéraires, mà chúng tôi trích dịch những đoạn đặc biệt nhất.

Hãy nghe Hervé Bazin nhận định, về văn chương và hiện đại :

Tôi không tin thời đại này là một thời đại yếu kém. Trái lại, đây là một trong những thời đại kỳ lạ nhất của con người. Nhưng không phải là trong văn chương bây giờ mà sự lớn lao đó được biểu hiện. Văn chương hiện nay không sống với những vấn đề lớn, những phiêu lưu lớn của thời đại. Điều mà văn chương đã làm giữa hai trận thế chiến— với Malraux, chẳng hạn — văn chương thôi không làm nữa. Cuộc chinh phục không gian có một tầm quan trọng vô tả đối với tương lai con người, mới chỉ bắt nguồn được cho thứ văn chương khoa học giả tưởng. Còn bao nhiêu vấn đề trọng đại khác bị bỏ rơi.

— Nghĩa là ông tiếc rằng Tiểu Thuyết Mới không quan tâm đến thế giới hỏa tiễn ?

— Tiểu Thuyết Mới, trên nguyên tắc, ở ngoài thời đại. Đó là một nghệ thuật vị nghệ thuật. Đó là một tự thú bất lực. Sự giảm sút trong gắn bó với thực tại chứng tỏ rằng thời đại chúng ta—hay TâyPhương — chỉ tin tưởng nửa vời những giá trị của mình.

— Chính tiểu thuyết ông cũng không phản ánh xâu đâm những băn khoăn lớn của thời đại.

— Tất cả chúng ta đều có tội, hoặc, tôi nhắc lại, đều bất lực. Có lẽ ở chúng ta thiếu một trò lui để lấy đà. Thiếu can đảm nữa. Thiếu phương tiện. Phần tôi, nếu tôi sẽ làm được những gì theo ý muốn, trong năm hoặc mười năm tới, phần thứ nhì của sự nghiệp tôi sẽ rất khác biệt với phần thứ nhất.

— Điều đáng ghi nhận là những người trước kia chê trách ông bây giờ lại ngợi khen ông về những ý tưởng tốt đẹp biểu hiện trong tiểu thuyết ông.

Tôi không chống những ý tưởng tốt cũng không chống những ý tưởng xấu ! Tôi đứng về phía những ý tưởng đúng và thật :

— Niềm tin, có là một ý tưởng thật :

— Với nhiều người khác, chắc chắn là như thế. Phần tôi, niềm tin một cái gì hoàn toàn xa lạ.

Một tập truyện mới của Dương Nghiễm Mậu

Sau cuốn *Tuổi Nước Độc* được phát hành trong loại sách xuất bản hàng tháng của tập san Văn, một tập truyện ngắn khác của nhà văn Dương Nghiễm Mậu đã được in xong, đó là cuốn *Đôi Mắt Trên Trời*, do nhà Giao Điểm xuất bản. Theo tác giả cho biết một số tác phẩm khác sẽ được in trong năm nay là những sách đã được viết trước đây và hiện nay Dương Nghiễm Mậu đang nghỉ viết.

Đoàn Dạ Lý Hương và Nửa Mảnh Tình Xuân

Từ 7 - 3, đoàn Dạ Lý Hương đã trở lại thủ đô và khởi sự diễn tại Quốc Thanh vở tuồng Nửa Mảnh Tình Xuân, soạn phẩm của Thiếu Linh, Ba Vân.

BỂ DÂU TRONG

TRÊN nhật báo *Tiền Tuyến* có một lần Thợ Đấu « thuồng » một số lối nói mới của tạp chí *Lý Tưởng* (của Không quân) đăng lại cho độc giả xem chơi. Việc làm thật đáng công. Lối nói ấy đại khái thế này :

« — Bạn *rước đèn* đều đều với *em*, vậy chừng nào bạn cưới *em* đấy ?

— *Ít khi* cưới lắm.

— Bar Le Cochon có *em thơm* quá, mình là *người Giao chỉ*, em che quá.

— Thằng ấy lố lăng trông đến ghét. *Nặng về phần trình diễn* thật.

— Nào, *đi một đường* cho đẹp mắt coi, ngượng gì nữa.

— Hẹn tám giờ mà chín giờ mới đến. *Leo* ».

Cái giới những tay phong lưu, sống hào hoa phong túng hơn thiên hạ một chút, thời nào cũng có ít nhiều đặc điểm bay bướm trong ngôn ngữ. Nhưng thời này thì ngôn ngữ của họ phung phí quá lắm. Mà không riêng gì một giới ấy. Bạn ta xem, trên mặt báo chương trong chỏ chợ bua, quán xá, trong đám thợ thuyền phu phen v.v... ở đâu ta cũng có thể nhặt được những danh từ mới, những cách nói mới.

Tiếng nói của chúng ta trong vài mươi năm gần đây hẳn là có nhiều biến cải. Người ta đã nói đi nói lại rất nhiều về hai mươi năm sáng tác vừa qua của dân tộc : nào là thay đổi chính thể luôn luôn, nào là giặc giã liên miên không ngừng, nào là mất mát tiêm tất, tiêu tan lý tưởng v. v... Nếu trong một thời mà cuộc sống của tập thể bị xáo trộn sâu xa như vậy thì ngôn ngữ có phần nào những biến thiên ấy thì cũng là sự thường. Nhưng vẫn là một điều đáng xem xét, theo dõi, phân tích.

Tiếng nói sinh ra để đáp ứng những nhu cầu công việc, gần đây phạm vi hoạt động của chúng ta mở rộng ra rất nhiều. Tiếng nói phục vụ sự suy tưởng của con người; gần đây hoàn cảnh đã đặt ra thêm nhiều vấn đề để suy nghĩ mà chúng ta cũng được tiếp xúc thêm với nhiều hạng tư tưởng mới. Tiếng nói dùng để biểu tả tâm tình; mà tâm tình của dân tộc thì chắc chắn không có lúc nào ngổn ngang hơn từ hồi dự mui thế chiến tới nay. Cho nên giả có ai tìm tòi kỹ về những đổi thay trong ngôn ngữ, chắc sẽ giúp ta nhiều điều về nhiều phương diện sinh hoạt cũng những đổi thuần chuyển của dân tộc.

●

Kể ra, về sự đổi thay, không phải chỉ có lối nói của dân mình là đổi thay nhiều trong thời gian vài mươi năm nay.

Ai nấy đều biết tiếng nói là cái gì sống động, luôn luôn biến đổi qua các thời đại. Xưa nay vẫn vậy. Nhưng trước kia, sự biến đổi chậm chạp : một đời thế kỷ chỉ ghi nhận chút ít đổi mới. Bây giờ tài nào cứ ở địa hạt nào, nhịp tiến hoá cũng tăng nhanh gấp năm gấp mười, cho nên sự đổi thay hiện rõ dưới mắt mọi người. Hồi trước, thơ văn đời nhà Trần so với đời Nguyễn khác nhau không bao nhiêu. Sau này từ cái giọng nghiêm chỉnh, trịnh trọng, bóng bẩy của Phạm Quỳnh, đến cái giản dị của Tự lực văn đoàn đã cách biệt xa lắc ; lại so câu văn viết báo của Hoàng tích Chu được coi như tân kỳ một thời, thì câu văn ngày nay quái đản biết bao.

Trong cái đà biến đổi dồn dập, gấp rút của thời buổi bây giờ, nhiều sự đáng tiếc đã xảy ra. Có lẽ ở đâu cũng vậy. Maurice Genevoix một hôm có dịp tiếp chuyện một người Nga miền Géorgie. Đó là một người trí thức, đã sống nhiều năm trên đất Pháp, ông ta nói tiếng Pháp trôi chảy, đúng giọng, đúng ngữ pháp, và dùng chữ chính xác đến nỗi rốt cuộc chính cái tài sử dụng tiếng Pháp ấy đã nhắc cho nhà văn trong Hàn lâm viện Pháp quốc nhớ rằng kẻ đối thoại với mình là một người ngoại quốc. Chỉ có một ngoại kiều mới nói đúng tiếng Pháp như vậy, chứ còn người Pháp thì tất nói ẩu nói sai. Hoặc người ta đọc *oby* : *match* thì đọc là *matcheu* *parc* đọc *parque* ; hoặc người ta nói bậy: *prévoir d'avance*, *commémorer un anniversaire* ; hoặc người ta dùng lộn xộn, lẫn lộn tiếng nọ với tiếng kia : đáng lẽ là *tribunal* thì gọi *instance*, đáng lẽ là *conseil* thì gọi *comité* ; hoặc diễn tiếu tiếng ngoại quốc bất chấp mẹo luật Pháp ngữ : *le vêtement prêt a porter* ; hoặc câu văn Pháp xen lộn tiếng nước ngoài : *Tout pressing a la page doit avoir un lav express.*

Những chuyện như vậy cũng đang xảy ra trong ngôn ngữ chúng ta. Hai ông Nguyễn Hiến Lê và Trương văn Chình, tác giả cuốn *Ngữ Pháp Việt Nam*, đã nêu lên trường hợp những tấm bảng sơn chữ rất to viết : «*Mô xe nơi công ti*» (thay vì : công ti xe hơi Mỏ), và trường hợp những câu văn ngớ ngẩn như : «*Bất cứ thứ ngôn ngữ nào cũng được nói hết lịch sử của nó bởi người dân không biết đọc biết viết* ».

Hai ông nhận thấy cái tệ nói sai này lại chỉ lưu hành ở giới có học nơi thành thị. Trong hạng bình dân, nhất là hạng bình dân ở thôn quê, tiếng nói dân tộc không bị vặn vẹo. Nhận định này phù hợp với những người than phiền thường ngạc về lối văn nhạt trình, về văn chương cải lương v.v... Có thể nhưng cái này là đầu mối của sự hư hỏng. Kẻ trí thức xưa kia có lời phát biểu trau chuốt thận trọng của trí thức, người bình dân xưa kia có lối ăn nói hồn nhiên của người bình dân. Nhưng cuộc sống sôi nổi tại đô thị và tình hình phát triển của văn hóa ngày nay đưa quảng đại quần chúng tham dự vào hoạt động văn hóa và lời các nhà trí thức xuống đường bắt họ làm việc cho đại chúng. Cái bán hàng rong, anh phu xe, em bé đánh giầy v. v... bây giờ đều biết chữ, đều đọc báo, xem truyện, xem hát, nghe ra-đô. Và kẻ sĩ, nhiều loại sĩ, phải vơi vã đặt tuồng, đặt truyện, soạn ca nhạc... để thỏa mãn sự đòi hỏi ấy. Cái quần chúng tiêu thụ sản phẩm văn nghệ mới ngày mỗi lớn lên nhanh chóng, chẳng mấy chốc đã trở thành mênh mông. Để kịp cung ứng cho sự đòi hỏi lớn lao và của một khách hàng tương đối dễ dãi, kẻ trí thức dần dần mất đi sự thận trọng. Trong cái sinh hoạt văn hóa đông đảo, náo nhiệt, lắm lúc «loạn xà ngầu», làm gì chẳng có những buông lỏng, khiếm khuyết. Trách rằng tuồng cải lương không có giá trị văn chương bằng tuồng hát bộ là đúng, nhưng tác phẩm một đời cụ Đào Tấn được mấy, trong khi một soạn giả cải lương bây giờ phải bận việc tới tấp, lu bù !

Vả lại trường hợp một nhà nho ngày trước ngồi rung đùi nặn nên bon câu ba vần với trường hợp sáng tác của một người viết bài đăng nhật báo nay đọc ở đài phát thanh hiện thời khác nhau rất xa. Nhật báo với ra-đô là con đẻ của một nền văn minh mới : ở đây yếu tố thời gian cực kỳ quan trọng, con người lúc nào cũng cảm thấy bị thúc bách, giục giã. Cầm bút là phải luyện cái tài bảy bước thành thơ của Tào Thực.

Như vậy sự cẩu thả trong lời văn, trong cách nói, hồi gần đây ở đô thị, chuyện ấy cũng giống như là sự sụt giá của nền văn nghệ đại chúng hóa vẫn thường được nêu lên. Càng là ở những chỗ văn minh, con số quần chúng có học càng đông, lại càng có nhiều lầm lỗi trong phạm vi chữ nghĩa, hiện tượng có vẻ nghịch thường mà cũng có lý. Để cho số đông được hưởng thụ, chúng ta phải chịu một vài sự mất mát. Đó là món thuế đóng góp cho sự thăng tiến của đại chúng. Nhà ngữ pháp học có thể buồn chút xíu, nhưng các nhà đạo đức, các nhà chính trị đều vui.

●

Đã trót đem những lỗi ngữ pháp mà liên hệ với một nền văn minh, thì phải nhận rằng người dân quê gần như đứng ngoài cuộc. Về những gì đã xảy đến cho tiếng nói dân tộc gần đây, họ ít công và ít tội. Lối văn minh mới xuất lộ và tung hoành ở đô thị, chứ ít ảnh hưởng tới cuộc sống thôn quê.

Thuở xưa người nông dân đã có thời lừng lẫy của mình. Khi ấy nọ có công lớn đối với ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật. Nền văn học ta đã bắt đầu bằng những câu hát câu hò góp nhặt được của người dân quê. Trong ca dao của ta cũng như trong Kinh Thi của Tàu, cảnh là cảnh quê, lời là lời quê, nông dân đã xử dụng đầu tiên, đã uốn nắn, trau chuốt tiếng nói của dân tộc.

Nhưng thời đó qua rồi. Thế kỷ 20 đối với thế kỷ 19 đã xa cách rồi, huống hồ đối với các thời trước. Văn chương bây giờ ít đề cập đến thôn quê. Bây giờ ít ai viết chuyện *Ao ma* (*La mare au diable*) với *Cô bé Fadette* (*La petite Fadette*) nữa. Người nông dân lánh mặt khỏi các tác phẩm văn nghệ, lẽ dĩ nhiên tình cảm và ngôn ngữ của họ cũng dần dà bị thay thế.

Ngay ở xứ ta, nông dân còn chiếm đa số, nông nghiệp còn giữ vai trò kinh tế quan trọng, nhưng đề tài của phần lớn tác phẩm hậu chiến, của văn nghệ gọi là « hôm nay » cũng thường là lấy ở cuộc sống đô thị. Những chuyện tình được số nhiều độc giả bây giờ ham đọc là những truyện yêu nhau ở phòng trà, quán kem, chứ không phải những sự tích tình tự dưới bóng hoàng lan, bên rặng tre già, dưới giàn trầu không v.v... Ngôn ngữ ái tình không còn là :

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà...

nữa. Bây giờ phải xài thứ tiếng nói khác ;

«Bar Le Cochon có em thơm quá...»

Điều đáng chú ý là những sáng kiến ngôn ngữ kiểu ấy được phổ biến rất nhanh, lan tràn rộng, chẳng mấy chốc xâm nhập vào cuộc sống khắp nơi. Chữ *em*, dùng theo lối riêng, bây giờ thông dụng quá rồi. Chữ *sức mấy* vừa ra đời đột ngột, được truyền đi lẹ như điện. Lối nói của những nhân vật của Hoàng hải Thủy, Văn Quang v. v... đã vượt ra ngoài cái giới chơi bời. Trong xã hội có sẵn hoàn cảnh thuận lợi cho sự phổ biến, gần như có cả một không khí đón đợi, chực thu hút lấy những sáng kiến như thế.

Dĩ nhiên xã hội không gồm toàn thị dân, càng không gồm toàn hạng người ăn chơi tân tỉnh, nhưng ta đã thấy xã hội vui lòng chấp nhận họ, có vẻ có cảm tình với họ. Người tỉnh điển hình hôm nay không lòng buông tay khẩu trong tiết thanh minh, không làm chủ đồn điền thái ấp, không sầu mộng lên đồi thổi sáo v. v... người điển hình đã thành một người đô thị sành sỏi, đập phá, đáng điếm một chút, bẻ bối mà thông minh lắm lỉnh. Con người đô thị ấy đang làm chủ động trên sân khấu; nếp sinh hoạt, lối yêu đương, kiểu ăn nói của người ấy đang được chú ý, đang gây ảnh hưởng, tiếng nói dân tộc sẽ biến

TIẾNG NÓI

VÕ PHIẾN

ài đi, tốt hay xấu một phần do người ấy. Người ấy đang nhận ảnh cái «sứ mệnh văn nghệ» từ hàng nông dân «đem qua tát nước đầu đình» trao lại. Ca dao, tục ngữ đã ghi lại nếp sống tinh thần và vật chất của người dân quê ngày trước, thì những lối nói mới sẽ phản ánh vào trong ngôn ngữ cái tinh anh, cái phong độ của con người đô thị.

Các nhà nghiên cứu văn học kể hết lời ca ngợi công lao của giới dân Việt Nam: nào là «múc ánh trăng vàng đổ đi» tuyệt đẹp, nào là người dân quê thi sĩ, đa tình mà lại thực tế, nào là người dân quê luyện cho tiếng Việt thuần học v. v.,. Bây giờ có lẽ còn quá sớm để chúng ta có thể tán dương về con người đô thị. Tuy nhiên, nhân nêu lên mấy lối nói riêng thịnh hành hồi gần đây của một hạng người ở đô thị, ước ao có thể để ý đến phong thái của họ biểu lộ ở lối nói ấy. Cái phong thái đang được truyền vào ngôn ngữ chung của nước nhà.

Điểm nổi bật ở đây là tính chất bài hước tế nhị. Xem qua một loạt những danh từ, những cách nói mới, do Thợ Đấu lượm lặt cũng như trong các phóng sự hay truyện của Hoàng Hải Thủy, Văn Quang v v. chúng ta tưởng tượng lối diễn với những con người lúc nào cũng sẵn sàng giễu cợt, và họ biết giễu cợt giễu cợt có duyên, tinh quái. Phải nhận rằng như thế đã có một chút gì được thêm vào nếp sống tinh thần của người dân Việt.

Trong các thể kỷ trước, chúng ta nghiệm trang quá. Trong văn học Việt Nam từ thế kỷ thứ 19 trở về trước khó tìm thấy những tác phẩm có giọng hài hước. Bằng những câu đối ngắn, các nhà nho có kích bác châm chọc nhau, nhưng trò ấy có vẻ cay độc. Bằng các truyện tiếu lâm, người bình dân chọc cười nhau, nhưng lối pha trò ấy nhiều khi tục tằn vì nặng nề, không bay bướm. Thơ Hồ xuân Hương mà đề cười ư! Cả Tú Xương nữa, cái xuất sắc của người cũng không phải ở chỗ trào lộng. Không có ở đâu trong kho tàng văn học cũ của ta mà bắt gặp được nụ cười ý nhị như trong văn Alphonse Daudet chẳng hạn. Trên sân khấu là nơi tất nhiên phải có trò vui thì cũng không xuất hiện được một Molière. Theo Đoàn Hồng, trong cuốn *Nghệ thuật hát bộ*, chỉ có những tuồng bi hùng là được biên soạn công phu, còn phần tuồng khôi hài thì thực nghèo nàn và thấp kém.

Có cái gì đè nặng trên tâm hồn người dân Việt các thế kỷ trước mà khiến chúng ta không nở được một nụ cười nhẹ nhàng khoan khoái, cười mà không vì giải thoát những ám ảnh dục tình, không vì cay cú thời thế, nhân tình? Và tại sao giữa lúc này, nước nhà phân ly điêu đứng, giặc giã giết chóc tư bề, dân tộc khốn đốn về vật chất, não nề về tinh thần, giữa lúc này lại thản nhiên nở ra một nụ cười như bắt cần, như coi thường mọi sự?

Cố nhiên không phải thanh niên ta chờ tới nay mới biết nghịch ngợm. Trên những tờ *Nam Phong, Đông Dương* v. v.. không khí văn chương «trang trọng khác vời», nhưng đến *Phong Hóa, Ngày Nay*, thì người ta đã đùa nghịch rồi. Tuy vậy, cái tinh nghịch thịnh hành lúc nầy trong ngôn ngữ vẫn đáng suy nghĩ: phải chăng đó là một đặc điểm của nếp sống đô thị? phải chăng là ảnh hưởng của một trào lưu tư tưởng phóng đãng? hay là cái phản ứng cần thiết để lập lại quân bình trong tâm hồn chúng ta vào một giai đoạn khó khăn của thời cuộc?

●

Một lối nói tương tự đã đành là không xuất hiện ở thôn quê. Mà hình như nó cũng không xuất hiện được ở đâu cả suốt miền Bắc Việt. Trên báo chí trong các sáng tác phẩm ngoài Bắc không tìm thấy một dấu hiệu gì có sự chuyển biến trong tiếng nói theo cái chiều hướng vừa thấy ở đây.

Như vậy là phải. Trong lối nói... «có em thơm quá» hiển hiện một tinh thần hưởng lạc, một phong cách bay bướm, một khiếu bông đùa tinh tế; lối nói ấy vẽ ra cái hình dáng của người tiểu tư sản có học, hạng người không được trọng vọng, đang phải vùi đầu giấu mặt đi ở Bắc Việt. Thân phận của người đó gặp khốn đốn ở ngoài Bắc, làm sao họ có hoàn cảnh phát huy bản sắc?

Như vậy tung hoành tại Bắc Việt là mẫu người như thế nào? là ai?— Theo Trần lê Văn (*Giai phẩm mùa Thu* tập 1) thì ấy là anh chàng vốn tên Nguyễn vinh Hoa, sau đã cải danh thành Lê hùng Tiến. Theo Như Mai (*Tổ Quốc* số 41) thì ấy là Nghiêm văn Túc, trưởng ban nội qui nông trường tập thể Con Én.

Những nhân vật vừa kể không bông đùa, không lẳng lơ, không biết cười. Lê hùng Tiến được mô tả như thế này: «Người anh khô đét lại, thẳng đờ như một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, dầu có cạy cũng chẳng ra một nụ cười.

Chúng ta không nên xem nhẹ câu bông lơn của Trần Lê Văn, ông ta nói một sự thực: đề ý mà coi, ốc khôi hài càng ngày càng tịt đi ngoài Bắc. Chính quyền ngoài đó cố gắng gây ra trong xã hội một không khí sinh hoạt vui tươi trẻ trung, cố gắng thúc đẩy giới văn nghệ dùng châm biếm làm phương tiện tấn công tuyên truyền nhưng nụ cười càng ngày càng lạt lẽo. Suốt mười mấy năm trời chỉ có một độ mấy tháng là nghe được những câu pha trò ý nhị: đó là thời kỳ nhóm Nhân Văn chế giễu giới lãnh đạo Bắc Việt.

Có những người vốn nổi tiếng nhờ tài trào phúng, như Tú Mỡ, mà sống dưới chế độ ngoài ấy ít lâu rồi giọng giễu cợt cũng gượng gạo vô duyên thế nào.

Tờ *Văn Nghệ* ở Hà Nội, trang chót, kỳ nào cũng dành một mục đăng cái món gọi là «Chuyện vui đá Mỹ». Thường đó là một bài thơ, rất ít vui. Có khi Ông Lã Vọng sáng tác thế nầy:

«Sư đoàn bộ binh Mỹ số một
Được quảng cáo (đáng kiểu ngáo ộp)
Là thiện chiến đệ nhất trên đời,
Là can đảm yêng hùng «có chóp».
(số 138)

Có khi Ông Lã Vọng dịch tác phẩm Trung quốc;

«Bay trên trời
— Rơi xuống đất chết;
Đỗ dưới đất,
— Nổ tung lên trời!
«Ưu thế trên không» Mỹ
— Tong rồi!»...
(số 134)

Lời thơ cũng như đề mục cùng một vẻ thực thà ngây ngô, không có một tí gì cái chất ranh mãnh cần thiết.

Cho hay chỉ bao giờ có không khí cởi mở, có sự chống đối, chỉ trích, châm biếm bài bác tự do, năng khiếu hài hước mới phát triển, ngôn ngữ hài hước mới được mài dũa, con người mới hóa ra lanh lợi tinh quái.

Thoạt tiên phân chia vì tư tưởng, vì chủ nghĩa, ai ngờ Bắc Nam dần dần khác biệt nhau cho đến cả nụ cười. Sự khác biệt ấy đã in dấu đong kho tàng ngôn ngữ của dân tộc.

Đó là nếp sống tình cảm. Nhưng dù tình tình, phong thái của Nghiêm văn Túc thế nào, thì giữa anh ta với những người Việt miền Nam vẫn có chỗ này giống nhau: là trong khoảng vài mươi năm nay phải vất vả thật nhiều vì công việc bể bộn và vì những vấn đề tư tưởng nọ, chủ nghĩa kia v.v... Thế cho nên ở cái phần có liên hệ đến công tác và đến sự suy tưởng thì tiếng nói cả hai bên đều có nhiều tăng gia và biến đổi. Ngoài Bắc thì *bắt rễ, xâu chuỗi, bước nhảy vọt, chém vè, nước anh em* v.v... Trong Nam thì *tam tóc tam giác, đoàn thiện chí, hội liên đới, sự hiện hữu* v.v... Nhiều tiếng đành là tiếng cũ xưa nay, nhưng bây giờ nó gây một ấn tượng mới: *dây dứt, buồn nôn*... Có những cách nói lạ tai hẳn: chữ *làm tốt* trước đây vẫn dùng với nghĩa làm đỏm làm dáng; từ khi có khẩu hiệu thi đua *làm tốt làm nhanh*, nó có nghĩa làm cho tốt.

●

Thôn quê trước kia là nguồn gốc của văn chương, là lò trau luyện tiếng nói, bây giờ tiếng nói của đô thị lại phong phú hơn, sinh động hơn; ngôn ngữ nghề nghiệp của nhà nông, của dân chài chẳng hạn, trước kia đời đào là thế, lan tràn trên tục ngữ phong dao, bây giờ ngôn ngữ chính trị lại đến lúc phổ biến rộng rãi, phát triển nhanh, và ngôn ngữ cao thâm của triết học cũng làm lẻ xuống đường. Tiếng nói phản ảnh sinh hoạt xã hội; tùy từng thời kỳ, cứ hễ ở khu vực nào mà cuộc sống

■ xem tiếp trang 32

ĐỌC TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI TỬ HÌNH

bài của
THANH TÂM TUYỀN

IV

NẾU Thuyết cách mạng thường trực – đang được CS Á châu theo đuổi một cách nhiệt thành – chủ trương đốt giai đoạn thúc đẩy các nước hậu tiến vượt bỏ cách mạng dân quyền tư sản tiến ngay đến cách mạng vô sản bằng sự cưỡng ép kỹ nghệ hóa xã hội để tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội, bất chấp thực tế, bất chấp sự lưu ý của Marx về hình thái sản xuất Á Châu (forme de production asiatique), hình thái đặc biệt mà ở đấy những mối quan hệ xã hội không giống như ở xã hội Tây Phương; Thì xã hội chủ nghĩa nhân đạo (hay Trung đạo) chủ trương đầu tiên phải làm một cuộc cách mạng nông nghiệp giải quyết đời sống của nông dân, trước khi bước sang giai đoạn kỹ nghệ. « Sự kỹ nghệ hóa các nước Á Phi sẽ đi sau cũng chẳng muộn ». Cách mạng nông nghiệp, theo ông Tường giải thích, không phải là cải cách điền địa mà chính là sự tân khai thác thiên nhiên, áp dụng triệt để khoa học và kỹ thuật mới để tăng gia sản xuất cung cấp thực phẩm giải quyết nạn đói kém thường trực của Á Phi.

Trung đạo được xem như một đường lối thích nghi của những nước muốn lách mình ra khỏi chiến tranh, đốt ngọn đuốc soi đường cho văn minh mới của nhân loại, nếu chẳng may chiến tranh vẫn bùng nổ thì chính những nước theo Trung Đạo có hy vọng tồn tại để dìu dắt cái thế giới tang thương vào ngả hòa bình đại đồng. Nhưng muốn đạt được kết quả, Trung đạo phải thực hiện được ba điều kiện :

Thứ nhất nhịp phát triển kinh tế « phải được mau lẹ hơn của những xứ tương đương bên phía CS » Thứ hai phải làm cuộc tổng hợp văn hóa Đông Tây, và thứ ba các nước theo Trung Đạo phải kết hợp được với nhau « để vạch một đường lối chung về chính trị, ngoại giao, quốc tế » và nếu có thể những nước cùng chung một vùng nên họp thành Tổng Liên Bang

Cách mạng nông nghiệp ở Á Phi theo đường lối một cuộc tân khai thác thiên nhiên bằng khoa học kỹ thuật mới, cũng đặt ra khá nhiều vấn đề gai góc cho ông Tường Đầu tiên là « Lấy vốn ở đâu mà chi phí cho cuộc cách mạng nông nghiệp này ?» Và ông Tường giải đáp : « Câu hỏi này là một cái thử thách cho thuyết viện trợ mà các cường quốc cao rao trong mười mấy năm nay. Nếu viện trợ mà không có ý nghĩa thầm kín nuôi cuộc chiến tranh nguội, thì đây là dịp để viện trợ cho các nước yếu đó » Người ta có thể thắc mắc trong trường hợp các cường quốc không đáp ứng lời kêu gọi của các nước yếu thì sao? Đặt trong hoàn cảnh khoa học kỹ thuật lạc hậu coi như không có cuộc cách mạng nông nghiệp đành không thực hiện sao? Còn phương pháp nào khác — vẫn giữ được lẽ nhân đạo — ngoài sự trông cậy vào thiện chí của các cường quốc không ? Không thấy ông Tường nhắc đến.

Tuy không quan niệm « cách mạng nông nghiệp không phải chỉ làm một cuộc cách mạng điền địa » mà đủ, nhưng cách mạng điền địa không phải là không cần thiết. Tân khai thác thiên nhiên bằng khoa học kỹ thuật mới trong sự bảo thủ một chế độ điền địa lạc hậu bất công là một thỏa hiệp khó tưởng tượng. Kinh nghiệm các Kibboutz của Do Thái trong cuộc khai thác thiên nhiên thiết tưởng rất hữu ích cho công cuộc cách mạng nông nghiệp sau này và không phải là không thích ứng với truyền thống Á Châu, nhất là Việt Nam (7) không kể rằng còn các vấn đề hệ trọng khác của cách mạng nông nghiệp như sự chênh lệch mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, sau cách mạng nông nghiệp xã hội sẽ chuyển sang kỹ nghệ theo đường lối nào những vấn đề mà trên đường phát triển sẽ phải giải quyết. Trong cái nhìn bao quát ông Tường chỉ chú ý đến đường lối chính trị đại cương của xã hội chủ nghĩa nhân đạo (nay Trung Đạo) hơn là những vấn đề cụ thể, thực tế phải đặt ra cho việc thực hiện.

Vấn đề cán bộ cần thiết cho cuộc cách mạng, ông Tường nghĩ : « Đến tới trong con đường của xã hội chủ nghĩa nhân đạo thì tất nhiên nhẹ về oai trị bằng quân đội, công an, cảnh sát, mà nặng về đức trị bằng luân lý đạo đức. Vậy cần một văn minh tu sĩ để rèn luyện, uốn nắn hun đúc người cho càng ngày cao quý đẹp đẽ hơn. Cái văn minh tu sĩ này cũng tuyển trạch dùm cho xã hội những cán bộ chính kinh tế ». và «minh đạo cung cấp được cán bộ cho mọi ngành hoạt động» Theo ông Tường Trung đạo hay xã hội chủ nghĩa nhân đạo của các nước yếu là để thoát khỏi chiến tranh, mở lối cho minh đạo sẽ đến sau này. Muốn thực hiện Trung đạo phải cần «văn minh tu sĩ», cần «minh đạo» để cung cấp cán bộ là lớp tăng già mới Nhưng văn minh tu sĩ cũng như minh đạo lại chưa xuất hiện, chưa biết ngày nào sẽ xuất hiện, và Trung đạo thì cần thiết để gỡ rối cho vấn đề hòa bình thế giới Cái nhìn của ông Tường ở chỗ này đã rời bỏ thực tế để tới lý tưởng. Tới lý tưởng, mọi vấn đề trở nên giản dị không còn chi là rắc rối nữa.

●

Nếu người ta có nhận định ông Tường là một nhà không tưởng (utopiste) giàu mơ mộng, thì kiến hơn là óc thực tế cũng không phải là sai lầm. Trong Trầm Tư, nhiều lúc tư tưởng của ông thoát bay bất chấp mọi nặng nhọc níu kéo của sự vật khiến ông quên phứt cả vị trí lầm giới hạn

a mình ; mọi vấn đề đều «ở ngoài» ng nên tư tưởng ông có thể bao ùm hóa giải, ông không coi ông là nằm trong » vấn đề, ông cũng chính là một mối của vấn đề : cách nhìn, cách đặt, cách giải quyết của ông cũng chỉ là một mặt nào của thực tại đó thôi ; ông không phải là một ý thức tuyệt đối. Nhưng ông Tường luôn luôn vượt những giới hạn đo, đặt mình ở trên cao nhìn xuống, ông nhìn được bao quát sự vật nhưng là trong sự thấp thoáng phô bày của nó còn những thầm kín uẩn khúc bị che khuất

Rõ nhất là ở vấn đề như hòa bình thế giới chẳng hạn : « Chiến tranh nội loạn ở các xứ nhỏ dứt, thì chiến tranh nguội không có cơ khởi nhúm lên được. Chiến tranh nguội không nhúm lên được, thì sự tương tranh giữa hai khối Đông Tây có thể gom về hình thức đơn giản hơn hết của nó là thử thách với lịch sử coi chế độ nào thích ứng hơn mà tồn tại. Để gom như vậy, *cần phải thuận ước* nhiều điều như là sự không dùng tinh lực nguyên tử để chế khí giới, tài giảm binh bị và hạ bớt ngân sách chiến tranh, giải quyết ổn thỏa một số vấn đề âm ỉ cho đôi bên gặng nhau, tôn trọng Trung lập chế của các nước nhỏ.. Những bước đầu này khai mào cho những thỉ thỏ có tính cách bền vững hơn, như là giảm bớt chủ quyền của các cường quốc và nhượng một số quyền hạn cho Liên Hiệp Quốc khoáng đại, để đi tới một chính phủ hòa bình thế giới gồm sự giải tán các quân đội quốc gia, để thay thế bằng một đội quân cảnh sát quốc tế, lập những cơ quan quốc tế để thi hành những kế hoạch tài chánh, kỹ nghệ, nông nghiệp, văn hóa chung cho cả loài người

Chừng nào đến thế giới đại đồng rồi thì mới hết sợ họa chiến tranh và loài người mới bước vào ngưỡng cửa của một ngươn thanh bình».

Thật minh bạch và gần dị con đường được vạch ra. «Cần thuận ước nhiều điều» đó chẳng phải là những mục tiêu vẫn được tuyên bố công khai theo đuổi của các cường quốc trên thế giới hay sao ? Tại sao vẫn chưa «thuận ước» ? Nguyên do có phải vì chính trị vẫn bị điều khiển bởi bản năng và nhiệt tình ? Các nhà chính trị chưa phải là hiền triết, tu hành ? Làm cách nào để đi đến được các thuận ước ? Có phải chờ đến ngày Maitreya giáng thế không ?

(Ở đây phải mở một dấu ngoặc Không ai dám phủ nhận tấm lòng tha thiết của ông Tường đối với hòa bình và tương lai thế giới Tấm lòng tha thiết thủy chung bị dập vùi trở thành một mối ám ảnh đen tối khiến ông Tường tự coi mình là kẻ duy nhất bị đày đọa và trở nên hẹp hòi

■ xem tiếp trang 33

VĂN NGHỆ

VÀ CUỘC SỐNG

GHI NHẬN CỦA
VŨ KHẮC KHOAN

LẠI trở lại vấn đề tiểu thuyết kịch. Để sơ khởi nêu lên một vài chi tiết tôi không đồng ý với Nguyễn văn Trung trong lập luận Nguyễn văn Trung chống đối « quan niệm tiểu thuyết kịch» của Nhật tiến Những chi tiết đó không nhiều. Thật ra chỉ có một.

Nguyễn văn Trung viết « Vì kịch là một quang cảnh nên đòi hỏi căn bản của kịch là sự trình diễn. Vở kịch cũng như bản nhạc chỉ là những phương tiện ghi. Trước khi phát minh ra văn tự, ký âm pháp vẫn đã có sinh hoạt sân khấu, nhạc cổ truyền tụng bằng miệng, khi có ký âm pháp văn tự, người ta dùng nốt nhạc, âm giai, chữ viết để ghi chú, để truyền đạt dễ dàng và có đảm bảo hơn truyền miệng Nhưng ghi chú truyền đạt để trình diễn. »

Dĩ nhiên. Nhưng ghi chú tuyền đạt » gì khi có văn tự ? Và « truyền miệng » gì, khi chưa có văn tự ? Tất nhiên không thể ghi chú tất cả cái «quang cảnh» trên, mà chỉ có thể ghi chú những gì cốt yếu — những lời đối thoại, một vài động tác quan trọng của nhân vật, nơi và lúc xảy ra câu chuyện — nghĩa là vở kịch.

Và tôi kết luận, ngược lại với Nguyễn văn Trung, rằng căn bản của kịch không là sự trình diễn, căn bản của sự kiện kịch chính là kịch bản.

Đi tìm ngôn ngữ kịch, Nguyễn văn Trung khám phá một thực thể phức tạp gồm cả văn, thơ, ca, vũ, nhạc, họa, kiến trúc. Ông kết luận : « nghệ thuật sân khấu là một công trình tập thể ». Tôi nghĩ rằng nên đặt thêm một câu hỏi về ý nghĩa của công trình đó. Công trình bốn tiếng đồng hồ trình diễn Lôi Vũ mang ý nghĩa sự tan vỡ gia đình Chu Phác Viên tiêu biểu cho chế độ tối nát của Trung Hoa giữa hai đại chiến. Công trình ba tiếng đồng hồ trình diễn Hamlet mang ý nghĩa một thắc mắc lớn của một kiếp người to be or not to be. Ý nghĩa của công trình trình diễn đã hiện hữu trước khi công trình viên mãn trên sân khấu. Hiện hữu ngay trong tác phẩm của Tao Ngu, của Shakespeare, những kịch bản mang tên là Lôi Vũ và Hamlet,

Tôi trở lại kết luận của tôi : căn bản của kịch là kịch bản.

●

Hãy đọc lớp đầu vở Hamlet
Elseneur. Trên mặt thành lâu đài
Bernardo — Ai đó ?
Francisco — Không, phải trả lời đã.
Bernardo — Đức Hoàng Thượng vạn tuế !
Francico — Bernardo phải không ?
Bernardo — Chính tôi đây.
Francisco — Anh đến đúng giờ lắm.
Bernardo — Mười hai giờ đêm. Thôi anh về ngủ đi
Francisco — Cám ơn đã đến thay phiên nhé !
Rét quá, rét cóng cả tim
Bernardo — Không có gì lạ, chứ anh ?
Francisco — Không, một con chuột nhắt nhúc nhích cũng không thấy.

●

Tôi thiết tưởng không cần phải vận dụng đến trí tưởng tượng cũng có thể nhận thấy tất cả những yếu tố cần thiết cho sự trình diễn, qua lời chỉ dẫn, tuy vắn tắt, của Shakespeare, qua lời đối thoại tuy ngắn ngủi của hai người lính trong một lúc đổi phiên canh.

Nửa khuya ngoài trời. Đêm đen âm lìm dày đặc, lạnh như liệm trong băng. Những bước chân gót sắt đặt nặng trên đá tảng bờ thành lâu đài Elseneur.

— Không có gì lạ, chứ anh ?

— Không.

Nhưng không ai tin là không có gì lạ. Vì không khí chợt nặng chĩu một niềm chờ đợi. Một cái gì phải xảy ra. Và hồn ma vua cha Hamlet đột ngột hiện về, đen xầm trong đêm đen dầy đặc, lạnh ngắt hơn khí lạnh nửa khuya, nặng nề gấp bội thành lũy lâu đài cổ Elseneur. Trong yên lặng của trần gian, hồn ma sẽ lên tiếng, giọng tái ngắt phều phào, từng lời thoảng ra như vọt lên tự cõi âm-ti u-uất, từng lời chắp lại là một chuỗi giây oan nghiệt, nạn nhân vào tròng, bị thắt nghẹt, cố vùng vằng khôn thoát « ma đưa lối quỷ dẫn đường » dần dần từng bước kéo lê đến trạm – cuối cùng của đường đọc đạo Định mệnh trạm cuối cùng cũng là nơi an nghỉ cuối cùng, nạn nhân : Hamlet.

●

Ngôn ngữ kịch là một ngôn ngữ phức tạp nhưng bản « hòa âm » cuối cùng của người đạo diễn – rất nhiều khi là tác giả —, vẫn phải xây dựng trên một ý tưởng cột trụ đã hiện hiện ngay trong kịch bản.

Tuy nhiên, một vở kịch viết ra không phải chỉ để đọc. Vở kịch viết ra để được trình diễn.

Hamlet sống trong tâm tư Shakespeare trước khi đi vào tác phẩm của Shakespeare. Nhưng trong đêm thời gian đăng đẳng tự nhưng xa xưa, lăng đăng đó đây, Hamlet chỉ là một thứ hồn ma đi tìm những người đồng điệu : Hamlet chỉ là Hamlet trọn vẹn những đêm thâu cảm khăng khít tình nhập nhạc. Hamlet – Barrault, Hamlet – Laurence Olivier.

Nói theo giọng toán học, kịch bản là điều kiện cần nhưng chưa đủ Phải có Vi huyền Đắc mới có ông Ký Cóp Nhưng phải đợi Thế Lữ hiện ra trước khán giả, ông Ký Cóp mới trở thành một ông Ký Cóp trọn vẹn bằng xương bằng thịt.

●

Nhưng, còn vấn đề Tiểu thuyết kịch?

Nơi trang trong của hơn ba mươi tờ báo hàng ngày bầy bán đầy đặc trên những sạp báo, đã, từ nhiều năm nay, trở thành vùng đất đai hợp mặt đông đảo của một số người viết tiểu thuyết. Đó là một hiện tượng đặc biệt, phát sinh trước hết bởi sự đồng tình trong thái độ và phong cách sáng tác của những người viết, khi viết cho nhật báo. Nói cách khác, trang trong là một đất đai, mà phần lớn những trồng cấy đều đòi hỏi phải phù hợp với phong thổ của đất trồng. Nghệ Thuật « mở hồ sơ » về thực chất và giá trị của những tiểu thuyết đăng báo hàng ngày — bằng cuộc phỏng vấn những tác giả tên tuổi của nhật báo hiện nay — không ngoài mục đích chiếu sáng một hiện tượng sáng tác có những cái thấp và những chiều cao nó, bởi vậy mà có vấn đề và có thảm kịch. Dưới đây là nội dung của cuộc phỏng vấn.

nói chuyện giữa những người

1 *Người ta thường cho rằng tiểu thuyết đăng nơi trang trong các nhật báo phần lớn đều nhằm mục đích thương mại, chiều theo thị hiếu, do đó không có một giá trị nghệ thuật nào. Qua những tiểu thuyết đăng báo hàng ngày của ông và của các tác giả khác, ông nghĩ gì về nhận xét ấy ?*

2 *Người viết tiểu thuyết nhật báo bị lệ thuộc vào chủ trương, đường lối của tờ báo. Ở ông, có hay không sự thỏa hiệp với đường lối, chủ trương đó ? Nếu có, thì sự thỏa hiệp ấy đến giới hạn nào ?*

3 *Ông có thể xác định được thành phần độc giả của ông không ? Nếu có, sự xác định ấy căn cứ ở chính tiểu thuyết của ông hay ở độc giả của tờ báo ?*

4 *Ông đã hoàn thành được bao nhiêu tác phẩm, và ông bằng lòng cuốn nào nhất trong số những tác phẩm của ông ? Ông thích nhân vật nào nhất trong những cuốn ấy ? Vì sao ?*

HOÀNG HẢI THỦY

1 Truyện dài đăng báo. và người viết : Phẩm và Lượng.

NÓI theo ngôn ngữ của chúng ta, thì loại tiểu « thuyết đăng nơi trang trong các nhật báo » mà bạn muốn biết ý kiến tôi đó, là «feuilleton». Tất nhiên «feuilleton» đăng nhật báo có nhiều điểm khác tiểu thuyết đăng ở các tuần báo văn nghệ. Nó giản trải hơn, loãng hơn, viết lấy dài và gay cấn, hấp dẫn bằng sự việc hơn là viết cô đọng, sâu sắc, chứa đựng. Theo tôi, «feuilleton» cần «lượng» hơn là «phẩm».

Nhưng, sự quyết định vẫn là ở nơi người viết. Người viết chỉ huy «feuilleton» của mình trên báo, người viết vẫn viết theo ý mình, và khi người viết đã viết nhiều, đã thành công với một vài truyện trước đó, đã được lòng tin của chủ nhiệm, chủ bút, người viết có quyền muốn viết gì thì viết, miễn là viết đầy phần báo dành cho truyện mình.

Người viết tiểu thuyết gây cho độc giả có những thị hiếu đặc biệt về những loại truyện nào đó. Tôi không cho rằng người viết phải chiều theo thị hiếu người đọc. Lẽ tự nhiên «người viết» mà tôi nói đến đây là người viết có tài, có sáng kiến, không phải là những người viết nghèo về tài năng, chuyên chờ đón những thành công của người khác để bắt chước viết giống như thế.

Feuilleton cũng có giá trị nghệ thuật. Phần lớn là tùy ở người viết có tài, có kinh nghiệm hay không. Nhưng theo tôi, đa số « Feuilleton » của các báo đều kém giá trị nghệ thuật là vì sự làm việc máy móc của các nhật báo : đúng giờ đã định là phải có bài, hay hoặc dở, hứng thú hoặc chán nản, mạnh khoẻ hay đang đau yếu, người viết cũng phải viết cho đủ bài. Đa số người viết lại là những văn nghệ sĩ làm việc tùy hứng, lười viết, chờ đến giây phút đòi hỏi cuối cùng mới ngồi vào bàn viết. Do đó, khi đã miễn cưỡng, khi viết cho xong, khi coi việc « viết » là một cực hình, truyện viết ra tất nhiên không thể nào hay được.

Nói tóm lại, tôi thấy tiểu thuyết ở Việt Nam chưa có giá trị nhiều là vì cuộc sống của tiểu thuyết gia còn quá thấp kém. Phải viết nhiều để đổi lấy tiền mà sống, viết nhiều trang dù không hay cũng chắc chắn mình có nhiều tiền hơn là mình viết ít trang mà cẩn thận, cô đọng và hay. Riêng tôi, từ ngày tôi kiếm được tiền với tiểu thuyết đến nay, mỗi khi viết, tôi vẫn chủ ý viết lấy «lượng» hơn là viết lấy « phẩm ».

2 Người viết và tờ báo

Ở Việt Nam, báo chí chưa phát triển đến độ có những tờ báo có khuynh hướng, lập trường đặc biệt đòi hỏi người viết phải từ bỏ bản ngã hoặc lập trường riêng của mình để viết theo lập trường tờ báo. Hoặc giả nếu có, tờ báo cũng không đòi hỏi gì nhiều ở người viết ngoài những bắt buộc thông thường mà tờ báo nào cũng có. người viết tự trọng nào cũng tự nguyện theo là : không khiêu dâm, không gây căm thù, không tuyên truyền cho Cộng sản v v...

3 Người viết và người đọc.

Viết cho tờ báo bán chạy dĩ nhiên là có nhiều người đọc hơn là viết cho tờ báo kém. Đa số độc giả mình còn lười, chưa chịu đi theo người viết mà họ thích. Tôi nghĩ đa số người đọc truyện tôi là tư chức, học sinh và quân nhân.

4 Tác giả và tác phẩm.

Tôi chỉ có nhiều truyện phóng tác. Về những sáng tác của tôi, tôi chưa thấy hài lòng một truyện nào cả. Tôi hy vọng sẽ còn lâu, lâu lắm, tôi mới phải nói đến câu : «Đây là tác phẩm hay nhứt của tôi»..

SĨ TRUNG

1

TÔI nghĩ rằng : tiểu thuyết đăng báo có hai hạng :

1) Dùng để trám cho đầy trang báo, cho thành một tờ báo theo nhu cầu bắt buộc. Trong trường hợp nầy có sự thí nghiệm của những cây bút mới, giá thuê thật rẻ và đôi khi tặng không.

2) Tác giả có danh muốn làm thành tác phẩm có một giá trị nghệ thuật như thế nào đó.

Về trường hợp thứ nhất, lẽ dĩ nhiên là người ta có quyền chê trách loại tiểu thuyết đăng báo như thế và chính tác giả phải công nhận, cố gắng học hỏi để tiến lên. Còn ở trường hợp thứ hai, tôi đã từng được dịp theo dõi nhiều bộ truyện rất hay trong đó không thiếu phần giá trị nghệ thuật mà nếu đem so sánh với số lớn tiểu thuyết không đăng báo, chưa chắc ai đã chịu thua kém ai. Có lẽ vì thấy các nhà viết tiểu thuyết đăng báo phải ngặn óc viết hủng ngày đưa cho kịp lúc, kịp giờ cho thợ sắp chữ nên người ta đánh giá trị thấp loại

HOÀNG HẢI THỦY □ SĨ TRUNG □ LÊ XUYÊN □ DUYÊN ANH □
NGỌC LINH □ HOÀNG TRÚC LY

viết tiểu thuyết nhật báo

tiểu thuyết này. Trong khi đó người ta đề cao giá trị loại tiểu thuyết chưa đăng báo bao giờ !

Tôi nghĩ rằng : vấn đề nhằm mục đích thương mãi và chiều thị hiếu không quyết định nổi giá trị của một tác phẩm nếu tác phẩm đó bán rất chạy mà lại có nghệ thuật và thị hiếu của độc giả không phải là thứ thị hiếu hạ cấp như tòa soạn muốn ám chỉ. Độc giả không đòi hỏi được thỏa mãn thú tính bao giờ hết ; chỉ có người viết dụng tâm khai thác thú tính của người đọc mà thôi. Loại ngòi viết đó không đáng có mặt trên một nhật báo — cơ quan ngôn luận đại diện cho quyền thứ tư.

Tóm lại, tôi nghĩ rằng : trên nhiều nhật báo ở đây, không thiếu những tiểu thuyết đăng báo hàng ngày có giá trị nghệ thuật ngoài nội dung lành mạnh, xây dựng rất tốt đẹp. Có người chê tiểu thuyết đăng báo với thực tâm nhưng cũng có người chỉ trích nó vì không viết nổi nó hoặc vì tác phẩm của mình bán không chạy trên thị trường và chỉ dùng để tặng biếu bè bạn để cùng nhau công kênh bọn mình lên tận mây xanh.

2

Từ trước tới giờ, tôi chưa từng bị ông chủ nhiệm nhật báo hay tuần báo nào bắt buộc phải viết theo đường lối, chủ trương của báo mình. Các ông chủ báo mời tôi đến cộng tác chỉ căn dặn tôi 1 điều : đưa bài cho đúng giờ, đúng khắc để anh em typo khỏi phải chờ đợi và độc giả khỏi đọc câu cáo lỗi : « Vì tác giả thọ bệnh thình lình nên truyện dài... phải gác lại một kỳ v.v...» Gần đây, tôi còn được các ông chủ nhiệm khuyên bảo thêm một điều nữa là «đừng đề cập đến vấn đề chánh trị trong tiểu thuyết. Khó dễ lắm !». Ngoài ra, tôi muốn viết sao tùy ý miễn độc giả đừng.. buồn nên thì thôi. Nếu thấy truyện tôi quá, ngứi không vô thì ông chủ báo chỉ có việc mời tôi bước đi thật gấp để mời người khác thay vào. Chỉ có thế thôi.

3

Thú thật tôi rất khó lòng xác định được thành phần độc giả của tôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn đang tìm hiểu đây. Duy chỉ có 1 điều tôi có thể nói được là đa số tiểu thuyết của tôi nhằm vào những thảm kịch gia đình trong đó những mối tình đẹp tuyệt vời phải chịu tan vỡ vì nghịch cảnh, vì ngộ nhận hiểu lầm nhau. Tôi thường vay mượn chuyện thật xảy ra ở ngoài đời để dựng tiểu thuyết với kỹ thuật riêng và chi tiết góp nhặt khắp nơi. Tác phẩm tôi có độc giả chịu đọc, chịu theo dõi hằng ngày cũng như tiêu thụ khi in thành sách. Tôi cho rằng số lớn độc giả của tôi thuộc lớp tuổi trưởng thành đã đụng chạm ít nhiều với thực tế cay đắng của cuộc đời.

4

Tôi đã hoàn thành trên chục ngoài tác phẩm rồi, nhưng sách in ra bán trên thị trường thì chỉ mới 5, 6 cuốn thôi. Có lẽ tôi thích cuốn «ĐI TÌM MỘNG ĐẸP» nhứt vì tôi đã để tâm trí rất nhiều vào tác phẩm nầy nhiều hơn cả. Giáo sư Tạo của truyện Đ. T. M. Đ. là nhân vật đã khiến tôi suy nghĩ nhiều ở đoạn kết của câu truyện. Sự hy sinh của Tạo khi cưới Lan — dù đã biết Lan đã dang dở cuộc đời, đã có con hoang — có phần cá biệt lắm nhưng tôi chủ tâm cho nhân vật Tạo hành động như vậy để nói lên một thứ niềm tin vào cuộc đời khi chẳng may con người lỡ lầm gây nên tội lỗi chỉ thấy trước mắt toàn là vực thẳm đen tối.

LÊ XUYÊN

1

Nội dung của phần trang trong cũng như trang ngoài của một nhật báo ở Việt Nam (ngay đến các cơ quan ngôn luận của các đoàn thể cũng vậy) đều phải nhằm vào việc «ế làm cho tờ báo có độc giả, nghĩa là bán được. Do đó, tiểu thuyết đăng trên nhật báo (tập san Văn gọi là tiểu thuyết tân văn) cũng không thể .. đứng bên lề mục đích ấy được. Điều này, tự nó, thiết nghĩ cũng chẳng có gì đáng tội cho lắm. Quan hệ là ở dân trí

Một số phận... hẩm hiu riêng dành cho người viết tiểu thuyết trên nhật báo là họ luôn luôn bị ràng buộc vào vấn đề « ăn khách ». Vì thế, họ không sao biết được sự ung dung sang cả của một người làm văn nghệ khi đặt công trình sáng tác của mình ra trước mắt độc giả.

Nói như thế không có nghĩa là nhất thiết bắt buộc người viết tiểu thuyết đăng nhật báo phải chạy theo thị hiếu của độc giả (chắc còn thiếu hai chữ « thấp kém » — thị hiếu thấp kém — mà tòa soạn Nghệ Thuật hẳn đã cố tình... tha cho trong khi nêu câu hỏi gợi ý) Tiểu thuyết của bà Tùng Long luôn luôn khít khao với mẫu mực luân lý, vẫn được đông đảo độc giả theo dõi.

Hơn nữa, tôi nghĩ rằng với một sắc thái riêng biệt, với một lối xây dựng mới lạ v v... người viết tiểu thuyết đăng nhật báo vẫn có thể lần hồi lôi cuốn được độc giả. Theo ý tôi, sự thành công của một tiểu thuyết đăng nhật báo tùy thuộc nhiều ở phần kỹ thuật (một kỹ thuật rất phức tạp và luôn luôn mới mẻ nếu ta lưu tâm tìm tòi học hỏi) và cố nhiên là phải cậy đến nhiều tiểu xảo, đến óc tưởng tượng phong phú và đến cả sự quyền biến vừa nhặm lẹ vừa thích nghi của người viết nữa.

Nếu từ lâu người ta sẵn sàng xem cải lương là một bộ môn của nghệ thuật sân khấu có khía cạnh giá trị nghệ thuật riêng của nó, thì chắc rồi đây cũng không ai nỡ nhất loạt và vĩnh viễn đặt loại tiểu thuyết đăng nhật báo ra ..« ngoài vòng pháp luật » của văn nghệ.

Nếu trước đây nhóm Tự Lực Văn Đoàn có một nhật báo trong tay thì chắc Nhất Linh, Khái Hưng cũng đã có dịp... viết feuilleton rồi.

Ngoài ra, tôi nghĩ rằng một tiểu thuyết đăng nhật báo vẫn có thể... «nói lan được một cái gì». Có điều là vì kỹ thuật bắt buộc, sự nói-lên-được-một-cái-gì trong tiểu thuyết nhật báo phải được «pha» luôn và khuấy đều trong các tình tiết, các nhân vật, các gút mắc trong truyện chớ không có thể «nói lạn» một cách trang trọng như trong một tác phẩm văn nghệ.

Có lẽ người viết truyện dài nhật báo nào cũng hằng ôm ấp cái mộng tưởng là có được dịp «đăng đàn» một lần với đầy đủ bục cao và máy vi âm cho thỏa chí bình sinh. Chỉ có mộng tưởng như thế thôi vì.. luật lệ khắc nghiệt của «cái bang feuilleton» vốn dĩ tối kỵ với việc « đăng đàn» ấy. Và hễ phạm vào giới luật đó, một «cao thủ» cũng có thể bị mất cả chục «túi» dễ như chơi !

2

Nếu trang ngoài của nhật báo nhằm vào phần «bắt» độc giả thì trang trong lo việc «giữ» số độc giả ấy. Do đó, chắc người viết tiểu thuyết cũng không có sự lệ thuộc vào tờ báo nào khác hơn là hợp lực với các mục khác ở trang trong làm tròn việc«giữ» ấy. Có lẽ không có người viết feuilleton nào phải bận tâm cho lắm về đường lối,

■ xem tiếp trang 13

nói chuyện giữa những người viết tiểu thuyết...

■ tiếp theo trang 11

chủ trương của tờ báo có đăng truyện của mình. Thường thường người viết cũng dễ dàng căn cứ theo từng báo mình cộng tác mà « điều chỉnh » ngòi bút nếu tự xét thấy cần. Đây là một vấn đề có tính cách hoàn toàn kỹ thuật cũng chẳng khác gì khi chụp ảnh ta phải điều chỉnh lại bộ phận thu nhận ánh sáng.

3

Có lẽ sự xác định thành phần độc giả căn cứ phần lớn vào chính lớp độc giả của tờ báo mà mình cộng tác.

4

Tôi đã hoàn thành được 8 truyện dài trên nhật báo, trong số này tôi thích nhất mấy truyện : Chú Tư Cầu, Rặng Trâm Bầu, Anh Ba Công Lý (tức Xinh) Kinh Cầu Muống... Những nhân vật « ruột » của tôi là : Tư Cầu (một thanh niên thôn dã hiền lành đến ngây ngô, đời lúc sống buông thả theo bản năng nhưng cũng biết đam mê đến nhịp cùng của con tim), Bảy Núi trong Kinh Cầu Muống (một thứ Tư Hải của thời kỳ kháng Pháp có dũ sự bê bối của một tên giặc có nhưng cũng có thừa sự hào hiệp, sự cương trực của một « đại ca » trong giới anh chị), Ba Công Lý (một người dân hèn mọn mà thuật xử thế gồm trọn trọng nguyên tắc « ai kêu cũng dạ » để được mọi người « yên thân mần ăn » nhưng lại luôn luôn là nạn nhân oan uổng của mọi biến động thời cuộc và của hoàn cảnh mà anh ta phải sống)... và cố nhiên còn một số nhân vật nữ « dữ dằn » khác nữa.

Nhân dịp này, tôi muốn nêu ra đây thêm một vài nhận xét nhỏ :

Nếu tiểu thuyết đăng nhật báo vẫn thường được coi như là một thứ con hoang (vô thừa nhận) của văn nghệ thì đối với chính nhật báo của nó được in lên, nó cũng chỉ được liệt vào hạng... con ghẻ (người viết feuilleton không được kể như là một nhân viên thường trực của tòa soạn). Ngoài ra người viết truyện dài đăng nhật báo cũng không được quyền có... « tuổi trẻ » (mầm non văn nghệ thì được, chớ có ai nghe nó đến... mầm non feuilleton bao giờ đâu !) và cũng không được quyền có « tuổi già » (có tờ báo nào chịu dành một khoảng trang trong để làm một thứ... trại tế bần, nhà dưỡng lão cho những ngòi bút về chiều đâu). Người viết truyện dài trên nhật báo chỉ có một tuổi duy nhất, đó là tuổi... « ăn khách ». Tuổi ấy có lẽ con bị thảm hơn... Tuổi Nước Đọc nhiều !

Riêng trên phương diện « thành nghề » viết lách giữa một ngòi sút văn nghệ và một ngòi bút feuilleton, tưởng có thể đưa ra một sự so sánh giữa một chiếc xe hơi nhà thong dong chạy trên xa lộ Biên hòa với một chiếc xe... tạp xế rớ đâu là bị thổi tu-huýt tó. Và còn bị « kết án » là một thứ xe... kém thẩm mỹ và dễ... gây nên tai nạn nữa !

Nhưng biết sao, đó cũng là một nghề kiếm cơm ! Một nghề khá vất vả, chẳng hiếm hoi buồn phiền, bực bội và nhất định là bạc bẽo rồi... Tuy nhiên, gần gũi với nó, người viết cũng có thể thu thập được một số vốn liếng không phải là vô dụng nếu một mai họ có ý định viết sang loại tiểu thuyết... không đăng nhật báo.

DUYÊN ANH

TÔI mới viết tiểu thuyết đăng nhật báo từ đầu năm 1964 và chỉ viết cho một nhật báo là tờ Xây Dựng của Linh Mục Nguyễn quang Lãm. Nhật báo Xây Dựng tuy không phải là cơ quan ngôn luận chính thức của khối công giáo nhưng mọi người phải công nhận rằng nó không bao giờ chủ trương thương mại. Bởi vậy, những tiểu thuyết đăng trên Xây Dựng của tôi cũng không được Linh mục Nguyễn quang Lãm « nhằm mục đích thương mại » Do đó, không có vấn đề « chiều theo thị hiếu » trong những tiểu thuyết đăng nhật báo của tôi. Ở những tiểu thuyết đăng nhật báo của tôi, trước sau, tôi chỉ viết tiểu thuyết xã hội. Tiểu thuyết xã hội hôm nay, viết thật là « đen ». Mà « đen » làm sao chiều theo thị hiếu của những người thích tình cảm ướt át ?

Tôi nghĩ rằng, một năm hay sáu bảy tháng đã viết xong một cái tiểu thuyết thì vội vàng quá. Nghệ thuật không cho phép những người làm nghệ thuật vội vàng. Nhiều văn hào trên thế giới, cả đời mới viết xong một bộ truyện. Nhưng ở Việt Nam, một người viết « có sức » có thể mỗi năm viết xong hàng chục bộ tiểu thuyết ! Tôi thí dụ nhà văn A viết cho bốn nhật báo, ba tuần báo. Một trăm, ít ra nhà văn A cũng « dẻ » được mười mấy cuốn truyện. Như thế, làm sao nội nghệ thuật trong mười mấy cuốn truyện của nhà văn A ? Viết nhiều, viết nhanh, làm thế nào người viết có thể đào sâu tâm lý nhân vật của mình ? Rốt cuộc, dầu có được xuất bản, những tiểu thuyết viết nhanh ấy cũng chỉ là những thứ truyện giải trí, rỗng tuếch, chẳng nói lên được cái gì, được vấn đề gì, được tâm sự gì !

Tiểu thuyết của tôi ư ? Thật khó nói khi tôi ở vào trường hợp chung của những người viết vội. Chỉ khác một điều, tôi viết ít. Ít mà mỗi năm một, hai cuốn là quá nhiều đối với tôi. Cuốn đầu tay viết đăng nhật báo của tôi là cuốn Ảo Vọng Tuổi Trẻ. Cuốn này, chẳng cần ai chê, tôi đã chê nó ngay và quên hẳn nó rồi. Bây giờ, nếu có ai hỏi tôi cuốn đó, tôi sẽ ngượng chín người. Cuốn thứ hai là cuốn Điệu Ru Nước Mắt (1) tuy được nhiều người hoan nghênh nhưng tôi xét thấy cái không khí trong Điệu Ru Nước Mắt nó khác hẳn không khí phòng trà, tiệm nhảy, cải lương của tiểu thuyết hôm nay nên độc giả thấy nó lạ mà hoan nghênh nó. Chứ thực ra, cuốn Điệu Ru Nước Mắt, có lẽ không thể coi là tác phẩm nghệ thuật được. Cuốn mà tôi và một số anh em (trong đó có các anh Nguyễn Mạnh Côn, Lê Tất Điều, Hoàng Hải Thủy vân vân) coi là tác phẩm nghệ thuật, tuy đăng nhật báo (Xây Dựng) thì lại là cuốn tiểu thuyết tôi đã viết gần xong rồi mới cho đăng dần (2) Cuốn tôi đang viết (3) độc giả Xây Dựng thích thú lắm. Tại nó chưa hết nên tôi chưa « đo » được giá trị nghệ thuật của nó Nhưng tôi xin nói ngay : khó mà nó có giá trị khi người viết nó đã viết vội vàng.

Tôi dài giòng như vậy, các anh đã tìm thấy câu trả lời về giá trị nghệ thuật của tiểu thuyết đăng nhật báo rồi. Theo tôi, thời gian và không gian này, khó mà tìm nổi một nhà văn kiên nhẫn ngồi viết một mạch hàng mấy trăm trang sách. Viết xong chưa chắc đã được phổ biến. Nhật báo là nơi lý tưởng của những nhà văn muốn có tác phẩm xứng đáng Nếu người ta viết thật ít, ngoài việc viết một cái tiểu thuyết đăng nhật báo, không phải làm gì thêm về viết lách, người ta có thừa thãi thì giờ dồn trải nghệ thuật của người ta lên tác phẩm, chắc chắn người ta phải đạt đến mức tương đối của nghệ thuật. Còn cái kiểu chia thì giờ cho đủ loại bài báo, tới giờ viết « phơi ớ tông » mới nhớ lại đoạn hôm qua mình đã viết gì, nếu quên thì chạy xuống typo xin miếng cuối để viết tếp, làm sao nghệ thuật đãi ngộ mình được. Thỉnh thoảng, có vài ngày xuất thần, cả cuốn truyện mấy trăm trang, may ra được một chương tạm gọi là có nghệ thuật

Tôi đã « nghĩ về nhận xét » do các anh gợi ý về những tiểu thuyết đăng báo hàng ngày của tôi Của đời thôi Và tiểu thuyết đăng báo nói chung Còn các anh em khác tôi không đọc hết mấy chục tờ báo nên không hiểu hết anh em. Biết đâu chẳng có người cứ viết nhanh, viết nhiều mà vẫn cứ có nghệ thuật,

2

Tôi không hề bị lệ thuộc vào chủ trương đường lối của tờ báo Tôi phơi nói, may mắn cho tôi được nhật báo Xây Dựng đăng những truyện của tôi. Dù truyện của tôi có thể không có giá trị về phương diện nghệ thuật nhưng ít ra, về phương diện xã hội, truyện của tôi đã nói lên được vài thắc mắc, ưu tư..

3

Độc giả của tôi (tôi muốn nói những độc giả Xây Dựng đã đọc các truyện đăng trên Xây Dựng của tôi thôi) hầu hết là thanh niên. Cả nam lẫn nữ. Tôi đã nói ở trên, thành phần độc giả này hoan nghênh truyện của tôi (nhất là truyện Điệu Ru Nước Mắt) vì họ được lạc vào vùng không khí mới lạ trong tiểu thuyết của tôi. Họ cũng tìm thấy hình ảnh của họ hao hao giống những nhân vật của tôi, hao hao giống tâm sự những nhân vật của tôi.

4

Tôi đã viết xong hai tiểu thuyết (Ảo Vọng Tuổi Trẻ, Điệu Ru Nước Mắt) đang viết tiểu thuyết Nước Mắt Lưng Tròng. Tôi không bằng lòng cuốn nào cả Bộ truyện tôi bằng lòng nhất là bộ trường giang tiểu thuyết mang tên chung Về Bến Tình Ly gồm 6 cuốn : Thằng Vũ, Thằng Côn, Con Thúy, Thằng Khoa, Thằng Vọng. Về Buồn Tình Ly thì lại không được nói ra trong phạm vi cuộc « nói chuyện — đối thoại » này Nhưng các anh hỏi nhân vật nào tôi thích nhất, tôi xin trả lời ngay : nhân vật tôi thích nhất là Trần Đại trong tiểu thuyết Điệu Ru Nước Mắt.

Nhiều người trách tôi đã lý tưởng hóa một cách quá đáng cả du đãng Trần Đại, đã « trí thức » hóa đám « chiên ghẻ » của xã hội, đã để

■ xem tiếp trang 32

(1) ĐÔNG BẮC xuất bản 1965.
(2) LUẬT HỀ PHỐ Trí Dũng xuất bản 1965.
(3) Nước Mắt Lưng Tròng.

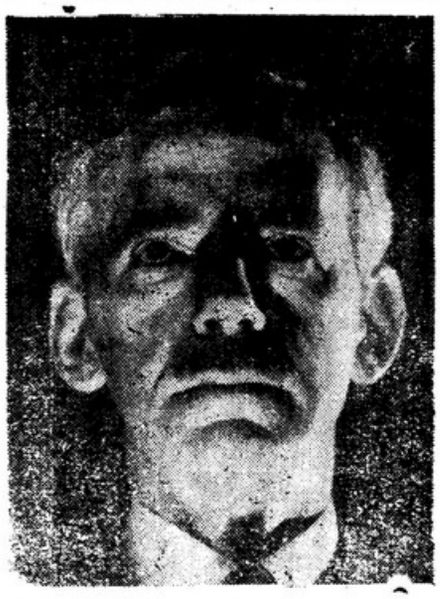

EUGENE O'NEILL VÀ THẢM KỊCH NHÂN LOẠI

□ bùi ngọc dung

NGƯỜI ta thường thấy người đời khen tặng các nhà văn, thơ hay kịch tác gia bằng đủ mọi danh từ to tát. Nào là quan trọng, trường cửu hay bất tử. Sự khen tặng đó không biểu hiệu được một điều gì mới mẻ cả vì nhân loại hiện đại thường quên rất nhanh những danh từ vô nghĩa ấy. Nhân loại hiện đại bị lôi cuốn vào một tấn thảm kịch không dứt, chìm ngập trong những đam mê phi lý, tuyệt vọng hay dằn thân vào những thú vui nhục dục. Họ không cần hay biết văn chương đã và đang làm gì cho nhân loại hiện đại. Đối với họ, văn chương phổ biến hay không phổ biến chẳng là gì cả, triết học không đạt được vấn đề vũ trụ, không giải quyết được vấn đề con người để ra khỏi thảm cảnh xâu xé vì chiến tranh, vì tội lỗi, vì tư tưởng hắc ám, vì một xã hội thối nát hay vì một viễn ảnh tiêu diệt nào đó gần kề. Như vậy, văn chương và triết học chỉ là không tưởng và vô ích trong thời đại này. Con người đã ý thức được như thế nhưng họ không tự vạch ra một con đường sáng tỏ nào hay tìm cách giải quyết sự phung phá của một thế giới khủng hoảng và có tính cách phóng thể. Con người cần phải nhờ đến các nhà văn để thông tri cho tha nhân những nỗi dằn vặt, sâu xé; nhưng nhà văn ở đây cũng chỉ là nạn nhân của tấn thảm kịch nhân loại mà thôi. Chính nhà văn cũng không thoát khỏi. Họ chính là chứng nhân của tấn thảm kịch đó. Chính vì những điều này, chúng tôi đã lựa chọn kịch tác gia Hoa Kỳ Eugene O' Neill. Tư tưởng về tấn thảm kịch con người của Eugene O' Neill dù sao cũng là một thông điệp đáng chú ý trong thế kỷ 20

Trong những năm từ 1920 đến 1930 không ai còn xa lạ với Eugene O'Neill. Ông được coi là một kịch tác gia dẫn đạo trong văn học hiện đại Hoa Kỳ, để rồi sau đó Tenessie Williams bước vào khu vực thảm kịch con người do O' Neill đã đề ra. Các vở kịch của O' NeilI đã được trình diễn hàng bao lần trên sân khấu cũng như trên vô tuyến truyền hình Kịch tác gia O'Neill hầu như không sáng tác gì thêm trong 10 năm sau cùng của đời mình. Ông mất năm 1953.

Kịch bản nổi tiếng nhất của Eugene O'Neill vẫn chỉ là vở *Long Day's Journey Into Night*, được hoàn thành năm 1941, và được chính giới văn học Thụy Điển coi như một tuyệt tác năm 1956. Khi vở kịch thành hình, sân khấu kịch nghệ Broadway đã đem cho trình diễn và chiếm giải *Drama Critics Circle*. Kịch bản *Long D'ays Journey Into Night* đã được giới văn học Hoa Kỳ mệnh danh là vở kịch hay nhất trong mùa 1956-1957. Mùa sau, 1957-1958, ba vở kịch liên tiếp của O'Neill, trong đó có vở *Long Day's Journey Into Night* được đưa lên sân khấu kịch trường Nữu Ước và được chào đón nồng nhiệt.

Long Day's Journey Into Night là một thảm kịch gia đình, hoàn toàn khác biệt với những vở kịch mà O'Neill sáng tác lúc trước Ở đây, người ta có cảm tưởng như O'Neill đã mang thảm kịch cá nhân giới thiệu với độc giả. Nhân vật kịch đều đóng trọn vai của mình, mang bản thể riêng trong các cuộc tranh chấp giữa chính tác giả với người mẹ, người cha và anh em trong gia đình Tyrone. Thời gian của vở kịch được qui định trọn một ngày, từ sáng cho đến nửa đêm. Không gian xảy ra tháng 8-1912, trong phòng khách của gia đình Tyrone, tại một căn nhà được mệnh danh là *căn nhà mùa hạ* (summer home). Nhân vật kịch gồm người cha gốc Ái Nhĩ Lan. Ông ta là một tài tử hạng xoàng mà lại nhiều tham vọng muốn trở thành vai chính trong kịch bản của Shakespeare Người mẹ có nhan sắc, tình cảm, đáng mến, nhưng không tài nào dung hòa được bản tính lang bạt kỳ hồ của chồng. Hai người con trai trong gia đình Tyrone cũng vậy, nghĩa là bản tính tham vọng như cha Mục đích của O'Neill là muốn đưa ra một nhân vật biểu tượng và sáng chói như Edmund. Edmund là con trai thứ hai của gia đình này. Gã ta thông minh và không giang hồ vặt như ông anh gã. Edmund luôn luôn băn khoăn trước tư tưởng thi ca bệnh hoạn và chán chường của Baudelaire cũng như tư tưởng triết lý hư vô của Nietzsche. Còn ông anh gã, James, chỉ thu thập được những kinh nghiệm thấp hèn của những tay nghiện rượu và của đủ các loại điếm mà hắn giao du.

Long Day's Journey Into Night có 4 màn. Màn đầu không khí kịch hoàn toàn có tính các tĩnh. Các nhân vật trong gia đình Tyrone hầu như không có một xích mích nào. Bước sang màn 2,3 và 4, không khí kịch căng thẳng, bắt nguồn từ việc Edmund nhuốm bệnh lao. Cha và mẹ, không ai chịu nhận trách nhiệm về mình. Họ đều qui trách nhiệm lẫn cho nhau. Bà nói với chồng «Nếu nó (Edmund) được nuôi dưỡng trong một gia đình thực sự thì tôi đoan chắc nó khác hẳn thế». Thực ra, trong một gia đình như vậy, mỗi người đều có trách nhiệm đối với tha nhân. Còn James, anh ta tự coi mình là một người hoàn toàn tự do trong gia đình, không ràng buộc, không liên hệ đến điều mà người ta gọi là máu mủ gia đình. Anh ta chỉ lập đi lập lại câu nói của Nietzche là: «Thượng Đế đã chết rồi, thật đáng thương hại cho loài người khi Thượng Đế không còn hiện hữu nữa». James còn coi mình là hư vô, không là gì cả trong xã hội nhỏ bé của anh hay trong thế giới của xã hội con người mà anh đang bị ràng buộc, anh cho anh không chịu trách nhiệm gì về tha nhân mà tha nhân đây lại là những người cùng sống trong một gia đình.

Như vậy *Long Day's Journey Into Night* là một vở kịch xoay quanh vấn đề riêng tư của một gia đình. Nó là phần nào về tấn thảm kịch của chính tác giả. Nếu bảo rằng *Long Day's Journey Into Night* là một vở kịch có tính cách bi thảm và tuyệt vọng, thì chủ đề của nó muốn đề cập đến điều gì? Thiết tưởng, người ta có thể trả lời dứt khoát rằng *Long Day's Journey Into Night* là một tấn thảm kịch thực sự. Chủ đề của nó không ai xa lạ gì là vấn đề hiện đương thống trị trong thế hệ chúng ta vấn đề tha hóa hay phóng thể (aliénation) của con người. Ý nghĩa tha hóa hay phóng thể đã và đang soi mòn cả thế hệ hiện đại, hơn thời đại nào khác. Nhân vật James hay Edmund là chứng nhân của sự soi mòn phi lý nầy. Eugene O'Neill đã phá vào hai nhân

■ xem tiếp trang 27

Marek Hlasko, tác giả của truyện dài « Ngày thứ tám trong tuần lễ » đã từng được mệnh danh là « Người thanh niên bất mãn » hay « Phát ngôn nhân của nhóm Beat » của Ba Lan. Thật ra ông còn hơn thế. Tác phẩm của ông không chỉ chất chứa những bất mãn và sự xem thường cuộc đời, nó còn là phản ánh trung thực nhất của bộ mặt ngơ ngác của tuổi trẻ hôm nay, dù sống dưới chế độ Cộng Sản hay không. « Ngày thứ tám trong tuần lễ » có thể bị ngộ nhận là một tiểu thuyết tố Cộng, sự thật giá trị nó khác xa thế. Đó là một câu chuyện tình giữa Pielrek (Piotr) và Agnieszka, hai người đã cố thoát khỏi mọi sự cưỡng đoạt của guồng máy nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa, thoát khỏi không khí tù túng ngột ngạt của một nước bên kia bức màn sắt để tranh lấy thời gian không gian, và bản thân mình hầu thỏa mãn được tình yêu của họ. Họ đã thất bại. Những khía cạnh vong thân của tình yêu Bôn Sô Vích, cuộc sống hối hả và chật hẹp của những người dân Balan, sự lạc loài của những người trẻ có ý thức như Grzegorz, anh của Agnieszka, đến độ chỉ biết là cả ngày đêm trong những quán rượu, tất cả đã được diễn tả thật xúc động trong « Ngày thứ tám trong tuần lễ ». Không ai có thể đọc « Ngày thứ tám trong tuần lễ » mà không tưởng tượng như mình không cùng đi với tác giả dầm trong những cơn mưa đen dài, trong không khí ảm đạm, thê lương như luôn luôn phủ nặng trên thành phố Warsaw. Cũng không ai đọc « Ngày thứ tám trong tuần lễ » mà không cảm giác được sự cay đắng của cái thế giới mà ở đây mọi người bị bắt buộc phải sống. Trong câu chuyện bi tráng này, tất cả mọi nhân vật đều ấp ủ mong đợi ở tương lai, dù mong đợi trong tuyệt vọng. Họ mong đợi một ngày có thể không bao giờ đến, đó là một « Ngày thứ tám trong tuần lễ », một nỗi mong đợi phải có nếu họ còn muốn kéo dài cuộc sống nhục nhằn của mình. Với tác phẩm này, dư luận Cộng Sản không ngớt chỉ trích Hlasko, và biết thế, nhân dịp được đi Paris và Miền tây, năm 1958 Marek Hlasko đã xin tỵ nạn ở Tây Đức. Điều kiện sống ở Balan đã trói buộc quá nhiều, ông nói, khiến cho ông thấy ông không được phát biểu những điều ông phải nói ra. Đoạn văn sau đây trích trong « Ngày thứ tám trong tuần lễ »,

KHI tỉnh dậy, cô gái thấy cha mình đang lê đôi dép ngủ khắp cả phòng. Nàng đang còn mơ màng như ở một nơi xa xăm nào đến, rồi nàng bất chợt nghe một tiếng động, và tiếng động này — đều đều và rõ ràng — đã xua cơn ngái ngủ ra khỏi mí mắt. Nàng nằm bất động, như thu kín người lại, không có đủ can đảm mở mắt ra và nhận rõ những chuyện chung quanh. Cho đến khi nghe bước chân của cha đi tới cửa sổ, cặp mắt nàng mới hé mở.

Cha nàng kéo màn và đứng nghiêng mình chơi vơi qua cửa sổ. Ông tựa tay trên thành cửa và nhìn ra đường phố. Một giây lát ông nói :

— Trời mưa. Ông gõ nhẹ những ngón tay trên khung kính. Mây xuống thấp. Như thế này thì mưa cả ngày.

Agnieszka khoác vào người chiếc áo choàng và đi về phía cửa sổ. Nàng đứng bên cạnh cha. Mái nhà loáng nước, nước mưa chảy ồ ồ trong máng xối, khách bộ hành bước vội vã, kéo cao quần áo lên khỏi con đường ướt át.

— Tuyết. Agnieszka nói, tay sờ một ô kính. Trong mưa có bụi tuyết. Tháng năm mà lại có mưa tuyết. Cả tuần nay trời oi nồng.

— Nhưng tại sao lại phải mưa vào ngày chủ nhật mà không mưa những ngày kia ? Người cha hỏi với vẻ tuyệt vọng. Tại sao lại phải mưa vào những ngày chủ nhật ?

— Lại một thủ đoạn của Cộng Sản đây. Làm nản lòng những tín đồ đi lễ ở nhà thờ.

Cô gái vội vàng trang điểm và đi, vào nhà bếp. Zawadzki đang cạo râu miệng huýt sáo vui vẻ.

— Chào anh, anh Grzegorz đâu rồi ?

— Anh ta đi đâu đó.

— Anh cũng định đi phải không ?

— Đi đâu bây giờ ?

— Đi gặp Julia.

— Không phải tên Julia, Maria. Người anh gắt giọng. Em nghe tên đó ở đâu thế ?

— Không quan trọng. Mà anh định đi phải không ?

— Với trời mưa như vậy ? Em có điên không ?

— Thế thì anh làm gì đây ? Anh lau bình xăng...

— Chủ nhật tới anh sẽ đi. Đừng có lo. Anh sẽ trị nàng. Chưa có cô nào có thể qua mặt được anh đâu. Anh chợt quay qua nàng. Nhưng em là quỉ sứ hay sao mà tò mò chuyện đó thế ?

— Anh cất mặt anh đấy nhé. Khi cạo mặt anh phải cẩn thận mới được. Em có thích gì chuyện đó đâu. Em chỉ hỏi thăm xã giao thế thôi.

Grzegorz đi vào nhà bếp. Anh quẳng chiếc áo mưa rồi ngồi trên giường tháo giày ra. Agnieszka hỏi :

— Anh đau à ?

— Sao em hỏi thế ?

— Anh sắp đi nằm kia.

Anh ngước cặp mắt đỏ những tia máu nhìn nàng. Rồi anh chỉ tay về phía cửa sổ. « Em nghĩ xem giờ có gì đáng làm hơn đi nằm không ? »

— Anh có thể đi uống rượu. Đến chiều thì anh say và tối yên ổn đi ngủ là vừa.

Zawadzki đi ra nói : « Hai người ở đấy mà giỡn với nhau. Tôi đi ».

Agnieszka đến bên giường ngồi cạnh Grzegorz. Nàng hỏi :

— Sao anh không đi ? Thế này cũng là thường với anh cơ mà ? Nếu bây giờ anh bị say, anh dễ được một xe du lịch hay xe hàng cán phải. Rồi ở nhà mình mới được yên ổn chút xíu. Đường phố ban đêm mới được vắng vẻ.

— Anh không bao giờ uống trước sáu giờ chiều. Thế giới này đã sa đọa rồi. Con người phải biết giữ tinh thần của mình.

— Grzegorz, em muốn nhân lúc anh còn tỉnh. Nếu anh không bỏ say sưa như hôm nay, em sẽ đi mách ông thư ký của tiểu bộ đảng anh. Anh sẽ bị tống ra khỏi đảng. Chắc chắn là họ không cần những người như anh.

Anh chăm chú nhìn nàng « Trẻ rồi, em bé ơi, » anh nói, bàn tay vỗ nhẹ trên má nàng. « Hôm qua anh bị thu hồi thẻ. » Anh cười « Một quê hương khốn khổ. Những người khốn khổ. Họ muốn thực hiện việc gì đó với bất cứ giá nào, như thật bất hạnh là mọi việc đã được làm xong từ trước. Nếu em muốn giúp tên thơ ký đó, tốt nhất em hãy ngủ với hắn đi Trong khoảng giữa hai buổi họp. Em còn muốn nói gì nữa không ?»

Agnieszka im lặng. Nàng nhìn khung kính cửa sổ, bây giờ thật sáng nhờ cơn mưa rửa sạch. Tuy thế, nàng chẳng thấy gì ở bên kia đường,

Một lát, nàng hỏi :

— Grảegorz, người ta có thể sa đọa tới mực nào ?

— Anh cũng thắc mắc như thế. Anh khá bận tâm với câu hỏi đó. Khi nào đạt được giải đáp, anh sẽ cho em biết.

— Chị ấy có biết chuyện của anh không ?

— Chị nào ?

— Người của anh đó.

— Anh nghĩ anh không có cô nào cả.

— Anh đang chờ cô ta mà.

— Anh cũng đang chờ những chuyện khác. Không có chuyện nào đến cả.

Anh đột nhiên đứng dậy :

— Giờ em muốn gì đây ? Nếu em muốn được giải đáp những vấn đề thông dụng thì hãy đọc tờ « Đoàn kỳ của thanh niên ». Chúng nó từng tổ chức một cuộc hội thảo « Tình yêu của thanh niên Cộng sản phải như thế nào ?» Rất hữu ích đấy. Tụi thối này mà có nhiều chuyện về đàn bà để nói hơn cả Balzac nữa. Và bây giờ thì để anh ngủ.

Người cha đi vào. Ông nói : « Má của các con khó chịu. Bà bảo là bà mệt tim. Cha không biết làm sao đây ».

— Tốt hơn là cha đừng làm gì cả. Grzegorz nói. Để cho cha khỏi thắc mắc vì chuyện gì cũng phải dự vào cả. Cha không thể bàn những chuyện quan trọng như thế ngoài buồng kia được sao ?

Agnieszka uống hết tách trà và bước xuống cầu thang, Piotr đứng chờ nàng ngoài đường cái.

ngày thứ 8 trong tuần lễ

nguyên tác Marek Hlasko ☐ Hoàng ngọc Nguyên dịch

Nàng nói : « Chúng mình đi đâu uống cà phê đi. » Nàng nhấc chiếc mũ áo mưa đội lên đầu. « Hôm nay mình đừng nói chuyện về đó nữa. Thế là tốt nhất.»

Chàng gật đầu.

Quán cà phê đông đúc, ồn ào : họ không kiếm được bàn trống. Họ đi xe điện xuống phố. Trên xe, một vài người có vẻ say đang đùa giỡn, sáng nay chắc họ đã có uống, và ai cũng mặc bộ áo quần đẹp nhất dành cho chủ nhật.

Piotr hỏi :

— Em có biết gì không ? Có lúc nào em nghĩ nước Ba Lan giống như thế nào không ?

— Anh muốn nói sao ?

— Hình ảnh của nước Pháp là Marianne, người Hoa Kỳ thích lấy Đài Tự Do làm biểu tượng cho nền dân chủ của họ. Nước Nga có khi đã dùng con gấu. Vậy thì cái gì biểu hiệu cho nước Ba Lan đây ?

— Em không biết.

— «Anh thường nghĩ về chuyện đó. Em có biết gì không ? » Chàng chỉ những người say rượu. « Một người như cái ông đó, với một trang cụ chơi quần vợt rẻ tiền. Ngà ngà say. Trong một phòng đợi bao la. Không có lấy một thời khóa biểu Để cho trọn vẹn bức hình, mình để cho anh ta cầm thêm ở tay trái một quyển Linh Hồn Nhà Vua. Để cho thăng bằng, một chai rượu ở tay bên kia. Ý kiến của anh có ngu lắm không ? »

— Em không biết. Có thể ngu, có thể khôn. Trời đang mưa, chuyện đó mới quan trọng.

Quán cà phê dưới phố cũng trong cảnh chen chúc. Họ đi từ quán này đến quán khác, ướt dầm và lạnh run. Họ định đi xem hát bóng, nhưng mặc cho trời mưa, thiên hạ vẫn sắp thành hàng dài, đầu che những tờ báo hay xắc tay. Tại một hí viện nhà nước, một yết thị cho biết buổi trình diễn đã hết chỗ. Agniezka nói :

Mình đi đâu ăn tối đi.

— Tiếc quá, anh không có tiền. Em có không ?

— Em cũng không. Có bao nhiêu em tiêu hết khi đi tìm anh Grzegor rồi.

— Chúng ta có thể đi nhà thờ khi nào cũng được. Ở đất tự do và lại có chỗ cho mình. Người ta vẫn còn thích cầu nguyện. Anh nghĩ là những chi tiết đa tạp này cứ được nhắc đi nhắc lại mãi. Còn trang trọng hơn cả ý muốn của Chúa.

— « Mình đi đâu đây, Pietrek ? » Cô gái chán nản hỏi.

— Anh không biết. Trên quả đất này thiếu chỗ cho những người yêu nhau.

Họ đứng nhìn nhau trong thành phố mưa ướt. Cả hai người cũng ướt đẫm. Gió vẫn đều đều cuốn những làn mưa tới. Xe đi qua bắn nước lên họ, người đi đường thì chen chúc, xô đẩy. Một giọng đàn bà vang dội ồn ào từ ống phát thanh lớn. Cô gái tuyệt vọng nói :

— Anh đừng nói thế.

— Anh có đọc ở đâu đó rằng cái điều mong muốn vô ý thức song vĩ đại nhất của con người là được làm nô lệ. Anh bắt đầu tin thế. Anh cũng chợt thấy muốn trở lại nhà tù. Không nghĩ, không lo gì cả. Sống mà cứ gặp những bảng cấm vào ở khắp mọi chỗ thì thật không đáng gì cả. Điều duy nhất mà anh mong là được đem ra xử và tuyên án cho xong Chịu tội gì cũng được. Bị tù bao lâu cũng được...

Chàng chụp lấy đôi bàn tay bé nhỏ của nàng.

— Anh sẽ trở lại đây, em nghe không ? Anh sẽ làm gì đó để họ bỏ tù anh hàng năm. Anh sẽ trở lại đấy để cho xong đời anh ở trong đó. Mình sẽ không còn phải lang thang, không còn ai xua đuổi mình được nữa...

— Đi, nàng hét lên. Nàng nắm bàn tay của chàng, dùng hết sức để kéo chàng theo. Họ tiến vào một khu đổ nát. Nàng bắt đầu chạy, bàn tay vẫn giữ chặt tay chàng; họ vấp ngã trên gạch đá và những lỗ hổng dưới đất, rồi đứng dậy và lại tiếp tục chạy. Cuối cùng nàng ngã trên nền đất, ngổn ngang những hộp đồ hộp, những mảnh chai vỡ và những đám cỏ bẻ bết đất sét. Nàng lôi chàng ngã theo trên người nàng. Lấy cả sức, nàng níu tóc chàng xuống, ghì cái đầu vào ngực nàng.

« Làm thế cho xong đi, anh nghe không » ? nàng hét trong tai chàng. « Van anh, đừng thay đổi ý kiến. Không sao cả, em bảo mà. Con người không hơn gì con vật cả. Chúng ta đừng nghĩ là mình khác thế. Chúng ta không làm sao tránh được chuyện đó cả. Một chuyện chúng ta phải làm là chấm dứt ngay những dằn vặt khổ sở này. Đừng nghĩ tới những gì sẽ xảy ra về sau, Làm đi anh, ngay bây giờ, em van anh ! Cứ làm đi anh, đừng bỏ chạy ».

— Cút đi, cút đi nếu không thì anh giết em.

— Giết em đi, giết em đi, song khoan đã. Sau này, chúng ta không thể nhìn mặt nhau. Rồi mình sẽ được yên thân. Cuối cùng được yên thân. Không còn ước mong, không còn tình yêu, không còn những chủ nhật, không còn nói chuyện về nhà tù của anh. Dĩ nhiên chúng ta sẽ bị phỉ nhổ. Giờ thì sao đây? Cả chuyện đó không quan trọng. Anh đừng bỏ chạy, em không để anh chạy đâu. Cứ làm đi. Sau đó chúng ta sẽ quên nhau. Rồi sẽ không còn gì cả. Bây giờ, anh cứ làm đi.

Chàng vùng mạnh ra khỏi nàng và nhảy lui về phía sau.

Một vài mảng gạch đá bị lở, rơi xuống ào ào. Trong một lúc chàng đứng phía trên nàng, tay vun lên chực đánh. «Agnieszka,» chàng lắp bắp, giọng lạc khàn. «Agnieszka». Rồi chàng chạy xuống con dốc nhỏ, gạch và đá vụn cuốn hỗn loạn theo chân. Cô gái vẫn nằm yên, nước tuôn trên tóc, trên mặt và trên cái mông trần của nàng. Một lúc sau, khi nàng trở lại phố, Piotr đã đi rồi. Dưới cửa ra vào của một căn nhà, một nhóm người đứng trú mưa, thỉnh thoảng họ ngóc đầu ra nhìn lên bầu trời mù xám. Một cậu trai cứ nói : « Mẹ kiếp, mẹ kiếp ! » « Tất cả cũng chỉ vì trái bom đó», có người nói thế. «Tất cả cũng chỉ vì trái bom đó. Nếu họ không cho nổ, thời tiết đâu có như vậy. » Cả không gian đầy cả nước, người ta có cảm tưởng như mọi vật đang đều bị hóa lỏng.

■ xem tiếp trang 24

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

20

vạch một chân trời

RỒI Lục Cụ chạy nhanh lên phía rừng sâu. Con Nhung ngơ ngác, nói với Hai Tam :

– Chuyện gì vậy anh ? Em sợ quá. Thà rằng...

Hai Tam lắc đầu :

– Anh đủ sức bảo bọc cho em.

Rồi hỏi Tư Bá :

– Mình liệu sao ? Để em rượt theo, bắt sống Lục Cụ. Nó làm như kẻ gian dối. Chắc nó dính dáng với mấy chiếc tàu Ô ngoài kia.

Tư Bá mỉm cười :

– Để nó lên rừng... Chắc là chuyện kho tàng. Mình đừng cho nó gặp tụi tàu Ô là đủ rồi.

Nhưng Lục Cụ chạy không xa cho lắm. Đến gốc cây bàng cổ thụ, ông ta dừng lại, trèo lên ngọn. Tư Bá nói :

– Để anh chạy theo, bắt sống nó. Nó muốn liên lạc với tên Mách, với bọn tàu Ô. Đoàn tàu này tới đây, thổi tù và làm dấu hiệu.

Nói xong, Tư Bá ra ngoài sân rồi khom lưng, chạy lần theo khu rừng chồi. Mấy ngày liên tiếp, trời không mưa. Vài con rắn bò sột soạt trên lá khô. Lát sau Hai Tam thấy Lục Cụ trở xuống đất. Rồi thì ông ta và Tư Bá đều mất dạng, lẫn khuất phía rừng sâu.

Con Nhung thở dài, ngao ngán. Căn chòi trống hoang, chỉ có bộ vạt lót bằng cây tràm. Nơi góc chòi, ba cục đất khô nhô lên, làm nơi nấu nướng. Hai cái gáo dừa, hai đôi đũa tre, một cái hũ nhỏ... Đó là tất cả dụng cụ bếp núc. Gian nhà ấm áp ở rạch Ông Rầy hiện ra trong tâm trí : con Nhung hối tiếc khung cảnh yên ấm. Hồi ra đi, nó ngỡ rằng Hai Tam đã « lập nghiệp » nơi ven rừng, cất xong ngôi nhà rộng rãi, chung quanh có vườn tược đầy chuối ổi.

Nó ngả lưng lên bộ vạt tràm rồi nằm nghiêng, lăn qua trở lại, hai hàng nước mắt tuôn trào, lăn tròn trên má. Nó muốn thét lên thật to :

— Hai Tam ! Mầy gạt gẫm tao. Tưởng là lên đây được sống nhàn rỗi, trong cảnh thần tiên nào dè đâu mầy... ăn lông ở lỗ. Kho vàng ở đâu ?

Hai Tam như hiểu ý con Nhung, đến gần an ủi :

— Em mệt hả ?

Con Nhung không trả lời. Hai Tam nói giọng khiêu khích :

— Liệu bề em... chịu nổi cảnh nầy không ? Anh hối hận quá. Em lên đây nhằm lúc khó khăn. Chốn rừng xanh nầy không hợp với... đàn bà con gái.

Bị chạm tự ái, con Nhung vụt ngồi dậy :

– Em dư sức chịu cực. Nhà anh ở đâu ? Đây là chòi của anh Tư Bá mà.

Đột nhiên, Hai Tam nảy ra sáng kiến : cứ nói gạt con Nhung :

– À. Anh quên nói rõ. Tới đây, chúng mình mới đi được nửa chặng đường, thình lình bị bọn tàu Ô quấy rầy. Nhà anh ở trên kia, gần nơi có kho tàng.

– Vậy mà em tưởng rằng anh gầy dựng sự nghiệp tại đây. Mệt quá.

Hàng chục con muỗi bu vào chân tay con Nhung mặc dầu bếp un ở ngoài cửa không dứt tỏa khói. Từ phía sông Cái Lớn, tiếng tù và vang rền cứ trỗi lên từng chập. Người thổi tù và chắc là mạnh khỏe, có hơi dài. Nhưng bản chất của tiếng tù và là trầm buồn, não nuột, chẳng bao giờ cất cao được.

Con Nhung trở lại thực tế :

– Tụi tàu Ô tới đây làm gì ? Hồi sáng, em điếng hồn, ngỡ rằng bị bắt sống ? Nó bắt ai vậy ?

Hai Tam đáp :

– Tụi nó ngang ngược lắm. Nó muốn tìm bắt cứ người nào ở đây...

– Chi vậy ?

– Để tụi nó dọ đường đi nước bước

– Tụi nó vô đây rồi ở lại chừng bao lâu ?

– Xứ này của người Việt Nam, làm sao tụi nó dám ở lâu. Triều Đình đem binh tới đánh ...

— Tại sao chưa thấy binh lính của Triều Đình ?

– Làm sao anh biết ... Thôi, em ngủ cho khoẻ để anh nấu cơm cho em ăn. Muỗi cắn nhiều không ?

Con Nhung không trả lời. Phía sông Cái Lớn, tiếng tù và im bặt. Vì quá mệt, nó nằm thiêm thiếp. Hai Tam thương hại và kính mến con Nhung hơn bao giờ hết. « Con Nhung dư sức chịu đựng khổ cực, bằng cớ rõ rệt là nó ngủ dễ dàng ». Nắng chiều xế dần

Thỉnh thoảng, Hai Tam ra trước sân mà ngóng, ngóng phía rừng sâu rồi quay ngược lại, cố gắng theo dõi đoàn tàu Ô ngoài sông Cái Lớn. Tư Bá chưa về, mấy ngọn cột buồm còn đó, nhô lên khỏi ngọn bần,

Căn chòi Lục Cụ vẫn trống hoang, gió thổi phất phơ, lay động mấy tàu lá khô trên vách, để lộ ra một cái hũ. Hai Tam chạy qua chòi Lục Cụ, xúc tất cả mớ gạo rồi đem về chòi Tư Bá để dành dự trữ.

Trời đã tối. Nấu xong nồi cơm, Hai Tam nướng hai con cá khô. Anh giả vờ gọi :

– Nhung ơi ! Thức hay ngủ.

Con Nhung ngáy đều đều, Hai Tam nói lầm bầm :

– Để cho nó ngủ luôn.

Rồi anh đốt thêm bếp lửa để un muỗi. Bụng đói nhưng anh ăn không thấy ngon. Miếng cơm như chận ngang cuống họng. Rủi Tư Bá bị Lục Cụ giết trên rừng thì sao ? Ngày mai, bọn Tàu Ô sẽ giở trò gì ? Tại sao tụi nó bắt tên Mách ?

Con Nhung trở mình nói lảm nhảm :

— Ba ơi ! Thằng cha thầy rắn nó... đụng tới con.

Bất giác, Hai Tam thở dài. Nằm đây mà con Nhung nhớ tới những ngày thanh bình ở rạch Ông Rầy. Lão thầy rắn đã xiêu lạc phương nào ? Nếu tới đây, chắc hẳn lão ta đã bị bắt một lượt với tên Mách. Lão ta giờ trò bịp bợm đòi bắt ông rắn Hổ để được ăn không ngồi rồi và được gái tơ kính nể. Hai Tam cúi mặt, thẹn thầm. Kho tàng bí mật rừng U Minh giống như con rắn hổ ở rạch Ông Rầy. Và Hai Tam nào có tài cán gì hơn lão thầy rắn. Tuy có thiện chí tìm kho tàng nhưng Hai Tam tới giờ phút nầy vẫn là kẻ nói dối, lường gạt con Nhung.

Ngoài sân, một bóng người qua lại, hơi quen.

– Hai Tam đó hả ?

Hai Tam nhận ra Tư Bá :

— Anh Tư... Lục Cụ đâu ? Bắt nó được không ?

Tư Bá đáp :

– Ra đây, đi với tôi kẻo chết cả bọn.

– Sao vậy ?

– Chắc là tụi nó giành giựt kho tàng với anh em mình. Lục Cụ lên rừng rồi trở xuống mé sông Cái Lớn rồi. Chắc là nó thông đồng từ lâu, đâu hồi năm ngoái với tụi tàu Ô,

Hai Tam còn phân vân :

— Đi trốn à ? Còn con Nhung ?

– Mặc kệ con Nhung. Mình đâu sợ ai mà chạy trốn ! Mau ra mé sông với tôi.

– Rủi con Nhung thức dậy thì làm sao ? Nó sống một mình trong căn chòi với... ma.

– Thôi ! Kêu nó thức dậy, biểu nó ngồi chờ, anh em mình đi chốc lát rồi trở về. Cứ nói dối với đàn bà, kẻo hư hỏng chuyện lớn hơn.

●

Tên Mách từ từ mở mắt. Tư bề tối om như mực. Hắn quơ tay, mừng thầm :

— Tụi nó mở giây rồi. Hai tay của mình cử động được. Nhưng mình đang ở đâu ?

Hắn nằm im, không khí ngột ngạt, ướt át. Lưng hắn chuyển động, chới với. Hắn cố tìm một tia sáng. Chừng nầy là giờ Tí hay giờ Ngọ ? Hắn rờ vào khoảng tối, đụng nhằm vật gì cứng ngắt, lạnh lẽo như tấm vách. Hắn đã hiểu : bọn tàu Ô nhốt hắn dưới hầm tàu. Hầm nầy quá sâu, đậy nắp kỹ lưỡng. Có lẽ chúng quăng xác hắn xuống đây. Toàn thân hắn đau nhức. Hắn quào thử vào mặt. Mấy ngón tay vẫn cứng đơ. Mặt mày hắn đã trở thành tấm ván, cục gạch, mất tất cả cảm giác tế nhị, nồng ấm. Hắn nhớ đến trận đòn chí tử khi chúa tàu Long Phi điều tra hắn về... kho tàng bí mật. Hắn một mực kêu oan :

– Lạy ông, trên rừng không có kho tàng !

Chúa tàu lắc đầu :

– Còn người kia đâu rồi ? Tại sao vợ chồng mầy chạy trốn, bỏ chiếc xuồng trên bãi ?

Hắn thú thật, nói tất cả những gì hắn biết. Hắn cho rằng chỉ có Lục Cụ và Tư Bá là am hiểu kho tàng. Hắn van nài :

– Tôi là người của Lục Cụ. Lục Cụ biểu tôi tới mé sông đón rước ông... chúa tàu Ô.

A Lầu trổ tài «thông ngôn», cố gắng giải thích cho chúa tàu Long Phi nghe. Nhưng viên chúa tàu vẫn khư khư giữ ý kiến :

— Tại sao Lục Cụ không ra đây đón tao ? Tại sao Lục Cụ không ra đây gặp tao để nhìn nhận mầy ? Tại sao mầy trốn trên bãi bùn, khi gặp tao ? Tao ra lệnh cho mầy ra mặt, tại sao mầy giả câm giả điếc ?

Sau rốt viên chúa tàu truyền lệnh trói tay trói chân tên Mách, đánh đập như tử. Hắn chết xỉu khi hứng chịu đôi ba quả đấm đầu tiên.

Hắn nghiêng tai, trừng mắt. Khoang hầm vẫn bốc hơi lạnh lẽo. Đột nhiên, hắn nghe văng vẳng tiếng trống tiếng kèn từ trên sàn tàu.

Sàn tàu khua động, có người dẫm chân lên tấm ván ngay trên cao, trên đầu hắn. Hắn nín thở

Một luồng ánh sáng rọi xuống. Hắn nhắm mắt kêu rú :

— Trời ơi ! Nhức đầu quá

Từ trên sàn tàu, có bóng người từ từ .. rơi xuống, tòn ten. Tên Mách tự trấn tĩnh, trông lên. Người ấy đang bám vào sợi giây. Sợi dây thòng xuống đung đưa :

– Dang ra. Tao đá trúng mặt mầy bây giờ !

Tên Mách lồm cồm đứng dậy, dựa lưng vào hông chiếc tàu :

– Thưa ông... A Lầu !

A Lầu nói :

– Thưa với bẩm làm gì cho mệt. Đêm nay, đúng ra tao được quyền uống rượu rồi ngủ cho thẳng giấc. Tại vì mầy lì lợm, ngu dại nên chúa tàu sai tao xuống đây rước mầy lên !

– Tội nghiệp tôi.

– Mầy muốn ở dưới nầy luôn hả ? Ngu vừa vừa chớ.

Tên Mách nói khẽ.

– Thưa ông... ông cứu dùm tôi.

– Lên lẹ lẹ, mầy ơi ! Ở dưới nầy quá lâu, chắc tao ngộp thở mà chết. Chúa tàu là người ưa nghi ngờ. Nếu mầy không chịu lên thì tao giết mầy, đem xác mầy lên cho chúa tàu thấy làm tin. Kẻo ổng nói rằng mầy đã .. vượt ngục.

— Làm sao lên ?

A Lầu nói :

— Đeo vô sợi giây nầy ! Mầy lên trước, tao lên sau.

Từ đáy tàu lên đến mặt sàn, thật là cao, thật là sâu. Tên Mách lắc đầu :

– Chắc tôi chết quá. Tôi đeo sợi giây không nổi. Sức tôi yếu quá, từ sáng tới giờ chưa ăn một hột cơm.

– Không đeo vô sợi giây hả ?

A Lầu giả vờ như rút ngọn đoản đao để đâm tên Mách. Tên Mách nói :

– Dạ, tôi đeo sợi giây.

– Đeo cho chắc. Hễ thấy sợi giây rung rinh là trên kia tụi nó rút mầy lên. Rán nghe không ? Tụi nó chưa dám giết mầy đâu, đừng sợ.

– Dạ, tôi sợ sút tay.

Chưa chi, tên Mách kêu la bải hải, không thành tiếng rõ rệt. Chân hắn từ từ rời đáy tàu, thân hắn lơ lửng. Hắn ngẩng đầu lên. Trên kia, ánh sáng chói lòa. Hai tay hắn đau điếng. Vì sợ té nên hắn bất chấp tất cả, bám thật chặt vào sợi giây luộc. Lòng bàn tay hắn nóng ran. Khi gần đến sàn tàu, hắn nín thở để khỏi sút tay. Thân hắn nặng gấp ba, gấp bốn.

Vừa tới sàn tàu, hắn té nhủi, nằm dài. Hai tên hải tặc bước lại gần hắn, nói líu lo. Lát sau, A Lầu đã lên đến sàn :

– Mách ! Phải mầy tên Mách không ? Đừng làm bậy chớ. Chúa tàu chờ mầy. Đứng dậy.

Tên Mách gượng gạo đứng thẳng. Hai tên hải tặc dìu tay hắn. Chúa tàu Long Phi ngồi chễm chệ trên chiếc ghế, hai bên có chừng ba bốn chục tên hải tặc đứng hầu, cầm đuốc.

A Lầu thúc hối

— Quì xuống lạy chúa tàu đi !

■ còn nữa

đổi mới... đổi mới...

1-4-1966 PHÁT HÀNH

BÚT HOA

BÁN NGUYỆT SAN NGHIÊN CỨU CHÍNH TRỊ VĂN HÓA XÃ HỘI

(Phát hành ngày 1 và 15 mỗi tháng)

Năm thứ VII — Bộ mới Số 1 — Bìa in Offset 4 màu tuyệt đẹp

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Hồ hữu Tường — Trần văn Ấn — Nguyễn thế Truyền — Phan khắc Sửu — Trần trung Chính — Nguyễn đăng Thục — Vũ khắc Khoan — Nguyễn văn Trung — Vũ hoàng Chương — Lê Quân — Hà liên Tử — Viên Linh — Hoàng Hồ — Mai Thảo — Thanh Nam — Trần tuấn Kiệt — Lan Đình — Phạm văn Sơn — Ngọc Ngân — Bùi ngọc Dung — Thanh việt Thanh — Nguyễn Quang — Lê Phong — Lê Ân — Lê Trang — Lê tràng Kiều — Trọng Khiêm — Thương Thương — Văn Khải — Kha thùy Châu — Lý quốc Sinh — Nguyễn Hữu — Thùy song Thanh v v.

GIÁ 12đ.

JACQUES BOREL
con đường

à Pièrre Morhange

Vẫn ngã ba đường đó
mà những lầm lỗi nơi tôi và những quanh co
dẫn tôi tới mỗi ngày.

Tôi lần lữa mãi, tôi dừng lại
vô ích tôi quay đầu ngoảnh mặt
quên lãng rồi điều tôi rình chờ.

Tôi đứng đợi đây một số phận tôi
hay tôi bước lần thêm bước nữa
ôi đích cùng, ôi mâu thuẫn nơi tôi

Con đường này và con đường này
chung cuộc rồi thì cũng gặp nhau
như hai tay tôi vậy ■

Thạc kim Hồng dịch

JACQUES PRÉVERT
chủ nhật

Giữa những hàng cây trên đại lộ Gobelins
một pho tượng cẩm thạch dắt tôi đi
hôm nay là chủ nhật những rạp chiếu bóng đầy người
chim chóc trên cành nhìn xuống
và pho tượng ôm hôn tôi nhưng không ai nhìn thấy
trừ ngón tay một đứa trẻ mù ■

CAO THOẠI CHÂU
buổi sáng ở kontum

ngày bắt đầu bằng nỗi nhớ
chập chờn những bóng dáng vu vơ
điếu thuốc đốt lên nhạt nhòa ẩm đục
con lộ buồn ướt đẫm sương đêm

ngày bắt đầu bằng sự giật mình
mắt em khơi lên niềm xa lạ
bàn tay nhỏ thì thầm gói gió
anh vội vàng mặc áo lưu vong

ngày bắt đầu anh lên yên ngựa
nốt phần đường trong cuộc viễn chinh
mùa đông đã xoay tròn trí nhớ
ngựa qua cầu thôi lỡ chênh vênh

ngày bắt đầu thèm nghe em khóc
giọng nỉ non như giục anh buồn
anh hăm hở trèo lên miệng cốc
đó, vòng tròn tiền kiếp đời anh

ngày bắt đầu giáo gươm sét rỉ
ngày bắt đầu bút nhọn như kim
anh khiêu khích tương tàn đẫm máu
những lối đi mòn đã hết chưa em

ngày bắt đầu anh bước lên thuyền
cùng đối phương vật lộn trong khoang
ôm chiến thắng anh lên núi nhọn
làm thiên thần hóa đá muôn năm

ngày bắt đầu xin em vội vã
bắt đầu như kéo như dao
cắt cho hết những hình thù có sẵn
những hình thù úa héo trong ta

ngày bắt đầu như ngón tay thon
khói thuốc bay như lụa mịn màng
ngày bắt đầu em đừng chạy trốn
lỡ ra đường mặc áo rêu xanh ■

VIÊN LINH
già sông

Kể nào tới tận cùng số phận
Nhìn đám đông như bọn giả nhân
Tối qua tới tận cùng cõi sống
Tôi nhìn quanh một bọn vô tâm

Giữa cuộc đời vàng tôi yếm thế
Bởi tinh thần lẽo đẽo thịt xương.

Hôm qua một người già lạc lối
Hỏi tôi ông có biết không ông
Con đường đó với gia đình đó
Tôi lắc đầu lẫn tranh loanh quanh

Sẽ tới lúc căn nhà tôi tạm trú
Cũng lăn nhào như kẻ động kinh

Nhưng có phải sống là dự tính
Và hoàng hôn sửa soạn bình minh
Tôi biết vậy tuy trong mỗi sáng
Vẫn ngồi ăn lấy sức cho nhanh

Ta đội mũ chưa chắc bù nhìn
Tuy chim vẫn liệng vòng sợ hãi

Tư tưởng anh chưa phải là tôi
Nhưng đành vậy, ta liên kết đại ■

NGUYỄN
đêm ngủ

Nằm ngủ ở vùng trời giá băng
Nằm ngủ một mình trong rừng thông
Những kẻ cô đơn cất tiếng hát
Đêm tối như rừng cây rừng cây
Đốm lửa đỏ soi trên mặt buồn phiền
Nằm ngủ khi không tràn nước mắt
Nằm ngủ co tay ôm lấy mình
Đêm tối như tình yêu của Diệp
Đêm tối nhựa khô vì giá buốt
Nằm ngủ mơ theo từng gốc thông
Tôi cũng có đơn như rừng cây
Những kẻ cô đơn vinh diệu nhất
Tôi tới Đơn Dương buổi chiều nay
Tôi tới Đơn Dương rừng lá vàng
Một chuyến xe chiều không ai biết
Có dáng người nào rất âm thầm
Có dung nhan ai như Ngọc Diệp
Buổi chiều chết trong nỗi nhớ nhung
Mộ phần của y ở Đơn Dương

NGUYÊN SA
building

Muốn nhìn thấy thù hận trôi xuôi
Muốn nhìn thấy thống khổ nhẹ bớt
Muốn nhìn thấy nhục nhã rút đi
Muốn nhìn thấy chiến tranh dừng lại
Muốn nhìn thấy tổ quốc bình phục
Muốn nhìn thấy hy vọng đứng lên
Muốn nhìn thấy tuổi trẻ hồi sinh
Muốn nhìn thấy ý thức trong veo
Muốn nhìn thấy em mỉm cười
Phải đứng trên tầng nào
Của ngôi nhà mới cất ?

■

ĐẠT
ở đơn dương

Nước chảy hoài hoài trên vách đá
Ai khóc chiều nay trên núi khô
Tôi sống ở đời không luận cứ
Tôi sống ở đời như bỗng dưng
Của những vật hùng dũng cô đơn
Của núi đá của cỏ dại của rừng thông
Của ý lạ mặt anh em
Của mộ phần hai mươi mốt xuân xanh
Đêm tối như áo choàng dạ cũ
Đêm tối sự sống lui vào trong
Của Ngọc Diệp của bạn hữu của hồi ức
Ôi tiếc thương mỏi rã tâm thần
Đêm tối rừng thông ruột chuyển nhựa
Vinh diệu như ban đêm vinh diệu như cao nguyên
Những kẻ anh hùng không dương danh
Nằm ngủ như một trang sách cũ
Nằm ngủ như rừng sao rụng xuống
Nằm ngủ như rừng núi ban đêm

■

TÀN VY
trưa trên dốc
nguyễn thai học

Dưới dốc đó những căn nhà im vắng
Những ô kính vuông, buồn trong ánh nắng buổi trưa
Con đường xuống, dài vô tận
Những viên gạch rong rêu
Tôi dắt xe, đi bình thản
Trí óc nghĩ vu vơ

Tôi dừng đó, một mình trên dốc
Trong tiếng vang thời thơ ấu của tôi
Với hồn dây hối lỗi
Nỗi ngu dần giờ có biết cũng dành thôi

Buổi trưa buồn bàng hoàng
Tôi đứng im giữa trời đất bao la
Giấc mộng nào làm tôi tỉnh giấc
Và nhủ lòng hãy nhớ những ngày qua

Trong những kỷ ảo của trưa
Đã hơn một lần tôi ngồi khóc
Mỗi lần như vậy đều nhớ đến tương lai

Nên mở mắt nhìn lên cao
Và gọi tên mình nhiều lần thật khẽ

Những buổi trưa lang thang trên dốc
Lời ru nào gợi nhớ quê hương

■

mặt trời, biển
và buổi chiều

Buổi chiều mặt trời lặn
Khuất bóng ở phương tây
Biển gào cùng nỗi nhớ
Cát lặng yên nụ cười

Buổi chiều mặt trời lặn
Mất tích bên hàng cây
Như con còng thức giấc
Tôi ngủ trong hồn ai

Buổi chiều mặt trời lặn
Chết kín bên rừng dương
Con diều con cất cánh
Tôi rơi cùng thinh không

Buổi chiều mặt trời lặn
Trong bóng tối hân hoan

■

KIỆT TẤN
mưa cuối mùa

tặng phạm đình chương

mưa cuối mùa mùa mưa cuối cuối mùa mưa mưa cuối mùa mùa cuối mưa

nói làm sao đây hỡ chương khi giọt rượu đã ngủ gục trên môi khi ánh sáng không còn là ánh sáng khi tiếng ca không còn là tiếng ca đêm đêm nhìn mặt micro nhổ ra từng mảng phổi

khi đó người con gái lùi vào khoảng tối ném nụ cười cùng mồ hôi xuống sàn gỗ Un gagneras ton pain à la tueur de ton front tiếng vỗ tay đi đẹt đừng ngó nữa nghe chương chúng ta chỉ còn lại chiếc lưỡi tê cứng này với con mươi cười mùa xin lỗi mưa cuối mười cươi múa mùa mưa muối cười xin lỗi xin lỗi

mưa cuối mùa mưa cuối mùa

đêm đó băng qua hẻm khuya dầm mưa về gian nhà tối anh chợt nghĩ nếu tình yêu không có trong cuộc đời này thì khốn nạn biết mấy đêm đêm anh sẽ chỉ còn là con hình nộm ngược xuôi từ căn nhà đến bục hát từ bục hát đến căn nhà anh thảng thốt mỗi cột đèn mỗi bức vách mỗi cánh cửa mỗi ổ khoá là một nguyền rủa không nguôi

vào một buổi trưa nắng rát rạn anh nằm một mình thoáng nghe giọng cười suối mát chảy ngoài cửa anh chợt nhớ bàn tay nào bối rối đôi mắt nào thơm ngoan những lời hập bé con những lời không dám nói những hơi thở không dám gần những bấn loạn không dám đưa anh biết rằng tuổi trẻ mình từ bao giờ thôi đã hết

chương ơi thôi đã hết

■

anh meaulnes

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

20

BAO trùm quanh bằng những thương tiếc và chết chóc như vậy, bà mợ tôi lại là hiện thân của sự kỳ dị và vui tính. Khi tôi khám phá ra công viên nhỏ của khu nhà bà mợ, tôi ngó qua cánh cửa hé mở cất tiếng gọi to, liền đó, qua ba căn phòng nối dài có tiếng bà mợ tôi từ trong cùng nói lên:

- Cái gì thế, hả Trời?

Bà đánh đổ bình cà phê trên bếp lửa — vào giờ đó sao bà lại pha cà phê nhỉ? — rồi hiện ra.. Ngả người về đằng sau, bà mang trên đầu một thứ, vừa là mũ thường vừa là mũ đội mưa, vừa là áo tơi, để lộ vừng trán rộng lớn nhăn nheo, trông có vẻ một bà người Mông Cổ và cộng với một bà giống Hottentote; bà cười từng tiếng ngắn, để lộ cả hàm răng rất xinh.

Trong khi tôi hôn bà, bà vội vã, vụng về, nắm lấy bàn tay tôi ở sau lưng. Với một vẻ bí mật hết sức vô ch vì chúng tôi chỉ có hai người, bà nhét trong tay tôi một đồng tiền nhỏ mà tôi không dám ngó xem, ý hẳn đồng một quan.. Rồi trong khi tôi làm bộ muốn hỏi tại sao hay cảm ơn bà, bà vỗ vai tôi, cười nói:

— Thôi đi! Tôi biết rồi!

Bao giờ bà cũng nghèo, bao giờ cũng đi vay và cũng vẫn tiêu sài. Bà nói bằng cái giọng khàn khàn, không một chút chua chát:

— Bao giờ bà cũng ngu quá, bao giờ cũng khổ!

Tin chắc rằng cũng như bà, tôi luôn luôn bận tâm vì tiền, bà không đợi tôi nói đã vội nhét trong tay tôi món tiền nhỏ để dành được trong ngay. Sau đó bao giờ bà cũng đón tiếp tôi như vậy cả.

Bữa tối cũng kỳ lạ — vừa buồn vừa kỳ lạ — như lúc đón tiếp ban đầu. Bao giờ bà cũng có một cây nến ở gần tay, lúc thì bà cầm lên để mặc cho tôi trong bóng tối, lúc thì bà lại đặt lên mặt chiếc bàn có bày đầy những đĩa và những cái hũ sứt hay vỡ. Bà nói:

— Cái này bọn người Phổ làm gãy mất quai hồi bảy mươi vì bọn chúng không lấy mang đi được.

Khi đó, trông thấy cái bình với một lịch sử bi đát như vậy tôi mới nhớ ra rằng xưa kia chúng tôi đã có ngủ lại và ăn bữa tối ở đây. Hồi đó cha tôi đưa tôi tới quận Yonne kiếm một nhà chuyên môn chữa cho tôi cái đầu gối. Tới đó phải đáp một chuyến xe lửa tốc hành đi qua đây lúc gần sáng... Tôi nhớ lại bữa ăn buồn nản hồi đó, cùng những câu chuyện mà ông lục sự già ngồi kể, hai khuỷu tay chống trên bàn trước chai rượu màu hồng.

Tôi cũng nhớ lại những vụ kinh hãi của tôi... Sau bữa ăn, ngồi trước lò sưởi, bà mợ tôi kéo cha tôi quay lại để kể một chuyện ma: «Tôi trở mình lại.. Chà! anh Louis đáng thương ơi, tôi trông thấy gì, tôi thấy một người đàn bà bé nhỏ màu sám.» Bà tôi vốn được tiếng là trong đầu đầy những chuyện nhảm ghê rợn.

Tối hôm đó, sau khi ăn bữa chiều mệt mỏi vì một ngày đạp xe, khi tôi nằm ở căn phòng lớn, bận chiếc áo ngủ có ô vuông của ông Moinel để lại, bà tôi tới ngồi ở đầu giường và bắt đầu kể bằng cái giọng bí mật và the thé nhất của bà:

— François đáng thương ơi, bà cần phải kể cho cháu nghe câu chuyện mà bà chưa hề kể ra với ai hết...

Tôi nghĩ:

— Chán cho mình quá, thế là mình sắp sửa bị thất kinh cả đêm, giống như mười năm trước!

Tôi lưu ý nghe. Bà lắc đầu, rồi ngó thẳng trước mặt như là kể câu chuyện cho chính bà nghe:

— Bữa đó bà đi dự một dạ hội về cùng với ông Moinel. Đó là đám cưới đầu tiên mà cả hai ông bà cùng đi từ ngày cậu Ernest đáng thương chết đi. Tại đó bà gặp lại bà chị Adèle mà đã bốn năm rồi bà chưa gặp lại. Một ông bạn già của ông Moinel, giàu có lớn, mời ông tới dự đám cưới cậu con trai ở ấp Les Shalonnières. Ông bà mướn một chiếc xe. Mướn như thế tốn tiền lắm. Vào khoảng bảy giờ sáng, giữa mùa đông giá rét, thì ông bà trở về. Mặt trời đã mọc. Tuyệt nhiên không có một ai trên đường. Thế nhưng bà chợt trông thấy cái gì ở trên đường ngay trước mặt? Một chàng trai nhỏ bé, một chàng trai đứng đó, tươi đẹp như mặt trời, đứng sững đó mà ngó xe của ông bà chạy tới. Càng lại gần ông bà càng thấy rõ gương mặt xinh, rất trắng, xinh đến nỗi phát sợ...

« Bà nắm lấy tay ông Moinel; bà run như tàu lá; bà tưởng đó là đức Chúa Trời;.. Bà nói với ông Moinel:

« — Mình coi kìa, có sự hiển hiện!

« Ông cau kỉnh đáp rất nhỏ:

« — Tôi trong thấy rồi, bà già lắm miệng quá..

« Ông chẳng biết xử sự ra sao, bỗng con ngựa đứng dừng lại... Nhìn kỹ thì thấy người đó khuôn mặt xanh lợt, vừng trán đổ mồ hôi, có đội chiếc mũ nồi bẩn và bận cái quần ống dai. Bà nghe thấy một tiếng nhỏ nhẹ nói:

« — Tôi không phải là đàn ông, tôi là một cô gái. Tôi bỏ trốn đi vì chịu không nổi nữa. Hai cụ làm ơn cho tôi đi nhờ xe.

« Lập tức ông bà mời cô ta lên xe. Vừa ngồi xuống thì cô ta ngất đi. Thế cháu có thể tưởng tượng được đó là ai không? Chính là vị hôn thê của cậu bé ở ấp Les Sablonnières, Frantz de Galais đó, nơi mà ông bà vừa tới dự tiệc cưới!

Tôi hỏi:

— Nhưng làm gì có đám cưới vì cô vợ chưa cưới đã bỏ trốn đi.

Bà tôi tiu nghỉu ngó tôi, đáp:

— Đúng là không có. Làm gì có đám cưới. Vì con bé điên đó cứ nhồi nhét mãi vào trong đầu bao nhiêu là tưởng rồ dại nó kể lại hết cho bà nghe. Nó là con gái một người thợ dệt nghèo. Nó tin chắc rằng bấy nhiêu hạnh phúc không thể có được; rằng cậu bé kia so với nó còn trẻ quá; rằng bao nhiêu những sự kỳ lạ quá mà anh chàng mô tả cho nó nghe đều là tưởng tượng hết, cho nên khi Frantz tới đón nó, nó đâm ra hoảng sợ. Cậu ta cùng với nó và cô chị gái đi dạo

chơi trong công viên tòa Tổng Giám Mục ở Bourges, mặc dầu trời giá lạnh. Cậu ta, chắc chắn vì lịch sự và bởi cậu ta yêu cô em, nên hết sức lo săn sóc cô chị. Thế là con bé điên tưởng tượng ra được bao nhiêu chuyện : nó tạ sự về nhà lấy cái khăn quàng, rồi từ nhà nó đi bộ bỏ trốn lên Paris, lấy bận quần áo con trai cho khỏi ai theo bắt lại được.

« Người vị hôn phu của nó nhận được một bức thư trong đó nó tuyên bố rằng đi kiếm chàng trai mà nó thật sự yêu. Điều đó không đúng...

Nó nói với bà : Cháu hi sinh như thế thấy sung sướng hơn là làm vợ cậu ta. Còn thằng bé ngu ngốc đó thì, trong khi chờ đợi nó đâu có ý định lấy cô chị, nó tự bắn một phát súng vào đầu, người ta có thấy máu của nó vương trong rừng, nhưng không sao kiếm được xác nó.

— Thế còn cô bé đáng tội nghiệp đó thì bà xử đối ra làm sao ?

— Trước hết ông bà cho nó uống một hớp rượu mạnh. Rồi cho nó ăn uống, về tới nhà thì nó ngủ ở bên lò sưởi. Nó ở lại đây với ông bà gần hết mùa đông. Những hôm trời lạnh suốt ngày nó may cắt, may áo dài, sửa lại mũ, cọ rửa nhà một cách hăng hái lắm. Chính nó đã dán lại hết những tấm rèm cháu thấy ở tường kia. Từ ngày nó tới đây chim én phải dời ra ngoài làm tổ hết. Nhưng, mỗi tối, sau khi công việc hết, bao giờ nó cũng kiếm cớ để ra sân, ra vườn, hay ra đứng trước cửa, kể cả những ngày mà trời lạnh đến đá cũng phải nứt nẻ ra. Người ta thấy nó cứ đứng đó mà khóc sướt mướt.

« — Thế nào, con có chuyện gì thế ?

« — Thưa cụ Moinel, không ạ.

« Rồi nó đi vào.

« Hàng xóm bảo :

« — Cụ Moinel ơi, cụ kiếm đâu được một con bé ở xinh thế ?

« Mặc dầu bà đã nài nỉ mãi, tới tháng ba nó nhất định đòi đi Paris, bà cho nó những chiếc áo dài nó mới may cắt lại, Moinel lấy giấy xe lửa cho nó, rồi còn cho thêm ít tiền.

« Nó không quên ông bà đâu ; nó đi làm thợ may ở gần nhà thờ Đức Bà; nó có viết thư hỏi thăm ông bà về tin tức ở ấp Les Sablonnières. Có một lần, để cho nó khỏi vương vấn về chuyện đó mãi, bà có viết thư trả lời nó rằng ấp đó đã đem bán đi, nhà cửa dỡ sạch, cậu con trai thì mất tích và cô con gái đã đi lấy chồng. Bà cho rằng những chuyện đó đều đúng cả. Từ ngày đó con bé Valentine cũng thưa viết thư cho bà . . .

Đó không phải là một câu chuyện ma mà bà Moinel vẫn có cái giọng the thé để kể rất hợp. Nhưng tôi thật là thấy khó chịu quá ! Vì chúng tôi đã thề với Frantz sẽ giúp đỡ hắn như anh em ruột và nay cơ hội giúp đỡ đang đến với tôi .

Nhưng, đâu phải lúc làm hư mất nỗi vui mà sáng mai tôi sẽ đem tới cho anh Meaulnes nếu đem nói lại với anh câu chuyện tôi vừa nghe được. Tội vạ gì mà đẩy anh vào một công việc ngàn lần không thực hiện nổi ? Nay ta đã có sẵn địa chỉ của cô gái ; nhưng tìm đâu cho ra anh chàng bô-hé-miêng đang lưu lạc tứ xứ .... Tôi nghĩ cứ mặc bọn điên đi với bọn điên. Delouche với Boujardon nói không sai Anh chàng lãng mạn Frantz đã gây bao nhiêu tai hại cho chúng tôi rồi ! Tôi nhất định không hở ra một chút gì trước khi chứng kiến cuộc hôn nhân của Augustin. Meaulnes và Yvonne de Galais

Đã nhất định như vậy, tôi chỉ còn lại cảm giác khó chịu của cái điềm không hay, nhưng tôi vội xua đuổi cảm giác đó.

Ngọn nến cháy gần lụi ; một con muỗi bay vo ve ; nhưng bà mợ Moinel, đầu cúi xuống vẫn mang chiếc mũ bằng nhung không bao giờ bà bỏ ra khi đi ngủ, hai khuỷu tay chống vào đầu gối, bà tiếp tục kể lại câu chuyện . . Đôi lúc, bà chợt ngẩng đầu lên ngó tôi để hỏi ý tôi, hoặc giả bà muốn nhìn xem tôi đã thiếp ngủ đi chưa. Sau hết, ngả đầu trên gối, tôi giả đò nhắm mắt lại ngủ.

Bà nói giọng khàn khàn, thất vọng :

— Ồ cháu ngủ rồi ư ?

Tôi thấy tội nghiệp bà nên cãi :

— Không đâu, bà ạ, cháu nói thật với là không ngủ đâu...

Bà đáp :

— Ngủ chứ. Bà cũng hiểu là những chuyện đó cháu đâu có quan tâm tới. Bà kể cho cháu nghe chuyện những người cháu đâu có quen biết . .

Tôi hèn nhát lần này cố giữ không đáp lời bà nữa.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Sáng hôm sau khi tôi tới phố chính, đúng là một ngày hè đẹp trời hết sức êm tịnh. Bao trùm trên cả khu làng có những tiếng động êm ái, quen thuộc, khiến cho tôi tìm lại được trọn vẹn sự vững tâm vui vẻ của một người đem tin mừng tới...

Augustin với bà mẹ ở tại ngôi nhà xưa kia dùng làm trường sở. Khi ông bố, về hưu trí đã lâu và trở nên giàu có nhờ một món hương hỏa, chết đi Meaulnes ngỏ ý muốn mua lại ngôi trường sở nơi mà ông giáo già đã dạy học trong hai chục năm trời và cũng là nơi anh bắt đầu học đọc. Không phải vì ngôi nhà bề ngoài có vẻ dễ thương : đó là một ngôi nhà hình vuông hệt như một tòa thị sảnh vì thực ra hồi trước thị sảnh đóng tại đó ; các cửa sổ mở ra đường ở từng sát đất đều rất cao không ai có thể ngó qua được ; sân ở phía sau không có lấy một bóng cây lại thêm một cái sân chơi có mái cao bít kín không ngó thấy ngoài làng, thật là một cái sân trường bỏ hoang khô khan và lạnh lẽo tôi chưa từng bao giờ trông thấy...

Trong hành lang quanh cọ thông với bốn cửa phòng, tôi gặp bà mẹ anh Meaulnes đem từ ngoài vườn vào một bó lớn đồ giặt chắc bà đã phải đem ra phơi ngay từ giờ đầu tiên của buổi sáng nghỉ hè dài dặc nầy. Mái tóc xám của bà bị rối một phần, có những lọn tóc rơi xuống mặt; gương mặt đều đặn bên dưới mái tóc chải kiểu xưa xem như sưng húp và mệt mỏi như vừa qua một đêm mất ngủ. Bà cụ buồn bã cúi mặt xuống, ra chiều suy nghĩ.

Nhưng chợt trong thấy tôi, bà nhận ra tôi và mỉm cười :

— Cậu đến vừa đúng lúc. Này cậu xem tôi lấy vào những quần áo đem phơi để sửa soạn cho Augustin ra đi. Cả đêm hôm qua tôi ngồi tính toán tiền nong và sắp đặt hành lý cho cậu ấy, Xe lửa chạy lúc năm giờ, nhưng cũng đã thu xếp xong...

■ Còn nữa

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MÀU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

Nhân vật :

JOHNNY

BEN ALEXANDER, thi sĩ, cha của Johnny

BÀ NỘI CỦA JOHNNY

JASPER MAC GREGOR, ông lão với trái tim trên cao nguyên

ÔNG KOSAK, chủ hiệu tạp hóa

ESTHER, con gái xinh đẹp của ông Kosak

RUFE APLEY, thợ mộc

PHILIP CARMICHAEL, chàng thanh niên nhân viên ở Viện dưỡng lão

HENRY, thằng bé bán báo buổi sáng

ÔNG WILEY, người đưa thư

ÔNG CUNNINGHAM, nhân viên bất động sản

CẶP VỢ CHỒNG TRẺ VÀ ĐỨA CON MỚI SINH

NHỮNG NGƯỜI BẠN VÀ NHỮNG LÁNG GIỀNG TỐT

MỘT CON CHÓ

Không gian :

Một căn nhà trên đại lộ San Benito ở Fresno, California, hiệu tạp hóa của ông Kosak.

THỜI GIAN :

Vào tháng tám và tháng chín năm 1914

●

Một ngôi nhà gỗ sơn trắng cũ kỹ đổ nát, cổng trước nằm sát Đại lộ San Benito ở Fresno, California. Ngôi nhà nằm trơ trọi ở giữa một khoảng đất trống và bầu trời màu đỏ Vào lúc xế chiều một ngày tháng tám năm 1914. Mặt trời đang lặn dần.

Johnny, khoảng chín tuổi nhưng khá già dặn, khỏe mạnh lanh lợi, đang ngồi trên bực cấp trước cửa, đầm hồn suy tư về vũ trụ và về trật tự cao siêu mầu nhiệm. Xa xa tiếng còi xe lửa gào thét đau thương. Nó lắng nghe một cách khao khát, đầu ngoẹo về một bên, cố hiểu ý nghĩa của tiếng thét và đồng thời cố khám phá ra mọi bí ẩn. Nó chưa kịp thực hiện ý muốn đó thì tiếng còi đã ngừng thét và nó cũng ngừng khát vọng Một cậu bé độ 14 tuổi đeo một túi báo vừa đạp xe đạp vừa ăn một cái bánh chóp đựng kem, lặng lẽ ngang qua đường, không để ý gì đến sức nặng của mớ báo đè trên vai và quên cả cái yên xe mà nó đang ngồi vì sự thú vị tuyệt diệu của món kem trên trần đời. Johnny nhảy cỡn lên vừa ngoắc thằng bé bán báo vừa mỉm cười tỏ vẻ rất thân hữu, nhưng thằng bán báo không hay biết cứ đi thẳng Nó ngồi xuống lắng nghe một con chim nhỏ líu lo Sau khi líu lo những lời vô nghĩa chú chim cất cánh bay đi.

Từ trong nhà vọng ra tiếng ngâm thơ trầm buồn của ông bố cậu Johnny, ông đang làm thơ.

Cha của Johnny : Ngày dài lặng lẽ lướt qua tim buồn u uẩn, và... *(bực tức ngừng lại)* Và . *(thật nhanh)* Ngày dài lặng lẽ lướt qua tim buồn u uẩn, và .. *(ngắt)* Không *(ông bất mãn gầm lên rồi lại bắt đầu)* Tàn tật và khóc than, thời gian ập qua trái tim cô đơn trơ trọi.

Một cái bàn hay một cái ghế bị xô mạnh một cách giận dữ. Tiếng rền rĩ. Rồi yên lặng. Cậu bé lắng nghe.

Nó đứng dậy chống hai tay chúc đầu xuống đất cất cẳng lên trời, mất thăng bằng ngã xuống, nó cố làm lại thất bại, nó cố làm lại nữa, cuối cùng thành công Trong khi đang trồng chuối như vậy nó nghe một điệu nhạc du dương tuyệt vời nhất trần gian, một bản độc tấu bằng kèn đồng Bản nhạc nhan đề « Tim ta trên cao nguyên » Người thổi kèn là một ông lão già rụm, ông ta chăm chút bản độc tấu ngay trước nhà cậu bé. Cậu bé chăm chăm nhìn ông đứng lên chạy về phía ông lão, vừa ngây ngất vừa sung sướng vừa hồi hộp

Johnny : Cháu rất khao khát được nghe ông thổi một bản nữa.

Mac Gregor : Cậu bé ơi, cậu có thể kiếm một ly nước cho một ông lão mà trái tim không ở đây nhưng ở tận trên cao nguyên không ?

Johnny : Cao nguyên nào vậy ông?

Ông Mac Gregor : Cao nguyên Tô Cách Lan. Cậu có thể làm điều đó không?

Johnny : Tim ông làm gì trên Cao nguyên Tô cách Lan ?

Ông Mac Gregor : Tim ta sầu thảm ở đó cháu ạ Cháu có thể kiếm cho lão một ly nước lạnh không ?

Johnny : Mẹ ông ở đâu ?

Ông Mac Gregor *(dò xét cậu bé)* : Mẹ ta ở Tulsa, Oklahoma, nhưng tim của bà không ở đó.

Johnny : Vậy chứ tim bà ở đâu ?

Ông Mac Gregor : *(cao giọng)* Ở Cao nguyên Tô cách Lan, *(dịu giọng lại)*. Cậu bé ơi, lão khát nước quá

Johnny : Tại làm sao mà những người trong gia đình ông đều để tim mình trên Cao nguyên cả vậy ?

Ông Mac Gregor *(theo giọng Shakespeare)* : Chúng tôi muốn như vậy. Vì đời người như kiếp phù du cậu bé ạ.

Johnny *(lẩm bẩm)* : Đời người như kiếp phù du?

(Hỏi ông Mac) Ông muốn nói gì thế ?

Ông Mac Gregor *(triết lý)* : nghĩa là «phút nầy thấy còn sống đó, phút sau đã chết rồi ».

Johnny : Vậy mẹ của mẹ ông ở đâu ?

Ông Mac Gregor : *(dò xét, nhưng tức giận)* Bà ấy ở Tân Vermont, trong một thành phố nhỏ gọi là White River, nhưng tim bà cũng không ở đó.

Johnny : Trái tim già nua khô héo cũng ở trên Cao nguyên nữa chăng ?

Ông Mac Gregor : Ở ngay chính giữa vùng Cao nguyên. Cậu bé ơi, lão sắp chết rồi đây.

Cha của Johnny từ trong nhà chạy ra, vẻ giận dữ, như một con hổ vừa thức giấc sau một cơn ác mộng phá chuồng thoát ra, gầm lên với cậu con)

Cha của Johnny : Johnny, mầy có để cho ông cụ đó yên không ! Đi lấy ngay một bình nước lại đây trước khi ông ta gục chết vì khát. Tại sao mầy có thể khốn nạn đến thế ?

Johnny : Một người bạn không thể tìm hiểu vài điều ở một lữ hành trong giây lát sao ba ?

Cha của Johnny : Đừng lải nhải với vẩn. Đi lấy ngay cho ông lão một bình nước. Đứng có đứng đực ra đó nữa Tao bảo mầy hãy đi kiếm nước cho ông lão uống trước khi ông ta gục xỉu nghe chưa ?

Johnny : Vậy ba đi lấy nước cho ông ấy uống cũng được chứ. Ba có làm gì đâu !

Cha của Johnny : Tao không làm gì à ? Thật vậy hả Johnny ? Mầy không biết tao có một bài thơ đang thành hình trong đầu sao ?

Johnny : Sao ba cho rằng con có thể biết được điều đó ? Con chỉ thấy ba đang đứng đó, ngay trước cửa nhà, tay áo xăn lên.

Cha của Johnny *(giận dữ)* Ừ mầy phải biết *(ông gầm lên)* mầy là con trai tao *(ngạc nhiên)* nếu mầy không biết thì ai biết chứ ?

Ông Mac Gregor *(vui vẻ)* Chào ông Con trai ông có nói với tôi về thời tiết ở miền nầy trong sáng mát mẻ lắm.

Johnny *(bối rối nhưng cố hiểu ý ông lão. Nó tự nói khẽ)* Trời đất ! Mình có nói gì về thời tiết bao giờ đâu ! Ông ta mơ chuyện ấy ở đâu ra vậy không biết

Cha của Johnny *(quí phái hào hoa)* Xin chào ông! Ông có thể vào trong nhà nghỉ chân một lát không ? Chúng tôi rất hân hạnh được mời ông dùng một bữa ăn đơn sơ với chúng tôi.

Ông Mac Gregor *(thực tế)*.Thưa ông tôi đang đói meo Tôi sẽ vào ngay *(ông ta bước vào nhà. Johnny cũng đi vào ngược mặt lên nhìn ông già)*

Johnny *(lãng mạn)* Ông có thể thổi bản «Hãy cho anh uống bằng mắt em » không ? Cháu thích nghe ông thổi bản đó bằng kèn. Bài ca đó là bài cháu khoái nhất Cháu tin rằng cháu khoái bản đó hơn bất cứ ca khúc nào trên thế giới.

Ông Mac Gregor *(phá tan ảo tưởng)* Cháu ơi, khi cháu đến tuổi lão, cháu sẽ thấy rằng âm nhạc không quan trọng bằng thức ăn cháu ạ

Johnny *(tin tưởng)* Dù sao cháu vẫn muốn nghe ông thổi bản đó.

Ông Mac Gregor bước lên bậc tam cấp bắt tay cha của Johnny.

Ông Mac Gregor *(trang trọng)* : Tên tôi là Jasper Mac Gregor. Tôi là một kịch sĩ.

Cha của Johnny : *(vui mừng)* Tôi rất sung sướng được làm quen với ông *(Ra lệnh với cậu con một*

TRÁI TIM TRÊN CAO NGUYÊN

nguyên tác William Saroyan – bản dịch Đinh hoàng Sa

cách trịnh trọng) **Johnny** đi lấy cho ông Mac Gregor một bình nước. (*Johnny chạy vòng ra sau nhà*).

Ông Mac Gregor (*khát muốn xỉu, thở dài nhưng vẫn nói sự thật*). Cậu bé ngoan quá.

Cha của Johnny (*nói một cách tự nhiên*). Cũng như tôi, nó là một thiên tài.

Ông Mac Gregor (*giọng rền rền vì mệt nhọc*). Tôi chắc rằng ông khoái cậu con lắm ?

Cha của Johnny (*sung sướng vì còn sống*), chúng tôi là một — nó là trái tim thời niên thiếu của tôi — Ông có chú ý đến năng khiếu của nó không ?

Ông Mac Gregor : Vâng, tôi có nhận thấy.

Cha của Johnny (*kiêu hãnh và hằn học*). Tôi cũng như nó ; Tuy già hơn, thông sáng hơn.

Johnny chạy trở lại với một bình nước trao cho ông già. Ông ta ngả người, ngửa mặt, hai lỗ mũi phồng lên, hít hơi vào, mắt mở to, nâng bình nước lên môi uống một hơi cho đến hết, trong khi hai cha con Johnny ngắm ông một cách ngạc nhiên và thán phục. Ông già thở ra một hơi dài khoan khoái, nhìn quang cảnh xung quanh và nhìn lên trời, rồi nhìn mút đại lộ San Benito, nơi mặt trời lặn xuống.

Ông Mac Gregor (*tự lự, buồn bã, mệt nhọc nói khẽ*). Tính ra tôi đã đi năm ngàn dặm kể từ nhà đến đây. Ông xem liệu chúng ta có thể ăn một ít bánh và phó mát để hồn khỏi lìa khỏi xác đi chăng ?

Cha của Johnny (*giọng điệu Napoléon*) Johnny, chạy đến hiệu tạp hóa lấy một ổ bánh mì và một cân phó mát mau lên !

Johnny (*giọng thiều não*). Ba cho tiền mua.

Cha của Johnny (*kể lể, giọng như đọc thơ với vẻ kiêu hãnh*. Con cũng biết là ba không có một xu dính túi chứ Johnny. Con hãy nói với ông Kosak cho chúng ta mắc nợ.

Johnny : (*miễn cưỡng đối với nhiệm vụ đó*). Ông ấy không chịu đâu. Ông ta ngán cho chúng ta mắc nợ nữa rồi. Ông bảo chúng ta không làm việc gì cả và không bao giờ thanh toán nợ cho ông ta. Chúng ta nợ bốn mươi xu rồi đó.

Cha của Johnny : (*tức bực, nổi giận*). Hãy tới đằng đó mà lý luận với ông ấy. Mầy nên nhớ rằng đó là công việc của mầy.

Johnny : (*vẫn bảo vệ lý lẽ của mình*). Ông ấy không thèm nghe lý luận gì lôi thôi nữa đâu. Ông ta chỉ muốn một điều là phải trả bốn mươi xu cho ông ta thôi.

Cha của Johnny : (*giọng Napoléon*) Hãy đến đó làm cách nào để ông ta đưa cho mầy một ổ bánh và một cân phó mát nghe chưa ! (*Ông bèn đổi giọng dịu dàng, nài nỉ và nịnh khéo*) Johnny à, con có thể làm được việc đó mà.

Ông Mac Gregor, (*nói nóng vì đói*) Cháu ơi, tới nói với ông Kosak đưa cho cháu một ổ bánh và một cân phó mát đi cháu. Ngoan lên nào !

Cha của Johnny : Mau lên Johnny. Con chưa bao giờ thất bại trong việc nầy mà. Chưa bao giờ con trở về mà không mua chịu được một thức nầy hay thức khác để ăn kia mà ! Nhất định rằng mười phút sau con sẽ trở về đây với thức ăn đủ thết một Hoàng đế (*theo lối khôi hài riêng của ông*). Hay ít ra cũng đủ thết một vị Bá tước nào.

Johnny : Con đâu biết ! Ông Kosak nói rằng chúng ta cứ xin lỗi xin phải hẹn rày hẹn mai hoài Ông ta muốn biết ba làm việc gì

Cha của Johnny : (*giận dữ*) Được rồi. Cứ tới nói cho ông ta biết (*giọng anh hùng*) Tao không có gì phải dấu diếm cả. Mầy cứ nói toạc ra rằng tao làm thơ suốt ngày đêm nghe chưa !

Johnny (*cuối cùng đành nghe lời*). Dạ được, nhưng con không chắc ông ta chịu thông cảm đâu. Ông ta nói ba chẳng bao giờ chịu đi tìm việc làm cả Ông ta còn thêm rằng ba biếng nhác, không tốt chút nào

Cha của Johnny (*gầm lên*). Mầy hãy tới nói với ông ta rằng ông ta khùng quá rồi nghe chưa ! Mầy hãy tới nói cho lão hay rằng cha mầy là một trong những đại thi hào còn sống mà chưa nổi tiếng đó thôi chứ không phải thứ tầm thường đâu.

Johnny : Ông ta không thèm để ý đâu ba ơi, nhưng con sẽ đi ngay. Con sẽ hết sức cố gắng xem Chúng ta còn chút gì ở nhà không ba ?

Cha của Johnny (*chua chát gầm lên*). Chỉ có bắp rang (*với ông Mac Gregor*). Chúng ta đã phải ăn bắp rang liên tiếp bốn ngày nay rồi. Johnny, con cố kiếm cho được bánh mì với phó mát về đây nếu con muốn ba hoàn tất bài thơ dài đó.

Johnny : Con sẽ hết sức cố gắng.

Ông Mac Gregor : Đừng để lâu quá nghe Johnny. Ta đã đi năm ngàn dặm tới đây.

Johnny : Cháu sẽ chạy riết một mạch ông Mac Gregor ạ.

Cha của Johnny (*vui vẻ khôi hài*). Nếu con lượm được ít tiền nào trên đường đi nên nhớ rằng chúng ta sẽ chia đều.

Johnny (*thích thú câu khôi hài của bố*). Được rồi ba ạ, (*Johnny chạy ra đường*).

Bên trong cửa hiệu của ông Kosak. Khi Johnny chạy vào ông Kosak đang ngồi trong ghế xếp có chỗ tì tay. Ông ngẩng đầu lên Ông có vẻ đứng đắn hiền lành với bộ râu mép rậm màu hung hung kiểu cổ điển. Ông lắc đầu tỉnh táo.

Johnny (*đóng vai nhà ngoại giao*) Ông Kosak ơi, nếu ông đến Trung hoa và ông không có một người bạn nào cũng không có tiền, ông có ước ao được một người nào ở đó biếu ông một cân gạo để ăn không ?

Ông Kosak : Mầy muốn nói gì vậy ?

Johnny : Cháu chỉ muốn nói chuyện chơi một chút thôi. Lúc đó ông có mong một người nào thuộc bộ lạc Argan đến giúp đỡ ông đôi chút không ?

Ông Kosak : Mầy có bao nhiêu tiền đó ?

● xem tiếp trang 16

ngày thứ 8 trong tuần lễ • ngày

■ tiếp theo trang 15

Ở nhà, cha nàng vẫn còn đứng bên cửa sổ như hồi sáng. Grzegorz đang còn thiếp ngủ trong nhà bếp. Agnieszka cởi áo mưa ra và ngồi trên trường kỷ. Mẹ nàng nằm đó, cặp mắt nhắm nghiền.

« Hết đi câu, » người cha nói. « Làm sao tao có thể đi ra được với trời mưa như thế này ? Chúa tôi ơi ! Tao mượn ông Lipinski năm mươi lotys để mua đồ câu, bây giờ không được gì hết. »

Đột nhiên cô gái thấy mặt cha thật sát mặt mình, gương mặt cau lại vì tức giận. Nàng quay mạnh lại, vì hình như ông muốn chụp lấy cổ họng của nàng.

« Không có mày », ông gằn giọng « Không có cái thằng say nằm trong bếp, tao đã sống đàng hoàng ra người rồi. Hôm nay đây, ngày chủ nhật, tao đã có thể đi bắt điếm hay say sưa được rồi. Một ngày trời mưa là cả cuộc đời con người bị hủy hoại. Tao phải ở nhà nuôi bệnh má mày. Tao không đi câu được và mai lại phải chen chân trên xe buýt ».

Ông chợt nhảy lên giường mà nàng đang nằm. Ông hét lên :

— Đi ra khỏi giường, đồ quỷ. Dậy đi, chết đi, hay sao đó thì sao, nhưng hãy để khác tình cảnh này, dù sao thì hãy cho thay đổi một chút, hãy cho thay đổi...

Agnieszka lại lang thang ngoài đường phố. Một người con trai cũng vào khoảng mười mấy tuổi như nàng hỏi : « Cô có cần dùng dù của tôi không ?» Mây đen xuống thấp, nằm ngay trên mái nhà ■

Đón đọc trong một kỳ tới :

nhìn rõ mặt thơ

biên khảo mới lạ nhất

của NGUYÊN SA

VÌ SAO

người P.N.V.N. mau già?

Vì sao người Phụ nữ Tây phương 40 tuổi mà vẫn trẻ đẹp như người Phụ nữ Việt-Nam tuổi chưa đầy 30 ?

Vì Tây phương là xứ lạnh, còn Việt-Nam là xứ nóng; nắng hạ thiêu đốt làm cho làn da khô khan, cằn cỗi ; người phụ nữ V.N. do đó mau già.

Trong những năm gần đây ở V.N. đã sản xuất được thứ kem nuôi da gồm nhiều chất thuốc mát, có khả năng tiếp nước và bồi bổ sinh lực cho làn da luôn luôn mát mẻ tươi mịn, hồng hào — đó là **CRÈME THORAKAO**.

Với tính chất mát này, **CRÈME THORAKAO** còn ngừa và trị được những chứng tàn nhang vết nám, mụn, sần, quầng đỏ, nhăn, nhòn v.v. do khí hậu tạo nên.

Cũng với tính chất mát này **CRÈME THORAKAO** có khả năng chống nắng làm da khỏi bị đen nám.

Nhà sản xuất **CRÈME THORAKAO** lại còn có sáng kiến chế cho kem này có phấn để khi dùng, vừa nuôi dưỡng vừa điều trị lại vừa trang điểm đẹp đẽ giản dị ... rất thích hợp cho mọi người phụ nữ Việt Nam.

Kem này có bán ở nhà thuốc tây và tiệm hóa phẩm từ thành thị đến thôn quê nên rất tiện dụng cho người P.N Việt Nam

Anh Văn dễ học
dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LẸ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM.

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác**. Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

TRUYỆN DÀI

doãn quốc sỹ

PHẦN I

Đất Biên giới

20

doãn quốc sỹ

THUẬN thấy anh Cả mở tủ lấy ra chiếc Cravate thắt Thuận buột miệng hỏi :

— Có khi phải thích ứng hàng mấy chục năm mới lành bệnh !

Anh Cả biết Thuận liên tưởng đến hoàn cảnh đất nước và những mâu thuẫn dày vò, đáp :

— Chứ sao ! Nhưng không phải vì bệnh tật đã lành mà khi nghĩ lại mình và những người thân của mình không thấy ớn xương xống, sự đau đớn và sự lành bệnh chỉ là hai bề mặt của một sự thật. Cậu hãy vươn lên thật cao, thật cao mà nhìn xuống, trái đất không còn là những chi tiết núi cao, biển rộng, thung lũng sâu nữa, mà là một hình tròn thiệt tròn, sáng thiệt sáng...

Thuận biết câu nói của anh Cả chẳng phải là ngụy tín. «Cậu hãy vươn lên thật cao mà nhìn xuống... tròn thiệt tròn, sáng thiệt sáng ». Thuận ôn thầm trong trí.

Anh Cả hỏi :

— Đi xem hòa nhạc với tôi không ?

— Ở đâu thế anh ?

— Ở Âm nhạc viện quốc gia Tôi có hai cái mời, nhà tôi thì bận trẻ không đi được, còn thằng cha Hội mà giờ này y không về thì 12 giờ y mới về.

— Vâng tôi đi với anh ! Chắc là các mời nhà báo ?

— Không, đây là các mời người nhà. Con cháu gái tôi mười sáu tuổi đậu thủ khoa về dương cầm thi tài với một cậu hai mươi tuổi vừa mới theo học thêm ba năm vĩ cầm tại trường Cao Đẳng Âm Nhạc Hamburg, Đức về. Sáng nay tôi có tới gặp hai đứa lúc chúng tập dượt, nhưng mà nghe lúc tập dượt dù là nghe Pablo Cassal tập dượt đâu có thú bằng ngồi ở thính phòng với hàng trăm thính giả khác cùng chia sẻ bầu không khí hồi hộp, lắng nghe...

Thuận đã thấy vui, cười nói với anh Cả :

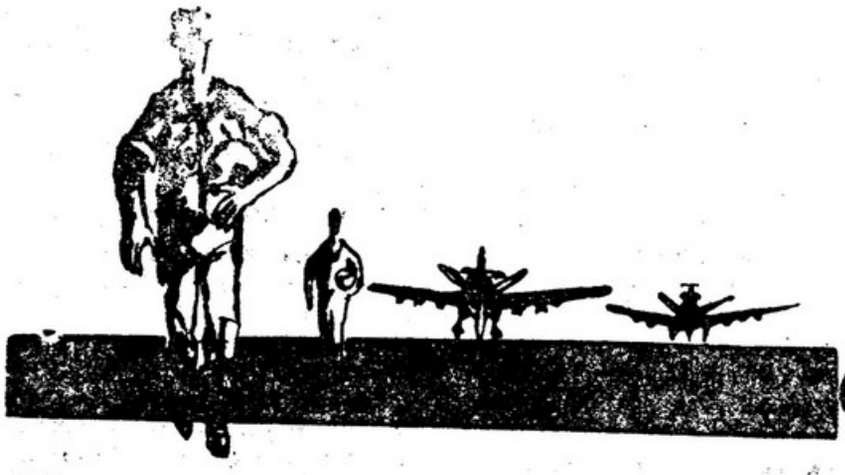

cúi đầu

doãn quốc sỹ

— Ồ thì ra đua tài đây là hòa hợp, cậu chàng vĩ cầm, cô nàng dương cầm !

— Cuộc đua tài nào mà chẳng là cuộc hòa hợp, chỉ những kẻ ngu xuẩn mới cho rằng đua tài là giành lấy độc quyền,

Cậu còn nhớ lại thế vận hội Tokyo, hai phái đoàn lực sĩ Đông Đức và Tây Đức hòa nhập làm một để đua tài với thiên hạ và mỗi lần đoạt giải quán quân nào, cờ Đức kéo lên, ban nhạc Thế Vận Hội cử Hymne à la joie của Beethoven. Có lẽ nước Đức là nước duy nhất của Tây phương đã nghiên cứu nhiều về triết lý Đông phương lại vừa trải qua một thời phát xít nên chợt cảm thông được ý thức khoan dung của Đông phương, trong khi những cặn bã Đông phương trở thành những phần tử cuồng tín khốc liệt, kể cùng ngược đời.

Anh Cả đã ăn bận chỉnh tề xong, cả hai ra đường vẫy tắc xi. Tới Âm nhạc viện quốc gia Thuận và anh Cả ngồi bên một nhạc sĩ đã đứng tuổi từng đã du học ở Pháp. Nhạc sĩ kể lại có lần qua thăm trường Cao Đẳng Âm Nhạc Stuttgart miền Nam nước Đức. Nơi đây mỗi khi có cuộc hòa nhạc họ ghi ở chương trình là « *màn mở đúng chín giờ một phút hay màn mở đúng chín giờ kém một phút* » và họ làm đúng như vậy, nếu nếu chẳng may xe minh kẹt đường thày rằng không thể đến đúng giờ thì đành rẽ lối mà làm việc khác. Nhạc sĩ chỉ những bang ghế đằng sau dàn số nhạm nhỏ, chỉ lên khoảng cao sân khấu còn những vệt giày khấu hiệu cũng nhạm nhỏ không kém và một khoảng góc tường có mạng nhện rồi lắc đầu tỏ vẻ không hài lòng về sự cẩu thả của nước mình. Thuận thấy anh Cả nhắc lại với nhạc sĩ là thời Pháp thuộc xưa có bao giờ họ tổ chức âm nhạc viện cho mình học, ngay như trường Cao Đẳng Mỹ Thuật mà rồi họ cũng cho xẹp luôn, vậy thì so sánh xưa với nay chúng ta cũng đã tiến nhiều lắm. Nói về kỷ luật, anh Cả nhắc lại chuyện ngày lật đổ anh em nhà Ngô ngày mùng một tháng 11 năm nào, dân chúng ùn ùn xuống đường mà rất kỷ luật trật tự, tắc xi, xích lô máy đi lại dễ dàng, không một tai nạn lưu thông xảy ra, rồi những cảnh cảm động khiến mình không sao quên được và bắt mình phải suy ngẫm mãi như cảnh những cụ già mang đồ ăn thức uống cho chiến sĩ, cảnh chú nhỏ con nhà nghèo nào đó mặc áo vá vai đứng chơi với các anh chiến sĩ hay trèo lên chiếc xe tăng dưới cái nhìn hiền từ của anh v.v..

Ánh đèn tắc dần, tấm màn hồng kéo sang hai bên, hai nhạc sĩ trẻ măng bước ra, một trai một gái cúi chào giữa tiếng vỗ tay nồng nhiệt của đám khán giả quốc tế Việt Mỹ Đức Pháp.

Hai nhạc sĩ trẻ tuổi đã tuần tự trình diễn những bản étude, sonate, concerto cổ điển với một vẻ đầy tự tin, với một nghệ thuật uyển chuyển và nhuần nhã. Thuận thấy họ quả là hai viên ngọc đã được rửa sạch và sáng ngời. Thuận thấy kiêu kiêu về họ và tin tưởng vào tương lai như lời anh Cả

Lẽ cố nhiên khi bản nhạc cuối cùng có ghi trong chương trình vừa dứt thì đám khán giả cứ ngồi lì tại chỗ và vỗ tay liên hồi đòi nghe thêm một bản nữa. Bản nhạc thêm đó là bản mà Thuận vốn rất thích : bản Invitation à la valse. Tiếng dương cầm thoạt trầm trầm vừa êm ả vừa thiết tha, lời của tình yêu chào đón rồi tiếng nhạc trở nên tưng bừng chơi lọi ở quãng giữa ; sau cùng nhạc đề chính trở lại ngậm ngùi man mác làm sao trong không khí chia li của đôi trẻ. Nơi đây âm nhạc quả đã là tiếng nói đại đồng.

■ còn nữa

trái tim trên cao nguyên

■ tiếp theo trang 23

Johnny : Đây không phải là vấn đề tiền, ông ạ. Cháu đang nói rằng giả thiết như ở bên Trung quốc.

Ông Kosak : Tao không cần biết gì lôi thôi cả.

Johnny : Nếu gặp trường hợp đó ở bên Trung quốc thì ông sẽ nghĩ thế nào ?

Ông Kosak : Tao không biết nữa. Này Johnny, chứ tao làm gì bên Tàu mà mầy hỏi lạ vậy ?

Johnny : À, ông có thể đi du lịch bên đó chẳng hạn. Ông có thể bị đói sau khi đã phải đi năm ngàn dặm đường trường và không có bạn bè nào giúp đỡ cả. Ông có muốn mọi người đều xua đuổi ông không cho ông chút gạo bánh gì cả không hả ông Kosak ?

Ông Kosak : Tao tưởng rằng không, nhưng mầy đâu phải đang ở tại Trung quốc hả Johnny, cả ba mầy cũng vậy. Mầy hoặc ba mầy phải đi tìm việc làm một vài lần trong đời chứ, bây giờ bắt đầu cũng chưa muộn. Tao sẽ không cho mầy mua chịu nữa đâu vì tao biết có bao giờ mầy trả đâu !

Johnny : Ông Kosak ơi, ông hiểu lầm cháu rồi. Năm này là năm 1914 chứ đâu phải là năm 1913 nữa. Cháu đâu có nói gì về chuyện thực phẩm. Cháu đang nói rằng nếu hiện giờ xung quanh ông toàn là những người Tàu độc ác và ông đang sắp chết đói.

Ông Kosak : Đây đâu phải là bên Tàu. Mầy và cha mầy phải đi tìm việc làm vài nơi trong xứ. Ở Hoa kỳ mọi người đều phải làm việc.

Johnny : Thưa ông, giả thiết rằng ông chỉ cần một ổ bánh và một cân phó mát để ông còn có thể tiếp tục sống trên đời, ông có ngần ngại nhờ một vị giáo sĩ Cơ đốc giúp đỡ ông những thức đó không ?

Ông Kosak : Dĩ nhiên là tao hồ thẹn lắm.

Johnny : Nhưng nếu ông biết chắc rằng ông sẽ có thể trả lại hai ổ bánh và hai cân phó mát thay vì một ổ và một cân thôi. Ông nghĩ thế nào ?

Ông Kosak : Tao cũng vẫn hồ thẹn lắm.

Johnny : Ông Kosak ơi, không nên vậy chứ nào ! Đó là lối nói của người thất bại, ông dư biết vậy mà. Tại sao vậy ? Kết quả tất nhiên phải xảy đến cho ông là cái chết, Ông chắc phải chết bên Tàu thôi, ông Kosak ạ !

Ông Kosak : Nếu phải chết thì chết tao đâu có ngán. Mầy và ba mầy phải trả tiền bánh và phó mát. Tại sao ba mầy không chịu ra khỏi nhà đi tìm việc làm ?

Johnny *(lanh trí bỏ ngay lối tấn công bằng trí khôn)*. Ông vẫn mạnh luôn chứ ?

Ông Kosak : Vẫn thường luôn. Còn Johnny thì sao ?

Johnny : Cháu không được khá lắm ông ạ ! Các con ông thế nào ?

Kosak : Chúng nó đều khá cả. Thằng Stephan bắt đầu đi chập chững rồi.

Johnny : Giỏi quá hả ! Còn cô Angela thì thế nào ?

Ông Kosak : Cháu Angela đang tập hát. Bà nội của Johnny có mạnh khoẻ không ?

Johnny : Vẫn mạnh. Bà nội cháu cũng đang tập hát Bà bảo rằng bà hy vọng sẽ trở thành một ca sĩ nhạc kịch hơn cả nữ hoàng Anh quốc.

Còn bà Martha vợ ông vẫn mạnh khỏe chứ ?

Ông Kosak : Ổ khá lắm.

Johnny : Cháu không biết dùng lời nào để nói lên tất cả nỗi sung sướng của cháu khi biết mọi sự trong gia quyến ông đều tốt đẹp mỹ mãn. Cháu tin chắc rằng Stephan sau này sẽ trở thành một vĩ nhân chứ không phải thường đâu.

Ông Kosak : Bác cũng mong vậy. Bác sẽ gởi nó vào một trường trung học, bác thấy nó có mọi may mắn mà trước kia bác không có. Bác mong sao suốt đời nó đừng gặp những rắc rối trở ngại nào.

Johnny : Thành thật mà nói với ông rằng cháu rất tin tưởng ở Stephan

Ông Kosak : Bây giờ Johnny cần gì ? và có bao nhiêu tiền đó ?

Johnny : Ông Kosak ơi, cháu đã nói rằng đến đây không phải để mua gì đâu. Thỉnh thoảng cháu thích đến bàn chuyện triết lý vặt với ông đó thôi *(thật nhanh, miệng khẩn khoản)* Cháu cần một ổ bánh và một cân phó mát.

Ông Kosak : Johnny ơi, phải trả tiền đã chứ.

Johnny : À quên, còn Esther nữa chứ ? Còn Esther, con gái xinh đẹp của ông thế nào ?

Ông Kosak : Nó cũng thường luôn. Nhưng mầy phải trả tiền đây đã chứ. Mầy và ba mầy là những công dân tệ mạt nhất vùng này.

Johnny : Cháu rất vui vì Esther vẫn mạnh. Ông Jasper Mac Gregor đang viếng thăm gia đình cháu. Ông là một kịch sĩ danh tiếng.

Ông Kosak : Tao chưa bao giờ nghe tên ông ta.

Johnny : Và một chai bia để đãi ông Mac Gregor nữa

Ông Kosak : Tao không thể đưa bia cho mầy đâu !

Johnny : Chắc là ông có thể mà.

Ông Kosak : Không đâu ! Tao chỉ có thể bán chịu thêm cho mầy một ổ bánh Pháp và một cân phô mát mà thôi. Ba mầy có làm việc gì không hả Johnny ?

Johnny : Thưa ông, ba cháu làm thơ. Đó là công việc duy nhất mà ba cháu thường làm. Ba cháu là một trong những đại thi hào trên thế giới đó ông ạ.

Ông Kosak : Có khi nào ba mầy lãnh được tiền không ?

Johnny : Ba cháu không bao giờ lãnh được đồng nào cả. Không ai có thể vừa làm thơ vừa hái ra tiền cùng một lúc được.

Ông Kosak : Tao thì tao không thích kiểu công việc như của ba mày. Tại sao ba mày không làm việc như mọi người hả Johnny ?

Johnny : Ba cháu làm việc vất vả hơn bất cứ người nào. Ông làm việc vất vả gấp đôi một người thường. *(Ông Kosak trao cho Johnny một ổ bánh Pháp và một cân phô-mát).*

Ông Kosak : Này, cha con mầy mắc nợ tao tất cả năm mươi xu rồi đó nghe Johnny. Lần này tao cho mầy mua chịu thêm một ít, từ nay về sau đừng hòng mua chịu nữa.

Johnny : *(đứng ở cửa)* Nói dùm với Esther là cháu mến cô ấy lắm ! *(Johnny chạy ra khỏi cửa hiệu. Ông Kosak đập một con ruồi, hụt, đập lần nữa, lại hụt, như để tỏ thái độ bất mãn đối với trần gian, ông đuổi theo con ruồi quanh cửa hàng, cố hết sức đập nó cho kỳ được).*

●

■ còn nữa

(1) « Drink to me only with thine Iyes là nhan đề một bài thơ của thi sĩ Ben Jonson cuối thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17) được phổ nhạc và rất phổ thông ở các nước nói tiếng Anh.

Eugene O'Neill và thảm kịch nhân loại • Eugene

• tiếp theo trang 13

vật của ông một tính cách hư vô : con người không dàng buộc đến tha nhân và con người cũng không chịu một trách nhiệm nào đối với tha nhân cả. Chính nhân vật Edmund cũng phải thú nhận như sau : « Thật là một sai lầm lớn lao khi tôi sinh ra đời là một con người, tôi mong muốn được trở thành con hải âu hay một con cá... Tôi luôn luôn là kẻ xa lạ, không bao giờ thấy yên ổn trong nhà và tôi không muốn một điều gì thực sự cả...Ai có thể tùy thuộc vào người khác được sao ? »

Kể từ năm 1920, nền văn chương Âu châu đã nêu ra đề tài tha nhân hay tính cách phóng thể cũng như một nền văn chương hư vô rồi. Eugene O'Neill đã phổ biến một tư tưởng hư vô đầu tiên trong văn chương Hoa Kỳ vì ông cho rằng đây là nguyên nhân chính về sự mâu thuẫn giữa con người với con người thế kỷ 20. *Long Day's Journey Into Night* là một tấn thảm kịch của đời người (dù chỉ là thảm kịch một cá nhân hay một gia đình) và là viễn ảnh của một con người bị soi mòn, bị đục khoét trước một thời đại khủng hoảng.

Trước tính cách thảm kịch này, kịch gia Eugene O'Neill không bao giờ đưa ra một câu trả lời dứt khoát cho vấn đề mà ông đã đặt ra. Một trong những vở kịch sau cùng và cũng là kịch bản thê thảm nhất của ông dưới nhan đề *The Iceman Cometh*, dường như O'Neill muốn ám chỉ rằng lòng tin của con người về cuộc đời của chính mình hay cuộc đời nhân loại chỉ là một ảo ảnh hay một ảo giác mặc dù nó rất cần thiết. Trong một kịch bản khác, dưới đề tựa *Days Without End*, anh hùng của vở kịch đã lặng lẽ chấp nhận các lý thuyết hay giáo điều của Thiên Chúa Giáo. Tuy nhiên, nhân vật trong vở kịch này, cũng như nhân vật kịch khác của ông, đều nói lên tính chất thảm kịch nhiều hơn là tính chất triết lý về con người. Các nhân vật kịch đó không hoàn toàn là những con người máy nhưng họ đã nêu ra những hậu quả của tấn thảm kịch trước khi đưa đời sống con người tiến dần đến những viễn ảnh phi luận lý.

Có lẽ không có nhà văn hay kịch gia nào như Eugene O'Neill, đã trình bày đầy đủ những kỹ thuật, dưới nhiều hình thức về tấn thảm kịch của con người cũng như Định Mệnh đã đè nặng lên con người. Trong *The Hairy Ape*, lòng ham muốn xác thịt ám ảnh gã cho than vào lò trên chuyến xe lửa tuyến Đại Tây Dương, để rồi cuối cùng gã ý thức rằng trong một xã hội tân tiến không còn gì cả và gã không tùy thuộc vào một người nào hay một tha nhân nào khác. Trong kịch bản *Desire Under the Elms*. O'Neill muốn nói đến lòng tin của con người vào thuyết của Calvin (Calvin thuộc thế kỷ 16, chủ trương thuyết tiền định và chuộc tội có giới hạn).

Nói tóm lại, kịch bản nào của Eugene O'Neill cũng hướng về tấn thảm kịch con người, dù dưới hình thức này hay hình thức khác. Ông muốn trình bày các diễn tiến hay quá trình của tấn thảm kịch đó. Một khi Eugene O'Neill đối đầu với thảm kịch thì ông thảm kịch hóa nó một cách ghê gớm, còn trong trường hợp ông không đối đầu, ông lại đưa nhân vật kịch của mình vào một lãnh vực ngột ngạt những bi thảm Điều này khiến người đọc cảm thấy rằng tác giả đã mô tả một điều gì dường như không còn là con người nữa.

Nếu có bao giờ một kịch tác gia Hoa Kỳ nào đó tự hỏi ý nghĩa cuộc đời là gì bằng một dọng văn thê thảm như Eugene O'Neill thì chính người sáng tạo ra sự bi thảm đã ở thực trong cuộc đời. Cuộc đời riêng của O'Neill chẳng khác nào những nhân vật kịch anh hùng của ông, những nhân vật hắc ám, bị ám ảnh, bị dằn vặt hay có thể nói bị chiếm đoạt. Nhân vật kịch của ông đã chịu đựng sự đau đớn như thế nào thì chính ông cũng như thế. Phải chăng cá nhân ông đã tháp nhập vào nhân vật kịch, dù ông muốn tách rời ông với nhân vật kịch cũng không được.

Có nhiều người cho rằng Eugene O'Neill chịu ảnh hưởng nhiều của các kịch tác gia như Ibsen, Shaw và Strindberg qua một nền văn chương có tính cách thảm kịch. Điều này đã đưa ông đến gần thanh giáo trong văn học Hoa Kỳ. Nhưng đối ngược hẳn với ba kịch gia đó O'Neill đã nêu ra một thứ *tâm lý mới* cùng những tư tưởng giải phóng, tự do, chuộng công bằng xã hội và ngay cả luân lý nữa. O'Neill là một người thường trực nổi loạn trước các vấn đề chính trị và xã hội. Vì nguyên do đó, ông là chứng nhân của thời đại ông. Song ông vẫn giữ được một đường lối độc đáo trong cách bi thảm hóa cuộc đời nhân loại. Kịch bản của ông là một lời thách đố đối với xã hội con người và lẽ dĩ nhiên sự thách đố đều không xa lìa các quan niệm của Freud. Vấn đề chính của ông tựu trung cũ vào thân phận của con người chứ không tựu trung vào một thời đại hay một xã hội của con người nào đó.

Kịch bản của ông đã được trình diễn không biết bao nhiêu lần tại Luân Đôn, Ba Lê, Mạc Tư Khoa và Bá Linh. Không có một kịch gia nào như O'Neill lại được thừa nhận tại Âu châu, và năm 1936 O'Neill là kịch gia đầu tiên của Hoa Kỳ chiếm giải thưởng văn chương Nobel. Tính cách độc đáo của ông đã dựa trên những căn bản tư tưởng nào ? Chúng ta có thể trả lời ngay và minh bạch rằng O'Neill đã ý thức được tư tưởng hiện đại của nhân loại đối với các vấn đề xã hội và luân lý. Ông là một kịch tác gia thăm dò và đào sâu bản chất nhân loại và đã đưa ra vấn đề thảm kịch, điều mà mỗi nhà văn nào cũng mong muốn tháp nhập vào lãnh vực này. Giống như Aeschylus Shakespeare như Tolstoy và Dostoievsky, O'Neill đã đi sâu vào tính chất vô nhân đạo của con người đối với tha nhân và những dằn vặt, khổ đau, trong đó con người phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước các vấn đề chính trị, kinh tế và bất công xã hội. Ngoài vấn đề tương quan giữa con người với tha nhân, O'Neill còn chú trọng đến những vấn đề tương quan giữa con người với vũ trụ.

Các nhân vật kịch của O'Neill đã đạt được tính cách bi thảm vì các nhân vật tin là họ là nạn nhân của tha nhân, một thứ tha nhân vượt bực. Hoài bão của O'Neill đã đặt cả vào các nhân vật kịch của ông, không phải để cứu vãn nỗi đau đớn của con người nhưng là để tự hỏi rằng liệu hoài bão hay tính cách thảm kịch phải chăng có ý nghĩa thực trong đời sống này ?

Phải chăng kịch tác gia Eugene O'Neill đã quan niệm đúng về thảm kịch nhân loại khi ông viết trong vở kịch *The Great God Brown* rằng « Con người sinh ra bị đổ vỡ. Con người sống bằng chắp nối. Đối với tôi, chỉ có tấn thảm kịch là có thực — nó là ý nghĩa của cuộc đời và cũng là niềm hy vọng của cuộc đời này ». ■

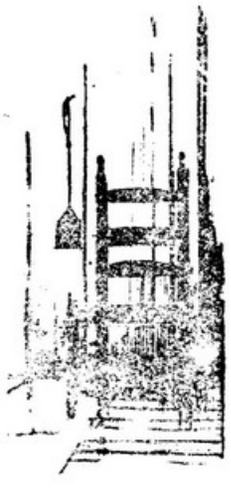

chớp biển mưa nguồn

hoàng hải thủy

II

ĐÀN bà, con gái khi nhìn xa, thường thấy có vẻ cao. Kinh nghiệm của chàng tuổi trẻ, qua những cô bạn gái mà chàng đã có trong đời, đã đi sóng vai trên những con đường yêu đương cũng như lạnh nhạt, cho chàng thấy rằng các cô gái, những người đàn bà nhìn xa, thường cao lớn hơn mình, nhưng khi đi sóng vai với họ, như tự dưng họ thấp xuống. Người thiếu nữ trong tấm áo nylon mỏng mảnh, chắc là đang lạnh, đứng xa chàng một mặt đường nhựa và hai vỉa hè mưa rơi, chiều tàn và đêm xuống kia, trông có vẻ rất cao. Cao và gầy. Cao hơn nhiều thiếu nữ thuộc loại cao mà chàng đã gặp. Thoạt đầu, khi hình ảnh nàng lọt vào tầm mắt, những ý nghĩ đầu tiên của chàng là nàng cao, nàng lạnh và nàng đang chờ xe như chàng.

Trời dần tối và những ngọn đèn đường đã bật lên. Một chiếc xe lambretta chở khách chạy ngang — dáng chừng là chuyến xe Lam cuối cùng của con đường này — ông già cầm chiếc ô đã cụp lại, chọc ra màn mưa. Chiếc xe dừng lại. Bình thản và không chút vội vã, ông già dương ô đi ra xe.

Ông già đi mất. Trên vỉa hè bên này chỉ còn chàng trẻ tuổi, và chỉ còn người thiếu nữ đứng nấp mưa dưới mái hiên nhà bên kia đường. Chàng bắt đầu thấy sốt ruột và thấy đói. Chàng nghĩ đến căn phòng ấm cúng của chàng trên lầu cao. Trên đó, chỉ những chàng trai độc thân không cần thổi nấu giặt dũ gì mới là những thân chủ thích hợp. Giờ này, chắc Túp và Tư Bền đã có mặt trong phòng. Buổi tối, ba người thường về nhà gặp nhau, cùng đi ăn cơm và bàn chuyện đi chơi. Nhiều buổi tối, từ phủ gặp lại nhau cho tới đêm ngủ, ba người bạn không nói chuyện gì nhau, không tâm sự, họ chỉ nói với nhau những điều tối cần như hỏi nhau thuốc lá, tiền, quần áo đưa tượ giặt và lấy về, nhưng nếu không gặp nhau, họ thấy nhớ. Nếu thiếu mặt một người, người vắng mặt trở thành nỗi nhớ. Tuy có khi không được nhắc đến nhưng cả nhóm người vắng mặt trở thành to lớn, quan trọng, chèn ép hai người có mặt.

Chàng tuổi trẻ bóng mẩu thuốc lá bàn ra mưa. Chấm than đỏ bay đi và tan ngay trước khi rơi xuống mặt hè. Sự việc ấy cho chàng tuổi trẻ biết rằng mưa nặng hạt hơn trước. Chàng đốt một điếu thuốc lá mới và quyết định nếu hút tàn điếu thuốc này mà vẫn không có xe về, chàng sẽ đội mưa đi bộ.

Chàng muốn được gần Túp và Tư Bền. Gần hai bạn, chàng cảm thấy an ninh một cách lạ kỳ. Một cảm giác yên ổn, tin tưởng mà chàng không thể nói ra, không thể phân tích được. Chàng đã thấy nhiều cặp bạn sống chung và thân mến nhau, chàng nhận xét tình bạn của họ để so sánh với tình bạn của chàng với Túp và Tư Bền, và chàng thấy rằng họ không thân mến nhau bằng chàng với hai người bạn của chàng. Nhiều người bạn khác đến chơi với bộ ba cùng nhận thấy như thế — « Bọn ba chúng mày thân yêu nhau như vợ chồng. Chúng mày sẽ thao nhau cho đến ngày chúng mày có vợ. Chỉ cần một trong ba toẳng chúng mày có vợ là cuộc sống chung của ba chúng mày tan tành hết. Họ được nghe nhiều người nói với họ câu đó, hoặc những câu tương tự — « Đàn bà sẽ phá hỏng cuộc sống chung này của chúng mày. Chỉ có đàn bà mới có thể phá nổi..! » Ba chàng trẻ tuổi đôi khi tự cho là mình trải đời, đôi khi cũng bao dan nói trước những chuyện dài suốt đời, nhưng về đàn bà, họ cũng vẫn có đủ sáng suốt và đủ kinh nghiệm để ngán sợ. Họ ước lệ với nhau : Không lên nào được mang phụ nữ về nhà, dù phụ nữ đó là người yêu ».

Từ phía Ngã Năm, một chiếc taxi chạy tới, hộp kính *TAXI* trên nóc xe sáng đèn, chàng tuổi trẻ vội nhô ra mưa để gọi. Chàng gọi hai tiếng lớn. Chiếc xe vòng trụ đèn xanh đèn đỏ giữa ngã tư và dừng lại bên vỉa hè trước mặt. Chàng chạy qua đường. Khi chàng qua tới, người thiếu nữ đã đơ tay mở cửa xe.

Đôi mắt trong đen, mở lớn nhìn chàng, người nàng nghiêng, nửa cúi xuống cửa xe, mái tóc buông trên vai, chưa sõa, chưa tơi tả, nhưng đang thấm nước mưa. Đôi mắt không khiêu khích, chàng thấy nét nàng biểu lộ sự bực dọc, đôi mắt của người không muốn bị phiền nhiễu quá nhiều.

Bàn tay nàng ngừng lại nửa chừng. Bàn tay kia vo chiếc khăn tay, nắm lại. Nàng nhìn chàng, chờ đợi :

— Xin lỗi... tôi gọi xe trước...

Chàng mở cửa xe :

— Phải tôi kêu trước không, bác tài?

Ông tài quay lại cười, hàm răng vàng phản chiếu ánh đèn sáng lòng lánh :

— Phải... thầy này kêu trước.

Chàng ngửng lên nói với nàng :

— Mưa quá, đường lại không có xe... Chàng nói dễ dàng, lưu loát, và cảm thấy kiêu hãnh vì thái độ của mình —... Chắc cô cũng chờ xe lâu rồi. Cô đi đâu, nếu có tiện.. xin mời cô đi chung xe...

Chàng nghĩ thầm : «Hách quá. Mình lịch sự như lấy. Nịnh đầm mà không nói cười cầu tài mới là khó ». Không nói gì cả, không cả một thoáng cười trên làn môi hồng nhạt, người thiếu nữ ngồi vào xe.

Sự im lặng ấy có thể hiểu là kiêu kỳ, khinh người. Người thiếu nữ này không nói là vì không muốn nói chớ không phải là vì ngượng nghịu. Nhưng chàng tuổi trẻ không nghĩ rằng nàng kiêu kỳ. Có một vẻ gì thê thảm, chịu đựng, một vẻ như bất-cần-đời, như thất vọng — mơ màng, phảng phất trên khuôn mặt, trên thái độ của người thiếu nữ làm chàng nghĩ rằng nàng không khinh người. Chàng cúi mình ngồi vào xe. Chàng trông thấy đôi ống quần nylon trắng ướt nước, có vài đấu bùn nâu. Những vết bùn đất nâu ấy làm chàng

nghĩ rằng nàng vừa đi bộ nhiều trước khi đến đứng ở đây — đôi bàn chân nhỏ nhắn, móng chân không tô son nằm gọn trong đôi giầy da đen, loại giầy da cao gót năm trăm đồng một đôi. Áo đẹp, quần và giầy đắt tiền, nét mặt không có vẻ phong trần, nhưng có vẻ buồn và chán đời. Chàng nghĩ như vậy về nàng nhưng vẫn chưa đoán được nàng thuộc loại đàn bà nào : nữ sinh con nhà giầu, vũ nữ, gái chơi loại sang, con nhà giầu không đi học — không làm gì cả, vợ công chức cao cấp, vợ sĩ quan cấp Tướng ?

— Cô đi đâu ?

Chàng hỏi sau khi đóng cửa xe lại.

— Tôi muốn ra bờ sông...

Nàng nói nhỏ. Giọng miền Trung. Chàng chỉ biết đó là giọng gái Trung nhưng không biết là gái Huế hay Quảng Nam, Quảng Ngãi. Chàng nhìn nàng và thấy nàng quay mặt nhìn qua khung cửa xe ra đường, tức là nhìn qua phía bên kia.

Chàng chỉ nhìn thấy đôi gò má hơi cao nhô ra bên mái tóc đen và dài. Chàng nghĩ — « Con gái của một miền đàn bà đa tình nhất nước. Hai mươi tuổi ! » Chàng hỏi :

— Cô muốn đến bờ sông nào ? Sông Saigon hay là Thị Nghè, sông cầu Bình Lợi ?

— Sông cầu Bình Lợi.

— May quá. Tôi cũng ở gần đó. Tôi đưa cô đi.

Họ im lặng suốt con đường đó. Cả người tài xế, người nở nụ cười đầy răng vàng lúc đầu, có vẻ nói nhiều, cũng không nói gì. Suốt con đường, chàng không nghĩ gì đến chuyện trời tối, mò ra cầu Bình Lợi của cô gái mặt trái soan ngồi bên chàng. Cảm giác được ngồi yên ổn trong một căn nhà ấm áp, êm ái được che đậy, sau cả giờ đồng hồ đứng chồn chân, trong lúc bên ngoài trời mưa gió, làm chàng thoải mái và quên đi cô gái.

Chỉ khi xuống xe, bên rừng cao su, giữa một vùng cây cối mưa đã ngừng nhưng nước vẫn còn rơi thành thót từ lá cây và sương mù bàng bạc dâng lên, chàng tuổi trẻ mới nghĩ đến thái độ của cô gái, và ngạc nhiên vì việc làm khó hiểu của nàng. Nàng ra bờ sông làm gì vào giờ này ? Ở đây làm gì có nhà cửa ? Nàng ra đó đón xe về Thủ Đức, Biên Hòa ? Không có lý, nàng có thể đón xe đi những nơi ấy ngay ở đấy, hoặc ở trung tâm thành phố.

Nàng xuống xe trước chàng. Xe vừa ngừng nàng đã mở cửa bên phía chàng và bước ra khỏi xe, đi luôn, không một lời cám ơn, không cả nhìn lại.

Chàng tần ngần đứng bên xe nhìn theo bóng nàng. Việc nhìn theo và thắc mắc đó làm chàng chậm rề trong việc trả tiền xe. Ông tài cũng nhìn theo cô gái. Ông đưa một điếu Melia lên môi :

— Cậu có quen biết cô này từ trước không ?

— Có gặp bao giờ đâu mà quen biết. Chỉ thấy cô đứng chờ xe ở đó...

— Cô đi đâu thì biết rồi đó...

— Ông bảo cô ra bờ sông tự vẫn, sao ?

— Chớ còn đi ra đó làm chi nữa...

Ông tài đợ bàn tay ra đỡ lấy mấy tờ giấy bạc, ông cười hề hề :

— Cậu có muốn lấy phước để lại cho con cháu thì chạy theo níu cô lại đi.

Chàng mỉm cười :

— Sao ông không làm, ông lại xúi tôi ?

— Tôi không lo. Coi bộ cô này chưa có chết nổi đâu... Cô còn nặng nợ lắm mà... Cô có nhảy sông cả mười lần cũng vẫn không chết...

Chiếc xe vòng chữ U, trở đầu chạy về hướng Trường Võ Gia Định. Chàng tuổi trẻ đi vào con đường đổ xi măng, dẫn đến căn phòng trên lầu cao nơi các bạn chàng đang chờ đợi chàng. Khi chàng ngừng bước và quay nhìn lại, bóng người thiếu nữ đã biến mất.

Vài dãy đồng hồ trước, nàng hãy còn lủi thủi, cúi mặt đi bên con đường nhựa vắng tanh này. Đoạn đường đó quạnh dài, nàng không thể đi nhanh đến trong vài dãy đồng hồ đi hết đoạn đường dài cả ngàn thước.

■ còn 1 kỳ

NHÀ XUẤT BẢN

An tiêm

hộp thơ 1510 — Saigon

đã phát hành :

NGỘ NHẬN

(LE MALENTENDU)

của **ALBERT CAMUS**

BÙI GIÁNG dịch

đón đọc :

CÕI NGƯỜI TA

(TERRE DES HOMMES)

của **SAINT-EXUPÉRY**

Một tác phẩm phơi mở « Mê hồn trận » trong cõi tư tưởng, mộng tưởng, xã hội, tình yêu v.v... giữa cuồng phong thế kỷ.

(phụ lục) : trích dịch SỔ GHI - CARNETS

Bản đặc biệt có để bán tại nhà sách KHAI TRÍ Saigon, nhà sách SÔNG ĐÀ, đường Độc Lập, Đà Nẵng.

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

20

viên đạn đồng chữ nổi

Nữ ôm ghì lấy Vinh :

— Rồi em sẽ nói.

— Ừ rồi em sẽ nói. Không sao đâu.

— Anh có tin rồi em sẽ nói ?

— Tin.

— Anh phải tin em mới được. Rồi em biết gì, rồi anh muốn bảo em nói những điều gì em biết, em sẽ nói, nói hết cho anh biết, em không dấu anh điều gì hết, anh bảo em phải chết em cũng chết liền anh coi, nhưng anh nhớ, anh đừng hắt hủi em, tội nghiệp, bao giờ bà quận sang đây, em sẽ không dám lên đây như thế này nữa đâu, nhưng bây giờ anh có một mình, đêm em muốn lên đây với anh cho anh đỡ buồn, đỡ lạnh, chỉ có thế thôi, em thề em giữ kín, em không cho ai biết đâu, em không bao giờ dám mong tưởng đợi chờ gì khác ở anh hết, ngoài những đêm được lên đây với anh. Tảng sáng em lại về, không ai biết đâu, cụ Khải, thầy em, không một người thứ ba nào biết hết.

— Anh không ngại chuyện người ta biết.

Nữ ngồi thẳng người, nhìn Vinh trân trân.

— Cả vợ anh ?

Vinh cười :

— Nhưng anh ngại cho em. Nữ phải nhớ một điều này. Anh không ở lại đây suốt đời. Dăm ba tháng, một năm nữa không chừng, rồi anh sẽ phải đổi đi nơi khác, một người quận trưởng khác sẽ đến thay thế anh, giữa anh và em có thể là chốc lát. Đừng vướng vào nhiều quá, lúc gỡ ra đau đớn và cực nhọc lắm. Em xinh đẹp như thế này, ở đây không có người đàn ông nào yêu em, muốn cưới em làm vợ sao ?

— Không.

— Chúng nó mù hết.

— Em mù. Em không nhìn thấy ai hết Cho tới khi em nhìn thấy anh.

Nữ nhớ lại giây phút bàng hoàng Nữ nhìn thấy chàng trên mặt đê cao, chàng xuống xe khi đó là buổi chiều, tầm mắt Nữ nhìn và lòng Nữ bỗng thấy ấm áp vô tả, chàng đến, như thái dương hồng, như mùa xuân đẹp, như lẽ phải và định mệnh, sự có mặt của chàng làm Nữ choáng váng với một cảm giác khốc liệt hoảng sợ, rồi từ chàng, Nữ biết người ta có những buổi sáng thức dậy muốn hát lớn với trời, cười lớn với đất, Nữ thấy Nữ là một cái gì, không, Nữ không chỉ là một đứa con gái tiều tụy lầm than ở dưới xóm lá. Nữ không chỉ là một loài cỏ cây hèn mọn, Nữ không chỉ là một khuôn mặt quê mùa xanh sao, mà ngoài những ngày tháng diêu linh trôi dạt, ngoài cái số phận không ánh sáng không ngày mai của đứa con gái nhà nghèo, Nữ còn có một đời sống riêng, đời sống ấy mới bắt đầu, bắt đầu từ một đổi thay lớn lao, một đổi khác kỳ diệu vô ngần ở tâm hồn Nữ. Sáng thức dậy, nghĩ chàng đang làm gì ? Tưởng tượng ra chàng. Phút chao cờ. Chàng đứng nghiêm, đằng sau là toán bảo chính bồng súng chào, nét mặt chàng cương nghị, mắt chàng nhìn lên, lá cờ từ từ được thượng lên, cờ nằm trên đỉnh, cờ bay phần phật, chào cờ xong, chàng khoan thai bước lên thềm, đi vào bàn giấy, chàng ngồi đó trước những đống hồ sơ cao ngất, những bộ lão râu dài lụ khụ, những xã trưởng kính cẩn từ những làng xóm hẻo lánh lên quận báo cáo tình hình, chàng khoan thai nghe, ánh mắt xâu thẳm của chàng hơi cau lại sau làn khói thuốc. Chiều, ra hong tóc trong gió thổi qua vườn, nghĩ chàng đang làm gì ? Ở trên mặt đê cao. Trong cuộc tuần tiễu thường nhật. Bóng chàng in sâu vào nền trời giới tuyến. Bóng chàng tuy nhỏ nhưng vươn phóng thành mênh mông, chàng lớn hơn vòm trời, chàng bao trùm giới tuyến, chàng là mặt trời, chàng kiêu hãnh trong sự cô độc của nhiệm vụ cao cả, không ai làm gì được chàng, chàng bất khả xâm phạm. Những lần tưởng tượng như thế, tưởng tượng dẫn Nữ vào một chìm đắm ngây ngất không cùng. Nữ muốn đắm chìm thần trí, tê liệt trong mơ màng, thật lâu, thật lâu, mặc cho bên mình gió thổi, mặc cho chung quanh nắng tàn, như mộng tưởng dẫn Nữ vào một cuộc phiêu lưu đẹp đẽ quá chừng, mộng tưởng dẫn Nữ qua những sông dài biển rộng, Nữ muốn lạc đường về, Nữ muốn quên đường về, Nữ, chẳng bao giờ, xin chẳng bao giờ tôi phải trở về. Tôi đã ra khỏi thân phận tôi, từ phút đó. Bằng lối ra thoát của người đàn bà, bằng tình yêu ngút ngàn bát ngát trong tôi. Tôi biết tôi đẹp. Tôi là đàn bà. Có những cái của riêng tôi. Trái tim. Thân thể. Ý nghĩ. Đầu óc. Mái tóc mềm mại hong gió chiều trong vườn nhạt nắng. Ánh mắt trong. Cặp môi hồng. Những cái của riêng tôi đó, hiến dâng tất cả cho chàng, xin hiến dâng tất cả cho anh, anh không nhận, nhưng đã là em có và đã là em gửi đến anh, anh không nhận cũng như anh đã nhận rồi, và Nữ ngửa mặt với đời nàng sáng lòa, và Nữ thở hít hương thơm mới của đời nàng vào lồng ngực và Nữ ngây dại trong sung sướng mê mần, hạnh phúc ấy chỉ là tưởng tượng mà thôi, nhưng chỉ cần bằng hình dung và tưởng tượng mà Nữ đã hóa thân.

Vinh cười:

— Nhìn thấy từ hồi nào

— Từ ngay buổi chiều anh tới. Va ly anh để những gì mà bề bộn thế.

— Em nhìn thấy hết rồi còn gì.

— Em đứng ngay bên cạnh mà anh không biết.

Cảnh tượng khám xét hành lý người trẻ tuổi lọ mặt giữa chàng và bảo chính Phầm buổi chiều đầu tiên đặt chân tới quận lỵ hẻo lánh mà Nữ vừa nhắc lại, làm Vinh bật cười :

— Bảo chính Phầm đó. Nó khám va ly anh. Nó bắt em. Em có thù ghét nó không ?

— Không

— Thật không ?

— Thật chứ. Bây giờ anh đi đâu cũng có y đi theo như hình với bóng. Anh ở đâu y có mặt ở đó. Y canh coi bảo vệ cho anh. Y là sự yên tâm của em, tại sao em thù ghét y được,

Trong bầu không khí thân mật suồng sã của mùng màn buông rủ, Vinh âu yếm đặt tay lên vai Nữ, kéo nàng lại gần. Nhìn kỹ vào khuôn mặt nàng, khuôn mặt ban nẫy nhầu nát dưới gió bão của dục tình bây giờ thư thái một vẻ đằm thắm, và khuôn mặt đó, Vinh đã nhìn thấy sự táo bạo liều lĩnh, sự can trường âm thầm, bây giờ hiện lên những nét rất thơ ngây Nữ, trước cái nhìn thốt nghiêm trang của Vinh, trở thành một cái gì thật hiếm quý dưới vòm trời giới tuyến. Chiến tranh giết chết cái đẹp. Nữ là cái đẹp, hiếm quý như một bông hoa lạc lõng nở thơm một khoảng đất nhỏ bị bỏ quên giữa chiến trường. Người con gái chưa là nạn nhân của cầm thú, và Vinh tưởng như ở tâm hồn nàng, có nhiều vùng thật tinh khiết chưa từng bị hoen ố bởi những xấu xa của cảnh ngộ. Bàn tay Vinh vỗ vỗ nhẹ lên bờ vai tròn trĩnh của Nữ như một cử chỉ ngợi khen và hài lòng thầm kín.

— Không bao giờ để cho sự căm thù làm chủ mình. Căm thù là một liều thuốc độc. Nó sẽ tàn phá ta, cho đến chết.

— Anh nói gì em không hiểu.

— Rồi một lúc nào đó, trước một việc nào đó, em sẽ hiểu. Thôi, sửa soạn đi, anh đưa em về.

— Em về một mình cũng được.

Vinh cười :

— Em lên một mình nhưng em không về một mình.

Thốt nhiên, tình yêu lại dào dạt ở Nữ, Tình yêu như một khám phá bàng hoàng, như một giòng hào quang tỏa sáng toàn khắp thân thể và định mệnh. Nữ không muốn rời khỏi vùng ấm áp này của chăn đệm ấp ủ hơi người của nàng và của chàng trộn lẫn, ở đây, Nữ là Nữ, nàng được là đàn bà trong cái ý nghĩa xấu xa và toàn vẹn nhất của người đàn bà da thịt nàng còn đầy đặc những dấu vết của trận tình đột ngột khai diễn trong một trạng thái gần như mê hoảng và vô thức, Nữ muốn trở lại với những cảm giác mãnh liệt nàng chưa nhận thức được chu đáo bởi sự tan vỡ mê đam gần như một niềm thảng thốt, và Nữ lại ngã lao vào cánh tay Vinh, vòng hai tay ôm lấy chàng thật chặt. Đêm giới tuyến về sáng. Đêm giới tuyến bên ngoài. Đoán thấy những đồng cỏ sương lam mù mịt, giòng sông lạnh buốt và cứng chết như kim khí, những ánh đèn pha lạc lõng trong biển sương mù, những gờ mái lô cốt cô đơn im lìm, con đê dựng thành heo hút chạy dài đến đầu lối đưa lên rừng phi lao rũ rượi sõa tóc, khu xóm lá với những con đường hẻm khúc khuỷu giữa cỏ cao ngang tầm người, những bức vách siêu siêu theo chiều gió thổi. những khoảng trống chứa đựng tràn đầy một mùa đông thê lương, xóm lá như mồ chôn những cuộc sống lầm than, cỏ cây, súc vật không bao giờ được biết đến ánh sáng mặt trời. Nữ muốn chàng cho được ở lại. Trọn một đêm. Đến sáng. Khi tinh sương vừa dấy, chàng còn ngủ mệt, rón rén bước xuống, nàng đi động thận trọng trong căn buồng chứa tan bóng tối, nàng sẽ thu dọn lại căn buồng của chàng cho thật ngăn nắp, quần áo chàng gấp lại xếp ngay ngắn trong từng hộc tủ bởi bàn tay Nữ nâng niu, khi chàng thức giấc, chàng thấy Nữ ở đó, chàng mỉm cười với nàng, chàng ưng thuận cho Nữ ở lại, chàng làm cho Nữ sung sướng, và Nữ sẽ thấy là cuộc đời đáng sống vô cùng. Khi đó. Nữ là đàn bà. Một người đàn bà yêu một người đàn ông. Sống hết cho người yêu. Pha cà phê cho chàng uống, xuống bếp, thổi lửa, đun nước nóng cho chàng rửa mặt. Lấy áo ấm cho chàng mặc vì buổi sáng mùa đông lạnh buốt. Và khi chàng đã lên bàn giấy làm việc, Nữ vẫn còn được ở lại trong căn phòng riêng, nằm mơ màng, đợi chờ tiếng chân chàng trở về.

Vinh hôn từ biệt Nữ, đẩy nhẹ nàng ra. và bước xuống đất Chàng đứng đó Nữ xuống theo, áp sát thân thể nóng hổi và o chàng.

— Rồi chúng mình gặp nhau sau

Nữ đáp lễ phép trong một thái độ thần phục tuyệt đối :

— *Dạ*

Trời lạnh làm Vinh rùng mình :

— Em lạnh không.

— Không. Ấm, ấm lắm.

— Về bây giờ em làm gì ?

— Nghĩ đến anh:

— Không được nghĩ gì hết Phải ngủ.

Nữ cười :

— Anh cũng phải ngủ một lát, Cả đêm anh và em chẳng ngủ gì hết.

Nữ nép vào Vinh nương theo bước chân chàng đi ra. Cánh cửa mở, hai người đứng lại một phút trên thềm cửa. Sân quận lỵ rào rào gió thổi. Sương xanh đặc từng đợt triền miên không dứt thổi tới. Vinh nhìn quanh, không thấy bóng ai mới bấm đèn pin, dẫn Nữ men theo bờ tường, đi dần về phía đầu con đường hẻm dẫn xuống xóm lá. Nghĩ đến một khúc hàng rào giây thép gai bị phá thàng, Vinh dùng tay nhẹ vào đầu Nữ :

— Phá hoại.

— Em sẽ kéo lại cho kín như cũ. Không ai thấy đâu.

— Rồi một đêm nào đó, em lại phá ra, phải không ?

— Anh cho phép không ?

— Cho. Nhưng phải đợi anh bảo trước, cấm không được tự tiện đấy.

Hai người đã đến trước hàng rào. Vinh tắt đèn bấm.

— Em về đi.

Chàng cho Nữ chui qua khoảng trống nhỏ hẹp. Bóng Nữ ở bên kia hàng rào lầm lũi đi theo vách đất rồi tan biến mau chóng trong sương. Vinh đứng tần ngần, nhìn lên nóc lô-cốt cô đơn in hình lên nền trời phía cổng quận. Một tiếng gà gáy ở một thôn xóm xa xa bên kia sông. trời sắp sáng rồi. Cuộc tấn công vào đồn của đối phương. Trận tình bất chợt với người con gái dưới xóm lá. Một đêm xao động không ngủ. Sự mệt mỏi lúc này mới xâm chiếm Vinh như một sức công phá dữ dội. Vào đến giường, chàng nằm vật xuống và thiếp đi.

■ **còn nữa**

nói chuyện giữa những người

● tiếp theo trang 12

cao du đãng đến nỗi độc giả đâm ra, con gái thì muốn yêu du đãng, con trai thì thích làm du đãng cao thượng như Trần Đại. Chả thế khi Trần Đại bị điện giật chết, nhiều cô đã trách móc tôi dủ điều. Tôi đưa du đãng Trần Đại lên, ngồi thần tượng là có chủ ý. Điệu Ru Nước Mắt viết sau ngày cách mạng lật đổ anh em ông Diệm. Sau đó, các thứ thần tượng cách mạng, chính trị lần lượt bị dẹp đổ hết.

Tôi muốn có một thần tượng để suy tôn. Thần tượng cuộc đời bị dẹp đổ hết rồi, còn rặt những thần tượng « tự ý lên ngôi ». Vốn tính bướng bỉnh và tinh nghịch, tôi đã đưa du đãng lên ngôi thần tượng. Nó không phụ tôi, nó đã chinh phục được cảm mến độc giả tuổi trẻ của tôi. Và, vì vậy, tôi thích Trần Đại lắm, mặc dù, vì thích Trần Đại, tôi đã, có thể, thiệt thòi « giá trị nghệ thuật » trong tiểu thuyết Điệu Ru Nước Mắt của tôi.

HOÀNG TRÚC LY

SAU hết và trước hết, tôi là một thi sĩ. Tôi vẫn feuilleton như chính khách Churchill kêu « gâu gâu » để đùa với hàng xóm, còn vui hơn cả Churchill vì trò chơi được trả tiền.

Để đánh khí hậu hàng ngày của trang báo đòi hỏi những yếu tố thời thượng, đôi khi u mê. Tuy nhiên, một tác giả có tài dù viết vu vơ, bừa bãi đi nữa, vẫn có thể nhìn thấy tài năng của họ.

NGỌC LINH

1

«Tiểu thuyết đăng nơi trang trong các nhật báo, phần lớn đều nhắm mục đích thương mại... » Nhận xét đó rất đúng. Người viết tiểu thuyết cho báo hằng ngày không đem được số đông độc giả về cho tờ báo mình cộng tác là *không làm tròn « nhiệm vụ » của mình*, có thể gây nguy cơ cho tờ báo và những anh em khác trong « xí nghiệp »

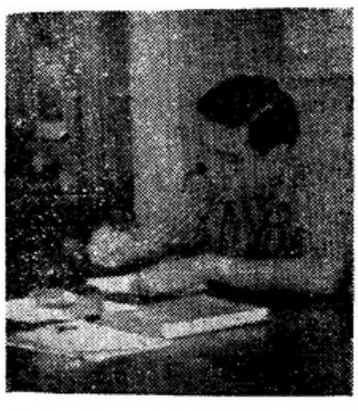

Tuy nhiên, có đông đọc giả không hẳn là *chiều theo thị hiếu* (có lẽ tòa soạn muốn nói là thị hiếu hạ cấp) và *không có giá trị nghệ thuật*.

Điều đó còn tùy ở tài năng và quan niệm viết văn của từng tác giả, không chỉ riêng những người viết tiểu thuyết đăng báo hằng ngày!?

Và lại, thế nào là giá trị nghệ thuật? Căn cứ vào đâu để phê phán? Cóp theo tư tưởng, văn phong của các tác giả Tây Phương là có quyền tự phong cho mình « có giá trị nghệ thuật » chăng? Biến mình làm đồ đệ của Sartre, Camus, Kafka, Michel Butor, Alain Robbe Grillet, có phải chăng đã đạt đến mức cao siêu của nghệ thuật?

Tôi không dám bàn sâu vào vấn đề mà chỉ mong mình không là cái bóng của bất cứ một ai!

Riêng về tiểu thuyết đăng báo hằng ngày, tôi nghĩ người ta cần đọc kỹ mỗi tác giả rồi phê phán một cách thận trọng và vô tư hơn, vì nghệ thuật đa dạng, « mỗi người một vẻ ».

2

Tôi chưa hề bị lệ thuộc với chủ trương, đường lối của bất cứ tờ báo nào và chính vì vậy tôi mới chọn nghề viết tiểu thuyết đăng báo hằng ngày làm phương tiện sanh sống, trong những năm gần đây.

3

Đọc giả của tôi phần đông thuộc vào lớp tuổi Bốn Mươi chịu nhiều đau đớn vì chiến tranh và những người Hai Mươi biết suy nghĩ.

Điều đó xác định được do những thư từ của đọc giả đã gởi đến cho tôi.

4

Thú thật, trong 10 năm viết tiểu thuyết, tôi không thể nhớ là đã viết bao nhiêu truyện. Có lẽ ở vào khoảng 30 đến 40 quyển và tôi cũng chưa hoàn toàn vừa ý một tác phẩm nào!

Có truyện, tôi thích ở phương diện nầy lại không vừa lòng trên phương diện khác.

Mới đây, tôi cho xuất bản « *Mái Tóc Ngày Trước* », nhiều đọc giả tán thưởng, và anh em văn nghệ cũng có lời khen. Tôi tạm vừa lòng với tiểu thuyết đó trong khoảng đầu năm nầy vậy.

bể dâu trong tiếng nói

■ tiếp theo trang 7

sôi động lên thì tiếng nói ở đó cũng được tiếp thêm sinh lực. Ở nơi nào cuộc sống lắng dịu, cằn cỗi thì tiếng nói cũng ngưng phát triển. Tiếng nói, nó không thích mấy những chỗ thư phòng vắng lặng của các viện Hàn Lâm; nó lại lớn lên trong khung cảnh hoạt động hỗn tạp, náo nhiệt, trong cảnh rộn ràng gấp rút, cho nên càng lớn nhanh nó càng mang nhiều khuyết điểm, dấu tích của hoàn cảnh trưởng thành của mình. Cuộc sống chen lấn, xô bồ, chụp giựt, vẫn hay xô đẩy, đẩy vỡ tiếng nói, làm cho nó sai lệch đi. Nhưng đã yêu mến cuộc sống nồng nàn, ta yêu luôn cái phản ánh của nó trong tiếng nói.

Bởi vậy có hai cái yêu ngôn ngữ nước nhà. Có cách yêu cái tính chất tinh thuần, cái dáng chải chuốt đẹp đẽ của nó, như ông hàn lâm Maurice Genevoix yêu tiếng Pháp do một người trí thức ở Géorgie nói ra. Lại có cách yêu như Robert Pinget yêu thứ khẩu ngữ bình dân ở các quán góc, tiệm chạp phô v.v.., thứ tiếng nói của những cuộc đấu hót tưng bừng và vong mạng. Robert Pinget, nhà văn được giải Femina năm nay, không phải yêu mến một cách hời hợt; phải nói là ông ta si, ông mê, ông ghiền cái tiếng nói ấy đến độ ngày nào ông cũng la cà nghe ngóng, đến độ ông không thể xuất ngoại sống ra nước Pháp, tại ông không thể vắng cái tiếng nói thân thuộc nọ được.

Sự si mê của R. Pinget, không phải mỗi người trong chúng ta đều có, nhưng thiết nghĩ ai cũng có thể cảm thông với nó. Riêng tôi, bất cứ gặp đâu đó trong tác phẩm văn chương những lối nói đột ngột, không trau chuốt, mang thẳng từ khẩu ngữ vào, bao giờ vẫn lấy làm thích thú :

...«Người đàn bà móc túi áo bà ba lôi ra một điếu thuốc cong queo. Nàng đưa lên chưa tới miệng, bỏ xuống và khều ông già :

— *Tôi cái lửa anh Năm* » (Viễn Linh — *Người ngồi xe thổ mộ*)

« Một hòn gạch ném vụt vào đầu Hiệp. Chàng trợn mắt quay lại. Hai tên ma cô ban nãy nhìn anh nhăng nhác :

— Đm, mới ma cô tập sự thôi.

— *Từ từ chớ hạng* » (Viễn Linh — *Cảnh tượng đêm nay*) Một người tài xế kêu « *Thôi dọt* » Một người đàn bà trong giới làm ăn triết lý : « Lâu lâu *du dương* cho đời bớt rầu chớ ».

Trong trang sách gặp một tiếng nói như thế, bỗng nghĩ đến cuộc sống ở những bến xe, gầm cầu, chợ búa, đến cả một cuộc sống mạnh mẽ ác liệt. Như tình cờ nhặt được một mảnh vỏ sò; một nang mực khô đạt vào bờ mà mơ tưởng đến trùng dương xa khơi, đến bể cả mênh mông.

Những lối nói ấy mang những lỗi lầm ngữ pháp? nghe có vẻ lố lăng, khấp khểnh? Mặc kệ, nó vẫn quyến rũ, vì nó nhắc gợi đến cuộc sống đang diễn ra quanh mình, nó đánh thức nơi mỗi chúng ta cái liên hệ thầm kín đối với xã hội hiện tại, cái hấp lực ma quái buộc liền mỗi người vào thời đại mình đang sống, vào những vui buồn, vào cả những nết xấu, những lố lăng, si mê, cuồng dại v. v... của thời đại. Kiểu áo xiêm công chúa bày trong Viện Bảo Tàng là đẹp, nhưng con mắt đời nay vẫn khoái thích thứ đồ «din» cũn cỡn. Nhà ngữ học trong phim *My Fair Lady* hành hạ cô gái nghèo nọ chán chê để bắt cô ta luyện giọng, trau dồi lối nói, rốt cuộc trở về mở băng ghi âm nghe lại cái giọng sai be sai bét-cái giọng «âm sát Anh ngữ», ông ta đã bị cuộc sống cố bắn sắc trả thù đích đáng.

đọc trầm tư của một tên tội tử hình • đọc trầm

■ tiếp theo trang 9

độc đoán. Ông buộc tội giới trí thức thế giới là đã thoái vị trước Đại chiến thế giới thứ ba đang ló dạng khiến ông tuyệt vọng. Ông nhìn giấc mộng của riêng ông đáng lý phải là giấc mộng của chung mọi người trí thức và ông đau đớn vì họ đã không cùng nhìn nhận như ông. Ông nghĩ trí thức chính là kẻ điều khiển thế giới này phải vượt lên trên những giới hạn của truyền thống, của xã hội, của lịch sử như ông nên ông không nhìn thấy được những hoạt động của họ trong khung cảnh riêng biệt, trong từng địa hạt khác nhau và những đóng góp của họ thực tế cụ thể đang dần dần làm biến đổi bộ mặt thế giới, trên đường tìm kiếm hòa bình. Cách nhìn, cách đặt, cách giải quyết vấn đề của họ không giống ông Tường nhưng không thể hàm hồ nói rằng họ ơ thờ với tương lai của người khác. Ngay từ sau khi hai quả bom nguyên tử nổ ở Nhật, trí thức phương Tây cũng đã ý thức được cái hiểm họa của một ngày tới trong tương lai của thế giới bị thiêu rụi bởi một «ánh sáng của một nghìn mặt trời» và sự phản tỉnh của trí thức Tây Phương là một sự thực không chối cãi được. (8)

Nhiều khi sự phóng tưởng của ông Tường đi đến những quyết đoán mâu thuẫn với chính mình. Như ông nghĩ : «Muốn gia tăng sản xuất của nông nghiệp, không cần phải có chế độ nầy hay chế độ kia, không cần phải nắm chánh quyền hay chỉ là một phong trào dân chúng. Điều cốt yếu là cần động viên đa số nhân dân hưởng ứng với cuộc cách mạng nông nghiệp, cũng như gần hai thế kỷ rồi, người ta đã hưởng ứng với cuộc cách mạng nông nghiệp» Rồi chính ông lại nghĩ : « Cuộc cách mạng nông nghiệp này cần phải động viên cho nông dân hưởng ứng và huấn luyện cho họ thuần thục được cái phép canh tác mới. Những cơ quan của chính phủ gánh hai trách nhiệm này đã đành, mà các nhà sư có thể trở nên những cán bộ tuyên truyền đắc lực và các nhà chùa, rải rác khắp nơi ở thôn quê có thể biến thành những trường canh nông thực nghiệp. »

Khởi từ cái ý sửa lại đạo Phật để làm cuộc tổng hợp với chủ nghĩa Marx, Trầm tư của ông Tường vượt lên cao đến thị kiến của vũ trụ, phóng về trước tương lai đến mình đạo để giải quyết những vấn đề hiện tại như hòa bình, đói kém, nhân mãn. Nhập vào trầm tư người đọc đã không theo ông Tường lên cao vào cõi nhất mùng của vũ trụ, cũng không cùng ông Tường phóng về trước tương lai hằng vài trăm năm sau, nó chỉ chú ý đến những vấn đề hiện tại, những màng lưới chập chùng siết chặt đời sống này có nó bị vây hãm ở trong chưa ra thoát. Những điều nó xác nhận hay phủ nhận ở ông Tường được nhìn từ một cảnh ngộ giới hạn mà ở đó bi quan và hoài nghi là ánh sáng soi chiếu. Tinh thần tổng hợp, truyền từ Hégel qua Marx đến ngày nay, vẫn được coi là khí giới hữu ích của một tư tưởng muốn vươn lên để đổi thay ngoại giới, nó chỉ còn nhìn thấy như một chứng bệnh khủng hoảng của tư tưởng tự lừa dối bằng hứa hẹn vì bất lực trước một thực tại biến lông phân hóa đến cùng cực. Chưa thời nào người ta nói đến tổng hợp, nói đến vượt thoát nhiều bằng thời này nhưng tất cả chỉ là những tiên tri và dự đoán. Ở đây ông Tường nói đến vượt khỏi Phật, ở kia người ta nói đến vượt khỏi Marx và đều là những người ở ngoài, ngoài đạo Phật ngoài phong trào của Marx gây ra. Còn những kẻ ở trong ?

Bản chúc thư của ông Tường là lời kêu gọi gửi bốn phương trời. Ông Tường « chỉ thấy có một cửa ra : cái chết » nên trông mong vào lời kêu gọi của mình. Nhưng những người còn sống, vùng vẫy trong các vấn đề chất nặng chỉ còn một mối hy vọng duy nhất

la Révolution, comme l'amour, est à réinventer(9).

Có thể đó cũng lại chỉ là một giấc mộng khác của những kẻ bị giam cầm chờ chết ?

(7) Có thể xem La Tour d'Erza của A. Koestler — Collect de Poche La civilisation du Kibboutz của Clara Malraux — Ed Gonthier Fin du peuple juif ? của Georges Friedmann — Colect. Idée

(8) Xem Paroles d'un revenant của Hồ hữu Tường trong Dilogne. Nyb Lá Bối.

(9) Henri Lefébvre trong Introduction à la Modernité trang 234.

NGHỆ THUẬT VÀ BẠN ĐỌC

THƠ

Các bạn Hoài Thu Thảo Ca — Lê Văn Thuận — Từ Tuấn Hải — Trầm Nhân Nghệ Thế — Hoa Hoang — Hà Túc Đạo — Chu Trầm Nguyên Minh — Chu Vương Miện — Trần diệp Đình — Dương Chi — Bình Lãng — Vũ Dạ Uyên — Nguyễn Đức Thạnh — Ngụy Gia Biệt — Tiểu Vọng Lử Dạ Lý Hương — Phan Minh Trừng — Hoài ziang Duy — Đặng Hoàng Chung — Nỗi Buồn Du Mục — N.V.Dưỡng, — Huyền Vy — Huyền Thủ Sắc — Vũ nguyễn Quê Hương — Phương Duy Thảo — Dương Thùy Trang — Quảng Giũ — Phạm Trần Nhân — Thy Ngọc Thúy — Võ Tấn Khanh — Phạm Nhã Uyên — Nguyễn Văn Quý — Ngh. Ngh. Hoạch — Tông Minh Phụng — Nguyễn Phương Loan — Trần Diệu Hồng — Từ khởi Nguyên — Nghi Thân — Triều Uyên Phượng — Kim Xương — Tạ đình Thường Oai — Thanh Vũ Hà Như — Triều Sương Dạ Sử — Lê Gia trung Hậu — Nguyễn Tấn Sĩ — Cung Tâm — Tần Hoài Dạ Vũ — H.Đ. Nhựt Thảo — Trần Thy Giã Tràng.

Đã đọc thơ các bạn. Gửi cho tòa soạn những sáng tác khác.

VĂN

Trần thế Thủy triều — Phan Kim Huê — Lê Văn Kim — Mai ngân Sao — Phạm Hai Hà — Sa Nhân — Tôn Nữ Đạm Thủy — Hoan Ca — Chu Tưởng Kỷ — Lê Thùy Ly — Thy Ngọc Thúy — Song Nguyên Hoài Thảo — Thần Trọng Nhân.

Đã đọc. Gửi tiếp cho chúng tôi những sáng tác khác

NHẮN TIN

Ng. Nh. D — Quảng Ngãi — Đã đọc kỹ. Trước khi đăng bài đó, muốn nhờ anh viết cho những đề tài đã nói. Nhớ gửi sớm. Sẽ có thư riêng bàn lại vài điều.

Thành Tôn — Đà Nẵng. Đã nhận được thư. Gửi cho ít bài thơ. Cảm ơn đã nghĩ đến những điều đó.

Đinh Hoàng Sa — Đã bắt đầu đăng cái kịch W. Sorayan. Cứ tiếp tục. Nếu cần, sẽ gửi tài liệu ra cho anh. Cho biết trước những cái có thể làm.

Anh Phạm Mĩ Khánh — Đã đọc bài «Những ý Nghĩ Tháng Giêng». Nên gửi tiếp tục.

nghệ thuật phê bình

— tiếp theo trang 4

buông trôi, mà chính tinh thần sau chót của cuốn truyện đặt ra cho chúng ta những vấn đề đòi chúng ta trả lời, và chỉ có câu trả lời của người đọc mới là tinh thần của tác phẩm.

Nguyễn Trung Dũng đã lựa chọn một khởi đầu hiểm nghèo, cái hiểm nghèo nơi bút pháp khô khan, cứng mạnh làm khó chịu những thói quen, cái hiểm nghèo trong cách bố cục cố gắng thoát vượt ra khỏi những mẫu mực để tìm kiếm những cái lạ, cái bất ngờ. Không phải tác phẩm không có những khuyết điểm như sự cố ý trong ngôn ngữ đối thoại khiến nó mất đi cái thật của cuộc sống, cái tham lam rườm rà làm nặng nề câu chuyện, và những ngôn ngữ thời thượng... Gạt bỏ những khuyết điểm ấy ra chúng ta có thể nói *Trong Thành Phố Ngoài Mặt Trận* là một khởi đầu nhiều hứa hẹn.

GIÁ BÁN 8 $

Bột Ngọt

Vị-Hương-Tố

味素

Ăn chay - ăn mặn : Ngon và Bổ

THIÊN-HƯƠNG CÔNG-TY S.A.R.L

VĂN-PHÒNG : 91, KHỔNG-TỬ, CHỢ LỚN
ĐIỆN-THOẠI : 37021

TỔNG ĐẠI-LÝ : HÃNG VIỆT-HOA
37, TRỊNH-HOÀI-ĐỨC ĐT. 36933